Y-SINH CHÍ NAM

GUIDE PRATIQUE POUR LES INFIRMIERS

par

ƯNG-HOÁT

DÉPÔT LÉGAL
N° 184

Préface de M. le Dr Hermant

HANOI
IMP. THUC-NGHIÊP AN-QUAN

1922

8° Te 18
1046

Y-SINH CHÍ NAM

184

GUIDE PRATIQUE POUR LES INFIRMIERS

BIBLIOTHÈQUE DES ÉTUDIANTS

par

ƯNG-HOÀT

Préface de M. le Dr Hermant

HANOI

IMPRIMERIE THUC-NGHIÊP AN-QUÁN

1922

8° Te 18
1046

Tous droits réservés

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE

PRÉFACE

Voici un manuel depuis longtemps nécessaire. Il est né de la constatation souvent faite que le rendement du personnel infirmier ne correspondait pas toujours à sa bonne volonté et à son désir de bien faire. Et cela parce qu'il est impossible à ce personnel de trouver dans des ouvrages spéciaux l'instruction nécessaire et appropriée. Certes, beaucoup de bons manuels d'infirmiers existent; mais écrits en français, contenant nécessairement un assez grand nombre de mots techniques, ils sont d'une lecture malaisée et souvent incompréhensible à la plupart des infirmiers. Il importait donc de mettre en leurs mains un outil plus facilement utilisable.

C'est à ce travail que s'est adonné Mr le Médecin auxilaire Hoat, soucieux d'être à la fois utile aux malades et à ceux qui les soignent. Les infirmiers y trouveront après une revue rapide des devoirs qui leur incombent un exposé claire succinct des différentes médications qu'ils auront à appliquer.

Conçu et écrit au contact des nécessités quotidiennes de la vie d'hôpital, ce manuel représente, on peut le dire, ce qu'il est nécessaire de bien connaître pour devenir un bon infirmier. Aussi je ne doute pas qu'il ne trouve auprès d'eux le succès que mérite le travail consciencieux et désintéressé de mon distingué et cher collaborateur.

Dr HERMANT.

TRADUCTION DE LA PRÉFACE

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE

Quyển sách nầy cần-thiết đã lâu. Sở-dĩ làm ra là vì đã nhiều phen tâng trông thấy mấy thầy y-sự không có sách thích dụng để đọc cho biết phương-pháp, nên dầu có lòng nhiệt-thành muốn làm cho xứng chức mà không thể nào làm được như-ý sở nguyện. Vẫn biết rằng các thứ sách nói về khoa điều-hộ xuất hiện đã nhiều, nhưng hiềm-vì những sách ấy làm bằng chữ pháp lại dùng nhiều tiếng riêng khó hiểu, mấy thầy y-sự phần nhiều không thấu triệt được hết nghĩa lý; vậy nên cần phải có một quyển sách cho vừa dùng hơn.

Nay ông Hoát đã hết sức kê cứu làm ra bản sách nầy, trước là có ý ích cho người săn-sóc kẻ đau, sau lại ích cho người đau nữa. Xem sách nầy thì mấy thầy sẽ hiểu rõ nghĩa-vụ của mình và sẽ biết những cách chữa bệnh thường ngày gặp.

Quyển sách nầy, tác-giả xem xét công việc cần-dùng hằng ngày trong nhà thương mà làm ra, nên tôi thiết tưởng rằng có thể dạy cho mấy thầy y-sự những đều cần phải biết mới tinh được nghề mình.

Vậy tôi chắc rằng mấy thầy y-sự sẽ hăm-hở đọc quyển sách nầy, mà người phụ-tá quí trọng và thân-thiết của tôi đã có công làm ra.

KHOẢN THỨ NHẤT

Iº — VÌ SAO MÀ LÀM RA QUYỂN SÁCH NÀY?

Một hôm kia tôi nói chuyện với một quan thầy thuốc tây về sự tình cảnh và công việc của mấy chị và mấy thầy y-sự, quan ấy nói rằng; «có thầy làm việc thiệt dỏi lắm, đáng khen quá, nhưng phần nhiều làm mà chẳng biết lý khi làm sai chẳng biết cớ sao mà sai, không phải lỗi gì mấy thầy, nhưng vì không có sách mà coi.»

Tôi đáp lại rằng: «nếu tôi góp lặt vài bài quốc-ngữ làm cuốn sách nhỏ cho mấy thầy coi thì có ích gì không?»

Ông trả lời: «ấy là đều có ích, vì sách tây làm cho những người y-sự bên Tây học, ở đây có thầy coi hiểu, thiệt tốt, nhưng phần nhiều lấy làm khó.»

Quyển sách nầy in ra là bởi thế, trước nữa chúng tôi muốn để cho mấy thầy và mấy chị mới vô làm ở nhà-thương coi cho biết, kẻo khi mới vô ngợ-ngàng chẳng biết bổn phận mình nên làm công việc gì, sau để cho mấy thầy và mấy chị làm đã lâu mà có chuyện gì chưa rõ, xem chơi cũng hay.

Trong nầy chúng tôi chỉ nói những cách làm thuốc mà mấy thầy và mấy chị phải biết mà thôi. Những cách ấy hình như dễ e có người nói không học cũng biết. Chúng tôi thiết tưởng nói thế là lầm; vì nói dễ mà có làm mới biết khó, vả lại trong nghề trị-bệnh, nhiều đều nhỏ-nhẹn mà rất quan-hệ, làm sai một ly đi một giặm.

Quốc-ngữ có tiếng: chúng tôi dùng không được đúng lắm, lời lẽ cũng quê-mùa, xin chớ lấy làm đều, mà biết cho chúng tôi rằng không phải dám lấy sách hèn này mà sánh văn-chương hoặc mua danh-lợi gì đâu, song chỉ muốn ích cho mấy thầy và mấy chị chút đỉnh, ấy là cũng có ích cho người bệnh một tý vậy.

II.—BỔN-PHẬN MẤY THẦY VÀ MẤY CHỊ LÀM Ở NHÀ-THƯƠNG ĐỐI VỚI NGƯỜI BỆNH

Bổn-phận mấy thầy dã nhiều mà lại gay-go, khó nhọc lắm: phải thức khuya dậy sớm; canh-gác, phải chịu tiếng nặng tiếng nhẹ của người bệnh, nghĩ cũng nhiều đều vất-vả. Song le, nghề gì cũng có cực, có sướng. Ví như thầy chịu khó nhọc mươi ngày với một người bệnh bị mổ nặng, khi người bệnh lành, cám ơn thầy mà về nhà, thiệt là khi ấy thầy vui sướng biết bao nhiêu!

Tuy có quan thầy-thuốc mổ hay, song cũng nhờ thầy biết cách săn-sóc, người bệnh ấy mới mau lành được. Dầu người bệnh không biết cho nữa, lương-tâm thầy cũng bằng lòng lắm!

Bởi cho nên làm một thầy y-sự dỏi cũng không dễ; phải cho có nhiều tánh tốt mới được. Chúng tôi nay đã tầng gặp nhiều thầy dủ tánh-hạnh tốt, dáng khen lắm, nhưng cũng có nhiều thầy chưa biết cách ăn-ở cùng người bệnh; tưởng cũng nên nói qua vài đều.

Trước hết phải cho biết rằng người bệnh vì đau đớn, trong mình khó chịu, nên bực rực, gắt-gỏm, nhiều khi ưng ích cho mình mà thôi. Vậy khi người ta nói lỡ lời, dừng chấp trách, hoặc khi người ta mê hay là nóng, la mắng mình cũng bỏ lơ đi.

Khi săn sóc người bệnh phải cho tự nhiên, đừng làm cách hoảng hốt mà người ta lo-sợ; cũng không nên làm cách lạt-lẽo lắm mà người ta buồn. khi người ta cần dùng cái gì thì nên sốt sắng mà giúp dỡ cho người; chỉ trừ đều gì mà thầy-thuốc cấm thì thôi.

Dầu khó nhọc một chút cũng cứ vui vẻ luôn. Thiệt không gì qui-báu bằng khi người bệnh đau mà có một thầy y-sự một bên giường, mặt mày tỉnh táo, vui vẻ, không lấy sự khó-nhọc làm đều!

Bất kỳ làm việc gì, phải cho có thứ tự; dồ thường dùng phải sắp đặt cho có ngăn nắp, đến khi dùng thì biết cái

nầy để đâu, cái kia để đâu, không phải chạy quanh-quất tìm ôn-ào trước nữa mất thì giờ sau nữa làm cực cho người bệnh, vì nhiều khi đi tìm cái gì trễ làm cho người bệnh đau thêm một lúc. Khi làm thuốc xong thì đồ gì ở đâu phải để lại đấy, đừng cho sai chỗ.

Người bệnh thường ưa sự lặng-lẽ, khi đi đừng phải dữ-dìn đừng cho tiếng guốc tiếng giày kêu quá, đừng đụng ghế, đụng giường, đừng la người nầy kẻ nọ to tiếng quá.

Nói với người bệnh phải cho thong thả rõ ràng cho người ta hiểu, đứng trước mặt mà nói thì hơn, để cho người bệnh khỏi phải quay mặt lại mà mệt người.

Ăn nói đừng dùng lời cao-đạo lắm ; có người bệnh thường năng xét-nét mà buồn về lời nói.....

Trong lúc săn sóc người đau, phải cho có ý-tứ hết sức : cho biết sắc mặt người bệnh có thay đổi không, cho biết người bệnh mửa mấy lần, đi dồng mấy lần, mồ-hôi nhiều ít, nóng hay lạnh, mạch cao hay thấp, người tỉnh hay mê, chơn tay lạnh, ấm, vân vân....., trăm đều phải cho có ý vô đó, để khi quan thầy-thuốc đi khám mà nói lại, thiệt là ích lắm lắm. Như không nhớ được thì nên biên vào một cuốn vở nho-nhỏ để khi thầy-thuốc đi khám thì dở ra coi lại mà nói.

Còn đồ-đạc dùng trong nhà-thương, không nên phí lắm. Của mình cũng không nên phí thay, huống gì của nhà-nước; vả lại gặp khi quan thầy-thuốc dùng đến cái gì mà vì mình phí nên hết đi, không còn nữa, thiệt là có lỗi lắm.

Còn một chuyện nầy trọng lắm, là không khi nào nên nói với người khác bệnh của ông nầy bà kia, vì có bệnh người ta không cần gì dấu thiên-hạ, nhưng cũng có bệnh kín người bệnh chỉ ưng cho thầy-thuốc biết mà thôi. Vậy khi nào biết bệnh của người ta thì không nên nói ra; đã không phải lẽ, mà lại có khi bị người bệnh kiện với quan trên thì người bệnh được mà thầy có lỗi.

III.— BỔN PHẬN THẦY Y-SỰ ĐỐI VỚI QUAN THẦY-THUỐC.

Đối với quan thầy-thuốc nhất là phải vâng lời. Quan-thầy cho thuốc gì thì cứ thuốc ấy mà cho người bệnh, cách thức uống thầy-thuốc dã dặn thì phải nhớ mà cho, không nên sai tí nào cả. Vì nhiều khi cũng một vị thuốc mà cách uống sai, làm cho người bệnh say, mệt mỏi trong mình hoặc chóng mặt nhức dầu. Cho nên khi biên thuốc men vào sổ (1) thì phải cho sạch sẽ phân-minh.

Phải cho thiệt-thà: dã lầm lỗi cái gì thì phải nói thiệt cho quan thầy-thuốc hay, chớ dừng dấu, có khi hại đến người bệnh.

Không nên nói với người bệnh rằng thuốc này dở, thuốc kia tốt, vì thuốc mà quan-thầy dã cho là người ta dã nghiệm sự phải chăng rồi. Nếu chê hai thứ thuốc quan-thầy mới cho, làm người bệnh mất sự tin, thành ra cũng lâu lành, vì người bệnh cần phải tin trong món thuốc lắm mới được. Khi nào xem bộ người bệnh không hạp thứ thuốc quan-thầy cho, uống vào thì không chịu, hoặc dau thêm, hoặc mửa thì phải nói cho quan thầy-thuốc hay dể sửa lại.

IV. — BỔN-PHẬN THẦY Y-SỰ ĐỐI VỚI BÀ CON NGƯỜI BỆNH.

Chuyện bà con vô ra nhà-thương thăm người bệnh, thì mỗi tỉnh mỗi khác, tùy quan trên định. Sự ấy rất quan-hệ ở xứ ta; người mình bao giờ dau cũng vẫn ưng ở nhà hơn nhà-thương, là phần nhiều tại bà con ra vào nhà-thương không tiện... Có tỉnh quan trên cho người bà con vô ra nhà-thương thăm viếng người bệnh một cách tự-do; có tỉnh thì nghiêm-cấm lắm, vô ra phải có giờ ngày nhất-định. Phía nào cũng có lợi hại cả, vì rằng: như cho vô thăm tự-do, thì nhiều khi người bệnh nhẹ, mà bà con vô ra

1 Cahier de visite.

thăm đông quá, ồn ào, làm người đau nặng nằm một bên không nghỉ được cũng bất-tiện; còn như định giờ cho vô thăm rồi ra ngay, nhiều khi gặp cảnh người nhà-quê giờ ngày chẳng biết, đến thăm anh em đau nặng, trật giờ phải đứng bơ-ngơ ngoài cửa, ngó cũng khá thương lắm.

Xem như vậy thì phải tùy lệ Quan trên đặt mà theo. Nhưng phải biết rằng tình cha mẹ, anh em, bà con, thương nhau, ai cũng có. Gặp người bà con vào thăm người bệnh mà trật giờ, phải lấy lời dịu ngọt mà nói đến giờ ấy hay là giờ kia hãy vào, chớ dùng lời thô mà người buồn, vì phần thì lo cho người bà con đau, phần lại gặp lời nói không lịch-sự thành ra oán-hận.

Có người bà con lại muốn ở lại với người bệnh. Khi ấy phải nói cho quan thầy-thuốc biết; như người bệnh nặng thì quan-thầy cho, chớ cũng chẳng hẹp gì việc đó. Dặn người ở lại đó thì phải cho tỉnh-táo, đừng làm hoảng-hốt mà người bệnh lo sợ; quan thầy-thuốc cấm ăn món gì uống món gì thì phải bảo người ta cho cẩn-thận. Lấy lời lịch-sự mà dãi người bà con xin ở lại với người bệnh đó, nhưng không nên kết bạn-bè thân-ái lắm, vì thân thì nể, mà đến khi nể thì có lẽ phải sai bổn-phận mình; ví dụ như quan thầy-thuốc dặn không cho ăn cơm, mà người bệnh thì đòi mãi, người bà con ở lại đó, cầm lòng không đậu, phải cho và nhờ thầy dấu đi, như thầy thân với người bà con đó lắm thì phải nể mà để cho ăn; thành sai bổn-phận đó vậy.

Thường-thường người bà-con người bệnh năng hỏi bệnh sẽ trở ra thế nào, thì phải kín miệng và bảo người ta tự hỏi quan thầy-thuốc, nhưng cũng nên khuyên giỗ người ta vài lời cho người yên tâm.

V.— KHI LÀM VIỆC CHO ĐẾN KHI VỀ NHÀ.

Lúc đi làm việc phải mặc quần áo cho sạch-sẽ, đến nhà thương phải mặc một cái áo trắng riêng 1) để trùm ngoài cho

---

(blouse, tablier.

khỏi lấm dồ nhớp-bẩn vô áo trong; tay áo phải xắn cho cao, để khi rửa cho tiện.

Lúc làm việc lấm gì vào tay thì phải rửa ngay và phải dữ cho đừng chợt tay ra mà dôi khi phải lây bệnh người khác.

Trước khi về nhà phải rửa tay cho sạch rồi hãy mặc quần áo mà đi, vì khi ở nhà-thương mó vào cái gì là cũng bẩn cả, như là giường, chiếu, ống nhổ, vân-vân .....

Rửa thì phải dùng xà-bong (1) và nước, xong lại phải rửa rượu chín-mươi chữ (2) hay là thuốc oxycyanure de mercure à 1 p. 1000, hoặc là sublimé à 1 p. 1000. (3)

Cách rửa tay mục XXI còn sẽ nói lại, đó là nói đại-khái vậy mà thôi.

Khi về đến nhà thì phải rửa mặt, súc miệng và rửa tay lại rồi hãy ăn cơm.

Làm ở nhà-thương một tuần vì phải gác một hai đêm không ngủ được, cho nên trong mấy ngày không gác, về nhà thì phải ngủ để dưỡng sức. Thường-thường người cợ hai ba mươi tuổi thì phải ngủ cho được bảy giờ mới đủ.

VI.—BUỒNG NGƯỜI BỆNH NẰM.

Buồng người bệnh nằm phải cho trống-trải, không nên để đồ nhiều, chật-chội; người bệnh thường đã không thích đồ-đạc để xung-quanh giường nhiều, mà lại để nhiều đồ quá cũng mất vệ-sinh.

Trong buồng người bệnh nằm để một cái giường nằm,

(1) Ở Bắc-kỳ gọi là xà phòng.

(2) Alcool à 90° : nghĩa là trong thứ rượu ấy một trăm phần thì có chín mươi phần rượu và mười phần nước.

(3) 1 pour 1000 nghĩa là 1 gr. thuốc thì 1000 gr. nước; nhưng trong hai vị thuốc nói đó thường phải bỏ vào một ít rượu hay là acide tartrique mới tan và lại phải trộn thêm một tí indigo bleu de méthylène gì để ngó cho có mùi xanh, kẻo lầm với nước lạnh. Cũng vì mùi xanh ấy nên ở nhà-thương năng gọi là nước-xanh, chớ sublimé thời trắng, chẳng có mùi gì cả.

một cái ghế ngồi và một cái ghế vuông để đồ là đủ. Cái ghế vuông ấy chỉ nên để thuốc và nước uống trên tầng trên, tầng thứ hai thì để ống nhổ, tầng dưới hết để cái bô đi đại-tiện.

Trong buồng người bệnh không nên để áo quần bẩn và tơi nón gì. Khi người bệnh vào nhà-thương thì đã có áo quần Nhà-nước sạch-sẽ. Còn áo quần tơi nón của người thì phải gởi tại kho nhà-thương, khi nào người bệnh về sẽ giao lại.

Cửa sổ và cửa lớn thì phải mở trống-trải cho sáng và cho có gió vào; trừ khi trời lạnh thì phải mở một phía cửa mà thôi, còn một phía thì nên đóng lại, kẻo mở cả hai bên thì gió quá (1) không tốt.

Mỗi buổi sáng phải lấy nước chùi buồng rồi lấy bao gai hoặc vải lau lại cho sạch nước. Như có thứ chủi bằng cao-su mà dùng để đẩy nước cho sạch và mau khô thì càng tốt lắm, nhưng không khi nào được quét khô, bụi bay lên giường, vả lại có nhiều thứ vi-trùng độc bay lên thì hiểm nghèo lắm. Khi lau nhà xong thì nên lấy thuốc crésyl (2) pha loãn ra rồi tưới dưới giường và mấy góc phòng để trừ những giống vi-trùng (3). (Thứ thuốc ấy sẽ nói lại ở mục XXXVII)

VII. — KHI NGƯỜI BỆNH VÔ NHÀ-THƯƠNG

Khi người bệnh mới vô nhà-thương, thì hỏi tên tuổi và ở đâu, làm nghề gì để làm giấy; xong rồi thì như người bệnh nhẹ, không nóng lạnh, cách thở như thường, đi đứng

(1) Khi nào mở hai cửa ngang nhau mà gió hụt-hụt thổi mạnh quá, gió ấy thường gọi là courant d'air thì nên tránh. Trong hầm xe-lửa thường thường gió như vậy, vì hai cửa đối nhau mà xung quanh lại bít.

(2) Một phần thuốc ấy hai mươi phần nước thì vừa dùng; nhưng cứ chế phỏng chừng khi nào thuốc ấy trắng ra như sữa bò thì vừa dùng; thuốc ấy khi chưa hòa với nước thì mùi đen.

(3) Nói đại khái vậy chớ trong các việc mà phần cu-ly làm thì thầy y-sự chỉ xem để chỉ vẽ mà thôi

được, không gầy chơn tay gì, thì nên cho đi tắm rồi thay quần áo cho sạch-sẽ. Như người bệnh ngó bộ nặng, mỏi mệt lắm, mạch cao, thở mau, hoặc mới bổ té, đau chơn tay thì khoan cho đi tắm để chờ hỏi ý quan thầy-thuốc đã.

Khi cởi áo quần người bệnh thì phải cho có ý : như tay chơn đau thì phải cởi cho thong-thả, như khó cởi thì lấy kéo cắt đường may ra cho rộng để cởi cho dễ. Phải cởi tay lành trước rồi cởi tay đau sau ; còn khi mặc áo cho người bệnh, lại phải mặc tay đau trước tay lành sau. Mặc áo-quần xong-xả rồi thì phải chải tóc cho người để cho sạch chí rận.

Như miệng người bệnh bẩn thỉu phải lấy một miếng vải ướt bọc ngón tay rồi dánh quanh hai hàm răng. Có phấn dánh răng mà dùng thì càng tốt. Xong thì cặp mạch (1) cho người bệnh rồi để vô giấy. Một bên người bệnh cho có ống nhổ, ống đi tiểu và chực cho có khăn nghe, ống nghe, cái dè-lưỡi và rượu để quan thầy-thuốc đi khám cho sẵn đồ dùng.

Sự sạch-sẽ cho người bệnh không phải là săn-sóc khi người ta mới vô nhà-thương mà thôi, mà lại thường ngày phải coi ngó luôn-luôn. Sáng nào cũng phải săn-sóc về chuyện rửa mặt, dánh răng. Người bệnh liệt-nhược quá thì phải xem sau lưng và hai bàn-thối cho khô luôn. Lấy khăn cho sạch mà lau khô, hoặc nhúng một tý rượu mà lau rồi thì rắc bột dừng cho mồ-hôi tẩm dưới lưng và cũng dừng để cái gì cứng dưới lưng. Người bệnh liệt quá thường phải nằm ngửa một bề, nếu mồ hôi nước tiểu tẩm dưới lưng và có cái gì cứng chận dưới như là miếng bánh mì hoặc chiếc chiếu xếp vô ý, thời ít hôm phải thối thịt ở bàn thối hay là nơi lưng. Cho nên phải lót dưới lưng miếng bông hoặc cái nệm cho mềm và thỉnh-thoảng nên trở mình cho người ta, khi nằm nghiêng bên tay trái, khi bên

---

1 Prendre la température dịch là kẹp mạch cũng sai, nhưng mà tiếng ấy thường ở nhà-thương năng dùng. Xem mục X.

tay mặt, trừ khi mổ-xẻ ở bụng thì thường-thường phải nằm ngửa.

VIII.— SỰ ĂN UỐNG CỦA NGƯỜI BỆNH.

Khi lành-mạnh sự ăn uống thiên-hạ cũng cho là trọng, huống gì là khi đau ốm. Cho nên khi đau ăn uống phải cho biết cách. Một người bệnh uống thuốc hay mà không biết cách ăn uống kiêng cữ thì cũng lâu lành mà có khi lại nặng thêm. Bởi vậy cho nên kiêng cữ mọn gì, thầy thuốc dã dặn thì phải theo không được sai lời.

Có nhiều bệnh phải cữ(1) ăn đồ mặn một hai tháng; như vậy, người có chi mấy, một dòi khi cũng ngã lòng và không có thể cữ được, cho nên sanh ra ăn chùng, nghĩa là có mặt thầy-thuốc đó thì dem sữa ra uống mà quan thầy đi khỏi thì ăn cá ăn mắm cho ngon, kẻo ăn đồ ngọt luôn chán không ăn được. Khi thầy y-sự thấy người bệnh không thể vâng lời được, thì phải nói lại cho quan thầy-thuốc biết để khuyên-bảo người bệnh hoặc để sửa món ăn lại. Lại có người bệnh không phải kiêng cữ món gì, mà ăn không biết ngon hoặc ăn vô thì buồn mửa, lâu tiêu, thì cũng phải nói lại cho quan-thầy hay.

Coi như vậy, khi người bệnh ăn thì phải đứng mà xem cho biết ăn ngon hay là dở. Như ăn dở thì cũng phải cho biết vì cớ gì : đồ ăn nguội quá hay là mặn quá, hoặc là vì ăn vô tức bụng khó chịu mà người bệnh ăn không ngon. Khi đứng xem cũng phải cho có ý, vì có người bệnh nhút-nhát, trong lúc ăn thấy người khác đứng xem thì không ăn được. Những người ấy phần nhiều là các cô con nhà sang-trọng, đi ra đường còn thẹn huống gì ăn uống trước mặt người lạ. Số người như vậy chắc hẳn cũng ít, nhưng mà tưởng cũng nên nói cho biết.

Có người vô nhà-thương chữa bệnh rượu hay là nha-phiện lại dem chúng rượu và thuốc-phiện vào, để uống

---

1 Ở Bắc-kỳ gọi là kiêng.

chùng kẻo trước dã quen, bấy giờ bỏ dứt di cũng khó chịu. Rượu thì năng dỗ vô bình-tích thường dựng nước trà để cho người ta lầm là nước, còn thuốc-phiện thì hơ trên bàn đèn, viên lại từng viên bằng hột dậu hay là hột bắp, (1) bỏ trong bao thuốc lá rồi đem vào nhà-thương.

Mấy chuyện đó cũng phải cho biết để nói lại với quan thầy-thuốc ; chớ không thì có khi quan thầy-thuốc tưởng rằng người bệnh uống thuốc chịu, không đòi rượu hay là thuốc-phiện nữa, té ra thường ngày người bệnh rượu cứ uống, mà thuốc nha-phiện cứ nuốt từng viên !

Nước uộng thì thường năng dùng nước chè tàu hay là nước chè xanh, chè với. Khi nào cũng phải nấu cho sôi, rồi để nguội lại mà uống.

Có khi người bệnh buồn mửa hoặc là mửa ra máu, thì quan thầy-thuốc năng cho nước đá. Nước đá dùng như vậy thì phải đánh nhỏ ra bằng trái phùng-quàn hay là trái ổi, rồi cho người bệnh ngậm từng miếng một. Như có cái bình riêng mà dựng nước đá cho lâu tan thì tốt, mà không thì phải bỏ lên trên một miếng nỉ (2) rồi để miếng nỉ ấy vô trong một cái chén, chén ấy lại để trên dĩa. Nước đá để như vậy khỏi chảy ra ướt bàn mà lại được lâu tan hơn bỏ vô chén không.

IV. — CÁCH CHO THUỐC VÀO THÂN THỂ NGƯỜI BỆNH

Có nhiều cách để cho thuốc vào thân-thể người bệnh. Mỗi một cách có đều lợi mà cũng có đều bất tiện riêng. Thử xem như sau nầy.

1°. — cho uống (3)
2°. — cho vào lỗ-đít (4)
3°. — phết ngoài da (5)

---

(1) Hạt ngô.
(2) Miếng dạ.
(3) Voie buccale.
(4) Voie rectale.
(5) Voie cutanée.

4°. — tiêm vào thịt hay là mạch máu (1)

5°. — cho vào phổi (2).

1°. — CÁCH CHO UỐNG THUỐC.

Cách ấy dùng nhiều hơn hết, vì nhất tiện hơn. Người mạnh ăn uống dùng miệng, thời người đau cũng dùng miệng mà uống thuốc, ấy là theo lý tự-nhiên. Vả lại không phải dùng đồ gì lạ, chỉ những thìa, ly, chén, đồ thường dùng đâu cũng có ; lại thuốc uống cũng dễ chế hơn.

Nhưng vậy mà cũng có đều không tiện như sau này ;

a) THUỐC UỐNG HIỆU NGHIỆM CHẬM.— Vì uống thuốc thân-thể không dùng được ngay, phải đợi thuốc ngấm vào huyết mới có hiệu.

Tuy thuốc uống vào hiệu nghiệm lâu mau cũng tùy thứ thuốc, nhưng có mau lắm nữa cũng phải hai mươi phút.

b) THUỐC UỐNG THÂN-THỂ DÙNG KHÔNG ĐƯỢC TRỌN HẾT. — Chỉ có phần ngấm vào huyết là có ích, còn phần khác thì đi đồng mất. Vậy cho nên thuốc gì mau ngấm chừng nào thì hiệu mau và thân-thể dùng được nhiều chừng nấy. Vì thế cho nên những thứ thuốc viên, thuốc hột mà to lắm thì không tốt.

c) LÀM YẾU SỨC TIÊU-HÓA CỦA GIẠ DÀY. — Có thì thuốc uống lâu sinh ra ăn mất ngon, buồn mửa hoặc sinh đi đồng lỏng là vì vậy.

d) CÓ BỆNH KHÔNG UỐNG THUỐC ĐƯỢC. — Như là mê, điên, đau cổ, cứng miệng v v. . . Lúc ấy phải dùng cách khác.

Bất kỳ thuốc gì, sự cân kéo, do lường cho có chừng độ là trọng lắm.

Ở các kho thuốc năng dùng tiếng gầm nghĩa là gramme.

---

1 Voie hypodermique ou intra-veineuse.

2 Voie respiratoire.

Gramme là một quả cân nhỏ, nặng bằng một centimètre cube nước. Như một cân tây chia ra một nghìn phần, một phần ấy gọi là một gramme.

Có khi cho thuốc lại dùng muỗng (1) và ly (2) mà lường. Một muỗng nhỏ (cuiller à café) đựng được cợ.....5 gr. nước.
Một muỗng lớn (cuiller à soupe) đựng được cợ...15 gr. nước.
Một ly nhỏ (verre à liqueur) đựng được cợ.....25 gr. nước.
Một ly vừa (verre à madère) đựng được cợ.....75 gr. nước
Một ly lớn (verre à bordeaux) đựng được cợ...100 gr. nước.

Thuốc uống khi thì hòa sẵn trong nước (potion), khi thì viên tròn (pilule), viên bẳng thẳng như hào con (comprimé) khi thì bột (poudre), khi lại bọc trong một cái giống như bọc-nhện (cachet) vân vân...

Khi cho uống thuốc cần phải cẩn-thận hết sức; phải coi giảng ngoài chai thử đã đúng của người bệnh chưa, hay là lộn của người khác.

Như thuốc đã chế sẵn trong chai thì rót ra muỗng hay là ly sạch mà cho uống, trước khi rót thì nên lắc chai cho đều thuốc; còn rót thì rót phía không có giảng kẻo ướt giảng và lu chữ; xong rồi phải đậy nùi kẻo bay mùi hôi và lại đôi khi kiến và ruồi đục vào chai.

Cho thuốc viên thì để dữa lưỡi rồi cho uống một miếng nước, nuốt nước thì viên thuốc chảy theo.

Thuốc bột thì cứ bỏ vô nước chè, quấy cho tan mà uống. Có khi lại nên bỏ vô rượu bia (3) hay là sam-banh (4) mà uống.

Có thứ bột khó uống vì cay hay là mùi hôi thì thường người ta năng bỏ vào trong một cái như bọc-nhện đã nói trên; cách uống thì cũng như uống thuốc viên vậy.

---

1 Thìa.
2 Cốc.
3 Bière.
4 Champagne.

2°.— CÁCH CHO THUỐC VÀO LỖ-ĐÍT.

Thuốc cũng có khi cho vào lỗ-đít để trị những bệnh đau ở khúc dưới đại-trường hoặc để cho ngấm vào huyết. Cớ sao muốn cho ngấm vào huyết lại không cho uống mà phải làm như thế? Là vì có bệnh đau miệng đau họng hay là gịa-dày không thể cho uống được nên phải cho vào lỗ-đít. Như vậy thì người ta phải trộn thuốc với một thứ mỡ riêng, để người thì đông lại, hình giáng nhọn-nhọn như ngòi viết liễng ta, để chuồi vào đít (1). Ở ngoài thì cứng, nhưng khi vào đít được một lát, có hơi nóng, thì tan ra và ngấm.

Cũng có khi trộn thuốc với nước để thụt trong đít cho ngấm vào huyết. (Coi mục XIV).

3°— PHẾT THUỐC NGOÀI DA.

Phết thuốc ngoài da để thấm vào thân-thể người bệnh, thường năng dùng thứ thuốc mỡ (2).

Thứ thuốc ấy để bôi trên da (3) hay là thoa (4).

Khi bôi thì quẹt thuốc cợ chừng nào đó trên ngón tay-cái rồi bôi, xong rồi thì lấy một miếng vải buộc lại, đó là để trị chỗ đau đấy mà thôi. Còn khi thoa thì phải dùng cả bàn tay mà thoa đi thoa lại nhiều lần để cho thấm thuốc. Trước khi làm thì nên lấy xà-bong rửa ngoài da cho sạch. Thoa một lần vậy thì phải mười phút, vả lại nên lựa chỗ da mỏng mà làm, như là nơi háng, nách, trước cùi tay, vân vân... để cho dễ ngấm vào thân-thể.

4°.— TIÊM THUỐC VÀO THỊT HAY LÀ MẠCH MÁU.

Khi nào vì cớ gì mà người bệnh không thể uống thuốc được như là đau cuống họng, gịa-dày, vân vân, hoặc khi chữa người bệnh nặng, người ta muốn cho thuốc ngấm vào

---

1 Suppos toire.
2 Pommade. Exemple: Pommade mercurielle.
3 Onction.
4 Friction.

thân-thể người bệnh ngay thì phải tiêm. Vả lại có thứ thuốc uống không được thì phải dùng cách tiêm. Tiêm đã được lợi thuốc ngấm vào huyết mau mà lại thuốc vào thân-thể trọn không mất tỷ nào (coi trương 49).

5°.— CÁCH CHO THUỐC VÀO PHỔI.

Ở các nhà-thương lớn, người ta có cái bao to bằng cao-su để cho sinh-khí vào phổi. Vả lại có thứ thuốc người ta bỏ vào khăn vuông rồi để lên mũi mà hít (1). Nhưng cũng ít dùng, chỉ có sự xông thuốc là năng dùng hơn.

Cách xông thuốc (2) ý cũng giống như cách xông của mấy thầy-thuốc nam bày ; nhưng mà bên ta khi xông thì lấy một cái mền trùm cả người, trong mền thì để nồi lá-thuốc nấu sôi, để cho hơi lên. Ở nhà-thương khi xông thì người ta dùng một cái xanh để đựng nước sôi, trong nước ấy thì bỏ thuốc (3) vào, rồi người ta đặt một cái ống để chuyền hơi thuốc từ xanh mà lên mũi và miệng (coi hình số 1)

fig 1.— Cách xông thuốc để cho vô phổi (Inhalation)

(1) Như là khi chết giả thì người ta cho hít éther hoặc ammoniaque để cho tỉnh lại

(2) Inhalation.

(3) Thuốc thường dùng để xông như vậy là menthol, eucalyptol, goudron vân vân, để chữa nhiều bệnh đau cổ và ho,

X.— BẮT MẠCH (1).

Trái tim người sống thì đêm như ngày cứ thóp vô phình ra luôn để chuyền máu cho các mạch-máu trong thân-thể người ta. Bởi vậy cho nên muốn biết trái tim chạy yếu hay là mạnh, mau hay là chậm, thì để tay xem nơi mấy mạch máu ngoài là đủ biết. Thường người ta năng để mấy ngón tay ở cổ-tay người bệnh mà bắt mạch, là vì ở đó có một mạch máu cạn (2) chạy liền dưới da. (Coi hình số 2)

fig 2-Cách bắt mạnh (observation du pouls)

Khi bắt mạch thì để người bệnh ngồi hay là nằm cũng được, còn người bắt thì để ngón tay ở cổ-tay người bệnh, (ngón tay cái thì để ngoài, đầu ngón chỉ và đầu ngón dữa thì để trong) phải để nhẹ nhẹ, không nên ấn mạnh lắm mà máu không chạy được, để cho được nửa phút đồng-hồ là ít và làm cho tự-nhiên kẻo người bệnh lo-sợ động lòng thì

(1) Tâter le pouls
(2) Artère radiale

mạch chạy khác ngay. Trong lúc bắt thì đem đồng-hồ ra mà xem, coi thử trong một phút mạch máu dựt được mấy lần. Thường thường con nít thì mạch chạy mau hơn người lớn; như trong một phút đồng hồ con nít cợ còn đương bú thì mạch được 120 hay là 130, con nít cợ năm, mười tuổi thì mạch được 90 hay là 100; còn người lớn thì cợ 70 hay là 80.

Xem như vậy thì người lớn mà trong một phút mạch chạy hơn 80 là có hơi mau quá, mà mạch dưới 50 là chậm quá. Lại có khi mạch chạy mạnh quá hoặc yếu quá thì cũng phải cho biết.

Thầy y-sự mà biết bắt mạch thì cũng có ích cho quan thầy-thuốc lắm; ví dụ như một người bệnh mới mổ bụng mà mạch chạy yếu và mau quá, thêm lại thở khó mà sắc mặt lại xanh lắm thì chắc có lẽ máu chảy bậy trong bụng (1), sự ấy là nguy-ngặt nên phải đi mời quan thầy-thuốc ngay.

Song le, nói tóm lại, khi nào người bệnh nóng thì thường thường mạch chạy mau; bởi vậy cho nên thường bắt mạch chạy mau chừng nào thì người ta có thể đoán rằng người bệnh nóng lên mấy độ.

XI.— HÀN-THỬ-BIỂU (1).

Cái hàn-thử-biểu, ở nhà-thương năng kêu là cái ống-mạch là một cái ống trong có thủy-ngân để đặt vô người cho biết nóng lên mấy độ. Ở ngoài ống có khắc chữ số 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, và 42; cách hai chữ thì có mười khứa nhỏ, là phân độ. Ống ấy đầu trên thì bằng, đầu dưới thì nhọn và có đựng thủy-ngân. (xem hình số 3.)

Như lấy cái ống mạch như vậy mà đặt vô nách một người

(1) Hémorrhagie interne.
(2) Thermomètre.

vô bệnh năm phút thì thủy-ngân lên cợ ngang chữ 37 ; vậy thì người ta nói rằng người ấy mạch lên 37 độ (1).

Thường thường người vô-bệnh thì chỉ lên cợ 36 cho đến 37 độ hai phần là nhiều (36· à 37· 2). Khi nào lên đến 38· là nóng rồi, như đến 39·,40· hoặc 41· là nóng lắm. Cũng có khi lên đến 42· nhưng mà rất ít vì lên đó là nặng quá, khó sống được. Lại có người bệnh yếu lắm, chỉ lên đến 35· hay là 35·5 mà thôi ; sự ấy là cũng nặng lắm người bệnh mà mạch lên kém như vậy thì thường không thể sống được.

Đặt ống mạch thì phải chờ đến năm, sáu phút hãy xem ; song cũng có thứ ống mạch riêng, nhỏ chỉ đặt trong một phút thì đã xem được. Đặt tại nách, lỗ-đít, âm-hộ hay là nơi miệng cũng được nhưng mấy chỗ sau nầy thì ống mạch thường lên cao hơn ở nách một vài phân độ. Thường người lớn thì đặt tại nách còn con nít thì lỗ-đít là tiện hơn hết. Trước khi đặt phải núm đầu trên ống mà rảy để cho thủy-ngân xuống đã, rồi sẽ đặt sau, vả lại phải lau nách cho khô và xích áo ra kẻo đặt chỗ ướt hoặc trên áo thì sai. Khi đặt vô nách xong thì tay người bệnh choàn lên ngực để dữ ống mạch không thì rớt bể ; chờ cợ năm sáu phút đồng-hồ, rồi đem ra xem, như thủy-ngân trong ống đến chữ nào thì ghi chữ ấy để để vào giấy.

Có thứ giấy riêng vuông-vuông có chữ từ 36 cho đến 41 để dùng về việc đó ; khi nào thủy-ngân trong ống lên đến đâu thì để ngoài giấy đến đấy. Một ngày xem hai lần (buổi mai cợ bảy giờ buổi chiều cợ 2 giờ) thì để hai chấm, rồi rạch một đường cho dính hai chấm ấy với nhau. (Coi hình số 3 bis thì rõ.)

---

(1) 37 degrés ou 37·.

Fig. 3 bis Température — *Novembre* 1921

Hà-thử-biểu (Thermomètre).
fig. 3

Còn đặt ống mạch cho con nít thì đặt trong dít như đã nói ở trên, đứa nhỏ nằm nghiêng, chơn dưới thẳng, chơn trên thì co, khi ống mạch đã lau sạch rồi thì bôi một tý mỡ (1) ở đầu dưới ống để chuồi vô cho dễ. Hai tay người đặt ống mạch thì một tay phải vịn cái chơn co của đứa nhỏ, còn một tay thì núm phía trên ống mạch để chuồi đầu dưới ống vô cho tiện ; khi nào chuồi hết khúc nhọn là đủ, chỉ chờ ba, bốn phút rồi rút ra xem, vì đặt ở lỗ-dít không cần gì chờ lâu như ở nách. Khi đặt ống mạch xong thì phải lau cho sạch rồi hãy đặt cho người khác kẻo có lẽ lây bệnh người nầy qua người kia, nhứt là khi nào đặt tại âm-hộ hay là dít thì phải cho cẩn-thận về chuyện ấy lắm.

XII.— CÁCH RỬA MIỆNG (2).

Sự rửa miệng là hệ-trọng lắm vì thường nhật trong

(1) Vaseline.
(2) Lavage de la bouche.

miệng vi-trùng cũng nhiều, huống gì đến khi trong miệng có mụt hoặc là sưng thối. Vả lại khi người bệnh mới bị mổ trong hưởi, phía trong má hoặc nơi mui-miếng thì phải cho biết cách rửa cho chết bớt vi-trùng, không thì mau thối lắm.

Thường rửa thì dùng nước đã nấu sôi rồi hoặc là eau boriquée hay là eau oxygénée (1), vân vân...

Người bệnh thì ngồi trên ghế, đầu hơi chúc xuống một tý cổ choàn một cái khăn thòng xuống tột ngực, hai tay thì bưng một cái thau nhỏ để hứng nước.

Thuốc thì bỏ vào trong cái ống-thụt (2), cái ấy có một ống cao-su chuyền nước, phía đầu ống ấy có một ống nhỏ, bằng thủy-tinh gọi là canule để cầm cho nước vào miệng (Coi hình số 4).

fig 4 Ông thụt (bock laveur)

(1) Eau boriquée dùng như vậy thì nên dùng solution à 40 1000 Còn eau oxygénée thì cũng nên chế thêm nước, cợ một phần eau oxygénée ba hay là bốn phần nước thì vừa dùng.

(2) Bock laveur.

Khi cái dựng thuốc dã treo lên thành (1) hoặc là trên cái dế gỗ, cách dầu người bệnh cợ nửa thước tây, thì thầy y-sự ngồi trên một cái ghế dề trước mặt người bệnh, cầm cái ống thủy-tinh thụt nước thuốc vào miệng người bệnh mà cho có ý thụt chính chỗ dau; khuyên người bệnh cứ thở nơi mũi mà hả miệng ra, thì nước rửa xong lại chảy xuống thau có người bệnh cầm cho không chảy vào họng và sặc. Rửa như vậy một lần cợ một lít, rửa xong thì lấy bông lau cầm cho sạch. Khi mổ nơi mui-miếng hoặc là trong lưỡi, trong họng thì một ngày phải rửa ba, bốn lần.

XIII.— CÁCH RỬA BAO-TỬ. (2)

Khi nào người ăn phải thuốc độc hay là lầm giống gì độc trong bữa cơm mà biết được thì phải rửa bao-tử ngay. Mấy lúc nguy-hiểm ấy chắc-hẳn sự rửa bao-tử là kiến-hiệu hơn thuốc gì cả. Cho nên thầy y-sự phải biết cách rửa bao-tử dề khi nào ở nhà-thương nhỏ không có thầy-thuốc mà lại gặp những chứng ấy, mà chữa liền thì chắc sống, chớ nếu mời thầy-thuốc ở tỉnh khác dến thì trễ quá, thuốc độc thấm vào thân-thể thì chẳng có cách gì chữa được.

Vả lại nên biết rửa bao-tử là vì trước khi mổ trong bao-tử (3), thì thầy-thuốc năng bảo rửa trước cho sạch mới mổ được, hoặc là có bệnh mổ bụng xong thì sau lại có dôi khi thầy-thuốc bảo rửa như vậy kẻo trong bao-tử dầy hơi quá, hoặc có đồ ăn gì ở tại bao-tử không thể xuống ruột được, thành phải thình to ra. Rửa xong rồi thì chỗ ấy xọp lại như thường.

Đồ dùng mà rửa thì chỉ có một cái ống cao-su, dài cợ một thước năm tây, trên dầu ống có một cái muỗng (4);

---

(1) Vách—tường.

(2) Hay là gia-dày: Lavage de l'estomac.

(3) Như là khi nào mổ bao-tử vi bệnh ulcère de l'estomac thì phải rửa trước cho sạch, không thì khi mổ dồ bẩn có thể ra nơi đường mổ thì hại lắm.

(4) Entonnoir.

nơi ống cao-su lại có một cái ngấn đen, cách đầu dưới ống cợ nửa thước tây. (Coi hình số 5).

Nước rửa thì dùng nước đã nấu sôi rồi hoặc là eau de Vichy cũng tốt.

Người bệnh ngồi trên ghế, đầu hơi chúc xuống trước, cổ choàn một cái khăn để thấm nước, một người phụ cầm cái muỗng đã nói trên, còn thầy y-sự đứng trước mặt người

fig 5. — Ống để rửa bao-tử (tube pour le lavage de l'estomac)

bệnh, tay mặt cầm cái ống cao-su như là cầm cái cán-viết (1) tây vậy, còn bên tay trái thì dùng ngón tay-trỏ mà đè lưỡi xuống, cứ theo ngón tay-trỏ ấy mà chuồi cái ống, khi vô đến cuống họng thì người bệnh buồn mửa, khi ấy cứ khuyên người bệnh phải gắng mà nuốt xuống, người bệnh nuốt bao nhiêu thì phải chuồi ống vô bấy nhiêu, đến bao giờ xuống ngang ngấn đen thì dừng lại; bấy giờ chỉ bảo người bệnh thở vô cho dài hơi, còn thầy y-sự thì một tay

(1) Quản-bút.

cầm cái ống cao-su ngang miệng, một tay nắm cái muỗng mà khi hồi người phụ cầm; người phụ ấy bây giờ rảnh, rót nước vô muỗng cợ 400 hay là 500 grammes, khi rót nước vô thì cái muỗng thủy-tinh ấy phải cầm cao quá đầu người bệnh, nước chảy gần hết thì hạ muỗng xuống liền, rồi đổ ra trong thau để xem, khi hạ xuống thì phải hạ thấp quá chỗ bao-tử nghĩa là như người bệnh ngồi ghế thì hạ tột ngang đùi gối, thì thế nào nước vô bao-tử tráng xong rồi phải chảy ra lại. Khi chảy ra đó thì hứng nơi thau mà xem, chảy xong lại đem muỗng cao lên để đổ nước khác vào tữa...làm như vậy nhiều lần bao giờ nước ra nơi thau thấy rong sạch thì thôi. Mỗi lần làm, có khi phải bốn, năm lít nước hay là nhiều hơn không chừng.

Có khi đổ nước vô được mà nó chẳng chảy ra lại, là vì khi chảy ra dụng có cái gì trám cái ống cao-su, nên không chảy được, vậy thì phải dơ muỗng thủy-tinh cho cao, đổ vào trong thêm một ít nước nữa, nước ấy tống cái đồ gì rám trong ống cao-su, khi ấy hạ muỗng xuống thì nước lại chảy ra được như thường; lại có khi nước không chảy ra là vì ống cao-su chưa tới bao-tử, khi ấy chuồi ống vào một phân nửa thì nước chảy.

Trước khi làm phải cho có ý để đầu người bệnh chúc xuống trước, vì nếu như đầu ngửa ra sau thì nước miếng khi ấy chảy ra nhiều có thể chảy bậy vào họng thở, người bệnh khó chịu phải ho và tống cái ống ra ngay; như đầu chúc xuống thì nước miếng chỉ chảy theo ống cao-su mà ra ngoài.

Có người bệnh lại tự chuồi ống vào một mình cũng được, chỉ cần một người phụ rót nước mà thôi. Như vậy cũng ít vì phải có sự gan-đảm một tí mới được.

XIV.—THỤT VÀO ĐÍT (1).

Thụt vào đít thật nhiều cách, nhưng chỉ nói mấy cách

(1) Lavements.

thường dùng để cho đi đại-tiện, để cho thuốc tẩy vào, cho đồ ăn vào, thuốc vào, khi lại để làm cho bớt nóng trong người.

Trong mấy lúc ấy thì đều dùng cái ống thụt như hình số 4, nhưng mà cái canule lại bằng cao-su mềm hay là cứng, chớ không phải bằng thủy-tinh.

Khi làm thì người bệnh nằm ngửa hai chơn co, hoặc nằm nghiêng bên tay mặt, chơn dưới thì thẳng còn chơn trên thì co; ống thụt treo trên tường cao cách người bệnh cợ gần một thước tây; thầy làm thuốc thì tay trái bét bàn-đít trên của người bệnh, còn tay mặt thì chuồi cái canule vô lỗ-đít, chuồi nhẹ-nhẹ bao giờ quá được cợ sáu phân tây thì thôi, khi ấy phải mở cái kẹp (1) ống cao-su ra cho nước chảy xuống, nước chảy xuống hết thì rút cái canule ra và khuyên người bệnh nín rặn một lát.

1°. — THỤT CHO ĐI ĐẠI-TIỆN, (2)

Muốn thụt cho đi đại-tiện, thì dùng nước lạnh đã nấu sôi để hâm-hẩm; một lần thụt thì dùng cợ nửa lít hay là một lít; con nít thì lại ít hơn. Thụt xong thì phải để sẵn cái bô (3) một bên để người bệnh đi đại-tiện vì có khi muốn đi quá ra không kịp tận nhà-xia.

2°. — THỤT THUỐC-TẨY (4).

Khi nào muốn cho người bệnh đi sông nhiều lần, nhưng mà không thể cho uống thuốc được, vì người bệnh mửa thuốc ra không cầm được hoặc là không muốn động đến bao-tử, khi ấy phải cho thuốc tẩy vào lỗ-đít.

Tùy thứ thuốc tẩy, khi thì thụt không vào, lúc lại trộn với nước rồi thụt. Dùng huile d'olive 200 grammes mà thụt; hoặc là glycérine 40 grammes với 500 grammes nước.

---

(1) Thường-thường mỗi ông cao-su dùng mà thụt thì người ta năng để một cái kẹp để khi kẹp lại không cho nước chảy hoặc khi mở ra cho chảy tùy ý.

(2) Lavement simple

(3) Vase de nuit,

(4) Lavement purgatif,

Hai thứ thuốc dùng như vậy dễ làm mà lại đi đại-tiện cũng nhiều, nhưng nên làm buổi tối vì đến mai sáng lại mới đi sông.

3°.—THỤT ĐỒ-ĂN (1).

Có khi không thể cho người bệnh ăn được, vì người bệnh mê hoặc là đau cuống-họng hay là bao-tử, khi ấy phải thụt đồ ăn vào lỗ-đít để cho thấm vào thân-thể; nhưng mà phải dùng thứ đồ-ăn gì mà đại-trường có thể tiêu được, như là ngòi đỏ trứng gà, nước thịt, sữa vân vân. . . (2)

Thụt thì không dùng cái canule mà chuồi vào, thường phải lấy cái ống nhỏ, mềm (3) để đầu với cái ống cao-su và để chuồi vào đít cho xa hơn cách thụt thường, chuồi vô cợ gần ba tấc tây mới vừa.

Trước khi thụt cách ấy thì phải thụt cho đi đại-tiện trước đã, theo như cách nói trên, cho đại-trường được sạch-sẽ và trống để khi thụt đồ-ăn vô sau thì dễ thấm hơn. Khi thụt đồ-ăn thì không nên thụt nhiều, cợ 200 grammes là đủ, vả lại thụt xong, rút cái ống ra, thì phải bảo người bệnh nín rặn một lúc lâu.

4°. — THỤT THUỐC (4)

Có thứ thuốc thụt vô đại-trường thấm cũng mau như uống vậy, ví dụ như thuốc Antipyrine, salicylate de soude...

Vả lại khi đau bụng, đi đại-tiện nhiều lần, thường năng dùng cách thụt thuốc gọi là Lavement laudanisé (5).

---

(1) Lavement alimentaire

(2) Dùng phái sau nầy mà thụt thì để ngấm và bổ

Bouillon	40 grammes.
Lait	40 «
Rhum	25 «
Jaune d'œuf	N. 1
peptone	15 grammes

(3) Sonde molle.

(4) Lavement médicamenteux

(5) Dùng phái sau nầy mà thụt thì ốt.

Laudanum	XXX gouttes.
Amidon	15 grammes.
Eau tiède	125 grammes.

Nhưng phái thuốc nầy không thể cho con nít được.

Thụt thuốc thường không nên thụt quá 150 grammes nước; trước khi thụt thuốc cũng phải thụt cho đi đại-tiện cợ mười lăm phút trước đã, thế thì thuốc thụt sau mới dễ thấm.

5°.—THỤT CHO BỚT NÓNG TRONG NGƯỜI (1).

Thường trong bệnh thương-hàn-nhập-lý (2), người ta năng thụt nước đã nấu sôi để nguội vào trong đại-trường để cho bớt nóng trong người. Cách thức làm cũng như thụt cho đi đại-tiện vậy, nhưng khác là thụt cho đi sông thì dùng nước hâm-hẩm, mà đây lại dùng nước thiệt lạnh và thụt xong thì người bệnh nên nín rặn để nước ở trong cho lâu hơn.

Cũng còn nhiều cách thụt nữa, nhưng chỉ nói những cách thường năng dùng mà thôi.

XI.—THỤT THUỐC SÉRUM VÔ ĐẠI-TRƯỜNG (3).

Thuốc sérum dùng cách nầy là sérum physiologique, trong ấy có bảy phần chlorure de sodium và một nghìn phần nước, thường người ta năng dùng để tiêm mà thế huyết người, khi nào người bệnh bị mổ mất huyết nhiều hay là đau bệnh gì suy nhược lắm.

Song le, mấy năm sau nầy, khi nào người ta không muốn tiêm thì năng dùng thuốc ấy thụt vô đại-trường để cho thấm vào thân-thể, cũng là kiến-hiệu lắm.

Đồ dùng thì chỉ một cái ống thụt thường (4), một cái ống cao-su chắp vô ống thụt, phía trên ống cao-su ấy thì có một cái kẹp để ngăn nước, dữa thì có một ống thủy-tinh để xem nước chảy, còn phía dưới thì dấu với một cái ống cao-su khác mềm và dài cợ hai gang (5) cũng như cái ống đã nói khoản thụt đồ-ăn vậy.

---

(1) Lavement froid.
(2) Fièvre typhoïde.
(3) Sérum continuintra-rectal.
(4) Bock.
(5) Sonde rectale.

Ống thụt để cao lên cợ sáu tấc tây, thuốc thì cợ nửa lít hay là một lít tùy khi ; chuồi ống cao-su dưới vô khỏi đít cợ ba tấc tây, xong rồi thì mở cái kẹp vừa-vừa cho chảy từng giọt vô đít ; khi chảy xem nơi ống thủy-tinh thì biết ; chảy có vài giờ đồng-hồ thì hết.

Khi người bệnh yếu, thụt cách ấy làm cho người khỏe hợn, đỡ khát nước, đỡ khô họng và dễ chịu trong mình lắm.

XVI.— THỤT CỬA MÌNH. (1)

Cách thụt thuốc vô cửa-mình, ở nhà-thường mỗi ngày mỗi dùng, nên chỉ nói qua, vì cách làm cũng chẳng khó gì lắm, mà đồ làm thì cũng là một cái ống thụt thường nối với một cái ống cao-su ; nhưng mà cái canule thì có khác. Cái canule ấy bằng thủy-tinh và hai dầu to hơn dữa, một dầu để xỏ ống cao-su vô cho chặt, còn một dầu thì có lỗ từ phía để cho vô cửa-mình thì nước chảy ra đều cả bốn bên.

Thuốc thì thường năng dùng thuốc permanganate de potasse; một phần thuốc ấy trộn với một nghìn phần nước thì vừa dùng ; mỗi một lần thụt dùng cợ một hay là hai lít, cho hơi nóng thì tốt. Cái ống thụt thì treo cao cợ bảy, tám tấc tây, khi thụt thì để người bệnh nằm ngửa, đít thì để trên một cái hứng nước gọi là bassin, lấy một chút bông nhúng nước lau ngoài cửa-mình cho sạch, xong rồi lấy ngón trỏ và ngón cái bên tay trái bét cửa-mình, còn tay mặt thì chuồi canule vô, trong lúc thụt thì ấn hơi cái canule xuống một tỷ để cho nước trở ra lại cho dễ.

Khi làm xong thì phải rửa cái ống thụt cho sạch, còn ống cao-su thì cho thòng xuống để nước chảy cho hết, kẻo nước ứ ở trong thì mau hư (2); còn cái canule thì phải nấu sôi rồi bỏ vô trong một cái chai, trong chai ấy lại có thuốc sublimé à $\frac{1}{1000}$, để cho chết vi-trùng.

---

(1) Injection vaginale.

(2) Hông.

XVII.—CÁCH DÙNG SỰ LẠNH VÀ SỰ NÓNG (1).

Có bệnh không cần gì phải uống thuốc trong, chỉ dùng sự lạnh và sự nóng làm cốt để mà chữa, cũng kiến-hiệu lắm.

a) CÁCH DÙNG SỰ LẠNH.

Khi muốn dùng sự lạnh thì thường-thường người ta dùng cái bao nước-đá (2), cái khăn ướt (3) hoặc là đắp vải ướt (4).

1°.—BAO NƯỚC ĐÁ.—Nước đá để trên một chỗ nào của thân-thể người ta thì làm cho những cái gân nhỏ chỗ ấy tê đi, cợ ít phút đồng-hồ chỗ ấy không biết đau nữa.

Khi người đau bụng mà chẳng biết thuốc gì mà cho uống cho đúng thì để một bao nước-đá trên bụng, cũng đủ đỡ nhiều, khi người đau đầu để bao nước-đá trên đầu, cũng đỡ, khi người đau sưng hòn dái (5), để bao nước-đá trên hòn dái đau cũng đỡ, vân vân...

Vả lại mấy năm sau nầy, thường sau khi mổ gì trong bụng các quan thầy-thuốc năng để một bao nước-đá trên bụng người bị mổ, để phòng như trong lúc mổ có vi-trùng vô bụng thì nằm im và không sanh-sản được c'ông, vả-bao nước-đá để trên bụng lạnh hấm đến tận trong.

Xem như vậy thì ở các tỉnh lớn có nước-đá thì nhà-thương hay dùng lắm. Nước-đá ở xứ ta chảy mau quá nên phải bỏ vào một cái thùng riêng, xung quanh bao mặt cưa để cho lâu tan. Khi chặt dùng một cái dao to hay là cưa hoặc là lấy một cái dùi, dùi ít lỗ rồi bẻ cũng được. Chặt xong thì bỏ vô bao, bao ấy người ta đã làm sẵn để đắp

---

(1) Le froid et le chaud.
(2) Vessie de glace.
(3) Serviette mouillée d'eau froide. Application froide.
(4) Drap mouillé froid.
(5) Orchite.

cho người bệnh, có nắp đậy tử-tế, bỏ dầy nửa bao mà thôi và treo lên cái vòng tre để cho khỏi nặng người bệnh quá. Thỉnh-thoảng phải dở cái nắp bao mà xem thử đã tan hết chưa mà thay nước-đá khác, thường-thường cứ vài giờ thì tan hết, nhưng cũng tùy mùa, mùa đông thì lâu tan mà mùa hạ thì mau.

Trước khi để bao nước-đá thì phải lót một tấm nỉ để cho khỏi thối da, vì nếu lạnh quá huyết không có thể đến nuôi-dưỡng chỗ ấy được thì chỗ ấy phải thối ; cho nên khi thay bao nước-đá phải có ý xem chỗ da thử có dấu tím không, nếu có dấu tím thì phải lót nỉ hay là vải thêm kẻo chỗ ấy quá lạnh.

Khi đặt nước-đá thì đêm như ngày cần phải trông nom luôn để mà thay. Như đặt nơi bụng mà bụng thình quá, đặt một bao không đủ, thì có thể đặt hai, ba bao cũng được, lúc nào bụng thiệt xọp mới nên cất đi.

ĐẶT KHĂN ƯỚT. — Khi nào không muốn lạnh quá thì chẳng dùng nước-đá, lấy khăn nhúng nước lạnh đắp cũng đỡ nhiều. Vì như khi đau đầu nhúng một cái khăn trong nước lạnh, vắt cho hơi khô rồi đắp quanh trên đầu thì cũng bớt nhức. Có bệnh đau mắt, người ta nhúng nước lạnh một ít vải sira sạch (1) đắp lên mắt, thỉnh-thoảng thay cho được mát luôn ; như vậy sự mát có thể làm cho huyết trong mấy mạch-máu nhỏ nơi mắt tan bớt, rồi mắt cũng bớt đỏ. Vải nhúng nước lạnh để đắp trên mắt như vậy thường năng dùng, chớ còn nước-đá để trên tròng mắt có thể làm cho tròng hư được.

3°. — ĐẮP VẢI ƯỚT. — Một đôi khi trong bệnh nóng, người ta lấy một tấm vải to nhúng nước lạnh rồi đắp quanh cho người bệnh, cũng đỡ nóng và người bệnh cũng dễ chịu.

---

(1) Compresses stériles.

Trên nệm lót mền, tấm vải ướt đặt trên hết, để người bệnh lên rồi đắp lại, từ đầu đến chơn, xong rồi trùm trên một cái mền, thường để như vậy cợ hai mươi phút rồi cất đi. Trước khi để người bệnh vô tấm vải ướt thì nên thoa nước lạnh trên đầu người cho mát đã.

b) CÁCH DÙNG SỰ NÓNG.

Sự nóng lại năng dùng hơn sự lạnh nữa. Khi chớn sưng hoặc tay sưng lấy nước nóng đắp cũng dỡ; khi đau bụng đắp nước nóng cũng dỡ; (1) khi đau phổi đắp nước nóng cũng dễ thở và có thể bớt ho; khi đỏ mắt đắp nước nóng cũng bớt đỏ và bớt xốn vân vân...

Dùng bông hoặc vải sưa nhúng nước sôi để hơi nguội một tý rồi đắp, song người bệnh chịu nóng được cường nào thì hay chừng ấy. Trên tấm bông ấy nên đặt một miếng vải cao-su trùm để cho lâu nguội, nhưng mà khi nào nguội thì phải nhúng nước nóng lại.

HÁP CƠM. — (2) Khi con nít đau bệnh ho, không thể bầu ngực được, thường người ta lấy cơm hấp ngực cũng dỡ nhiều và lắm khi lại bớt sưng phổi. Lấy cơm thiệt nóng và hơi nhão bỏ vào khăn vuông, gói lại như cách cái bánh-chưng nhỏ mà đặt lên ngực, đặt bên mặt rồi qua bên trái, thay đổi cho chóng kẻo nóng quá; kgi đã hơi nguội có thể chịu được thì để luôn trên ngực, không cần phải dở lên dở xuống nữa; để vậy khi nào mà thiệt nguội mới cất đi.

Có khi trên gói cơm lại phải rắc bột hột-cải (3), để cho mau đỏ ngoài da, khi ấy gọi là cataplasme sinapisé.

Hai cách hấp ấy thường dùng đắp trên ngực trẻ con đau bệnh ho; song-le khi người lớn đau bụng hoặc đau lưng cũng có thể dùng cách hấp cơm nóng thường, để cho bớt đau.

---

(1) Thường đau bụng người ta năng nhỏ vài mươi giọt laudanum trên tấm vải nhúng nước rồi đắp trên bụng, thuốc laudarnum ấy thấm vào thì mau bớt đau. Cách ấy gọi là cataplasme laudanisé,

(2) Cataplasme de riz; có tính gọi là chờm cơm.

(3) Moutarde.

XVIII. — TẮM

Sự tắm có nhiều cách, nhưng chỉ nói những thứ thường năng dùng : là tắm nước lạnh, nước hâm hẩm và nước nóng.

1° — TẮM NƯỚC LẠNH. — Tắm nước lạnh thường người mạnhgiỏi cũng nên tắm một ngày một lần cho được sạch sẽ trong mình. Cách tắm ấy thì ai cũng biết : khi tắm thì lấy xà-bong mà thoa rồi kỳ cho sạch dất, sau lại dội nước, tắm một lần cợ mười lăm phút thì đủ, khi tắm phải thoa cho mạnh, trước cho sạch, sau được chuyển-động trong mình cũng hay.

Không nên tắm bụng no, còn sau khi tắm xong phải lau cho khô và mặc áo quần sạch.

Ở các nhà-thương thường người bệnh mới vô phải tắm như vậy, rồi mặc áo quần riêng của nhà-thương, trừ những người bệnh nặng không đáng tắm thì thôi. (Coi mục VII)

Như người có ghẻ thì phải xát mấy mụt ghẻ cho kỹ, rồi bôi thuốc sau, không thì cái vảy che những mụt ghẻ, thành ra thuốc xức trên vảy, chẳng thấm xuống dưới được, con sâu ghẻ không chết thì không lành được.

Đó là nói sự tắm thường, còn trong bệnh thương-hàn-nhập-lý, có khi quan thầy-thuốc phải cho người bệnh tắm nước lạnh hơn, lạn chợ 20 độ (1) và một lần tắm lâu cợ mười phút ; cách tắm ấy thường người bệnh chẳng chịu mà bà-con cũng không bằng lòng, song có đôi khi kiến-hiệu lắm, nhưng mà cần phải cho biết cách và tùy người bệnh ; nếu không biết thì sự tắm ấy dã không kiến-hiệu mà lại nguy-hiểm nữa. Khi tắm thì phải để thùng tắm một bên giường người bệnh, nước cho đầy để tắm tột vai ; trước khi để người bệnh vô thùng tắm thì thoa nước lạnh hơn nước tắm lên trên dầu, khi vô thùng thì người bệnh vùng-vẫy hết sức, cợ một phút thì nằm yên, trong lúc ấy như người bệnh xâm-xoàn thì

(1) 20° : Khi tắm thì lấy cái hàn-thử-biểu riêng, dài, mà dùng, mặt ông ấy có để chữ cả, khi muốn biết nước lạnh, nóng mấy độ thì nhúng ông ấy vào nước rồi xem chữ thì hay.

phải đem ra ngay, không nên tắm nữa; như người bệnh không xâm-xoàn thì cứ tắm và thoa cùng cả, chừa bụng mà thôi ; trong cợ mười phút thì người bệnh ớn-lạnh, khi ấy phải đem ra, để lên trên giường có tấm vải to lau cho khô lập tức rồi mặc áo quần và đắp mền lại. Khi tắm xong thì cho người bệnh một chén sữa hay là trà cho nóng. Uống xong, thường người bệnh nghe khỏe trong mình, mạch hạ xuống và ngủ được yên một lát.

2° — TẮM NƯỚC HÂM-HẨM. — Tắm nước hâm-hẩm, thì thường dùng nước nóng cợ ba mươi độ nhưng mà tắm thì lâu cợ nửa giờ đồng-hồ.

Khi nào đau gân không ngủ được, tắm như vậy cũng bổ gân mà lại ngủ được. Có bệnh sài-ngứa khó chịu, tắm cách ấy cũng đỡ ngứa nhiều.

3° — TẮM NƯỚC NÓNG. — Tắm nước nóng thì đến ba mươi tám độ, thường chỉ dôi khi dùng tắm cho con nít đau bệnh sưng phổi (1) và bệnh phù (2) mỗi lần tắm cợ mười phút.

Trước khi tắm phải nhúng tay vào thùng tắm coi thử nước đã vừa chưa, nhưng phải quen lắm mới biết được như không quen thì cứ thả hàn-thử-biểu vào nước cợ mười giây đồng-hồ (3) thì biết rằng nước vừa hay không.

Ba thức tắm nói trên ấy là tắm trọn người, có khi lại chỉ dầm chơn (4), dầm đít (5) vân vân. . . nhưng chẳng có sự gì khó-khăn nên nói riêng.

---

(1) Broncho-pneumonie.
(2) Néphrite aiguë.
(3) Dix secondes.
(4) Pédiluve.
(5) Bain de siège.

KHOẢN THỨ HAI

XIX. — CÁCH LÀM CHO HẾT VI-TRÙNG VÀ CÁCH DÙNG THUỐC GIẾT VI-TRÙNG (1)

Trước hết nên biết rằng chỗ nào cũng có vi-trùng (2) cả : trên bàn ghế, nơi tay chân, trong miệng, trên mặt, nơi áo quần vân vân..., đâu đâu con vi-trùng cũng có thể ở được cả cho đến chỗ không-lộng dữa khí trời cũng có nó. Tuy vậy những loài ấy nhỏ quá, con mắt mình không có thể thấy được, muốn xem thấy thì phải dùng kính hiển-vi (3).

Nếu như lấy thứ thuốc teinture d'iode bôi một vạt nơi tay, lấy cái dao đã đốt kỹ cho chết cả vi-trùng, rạch một đường nơi tay ấy, rồi dùng một miếng vải đã hấp để buộc lại, thì trong vài ngày chỗ rạch đó liền da lại mà lành như thường. Như vậy là vì thuốc teinture d'iode ấy bôi nơi tay thì đã giết vi-trùng ở đấy cả, cái dao đã đốt rồi thì vi-trùng cũng chết, còn miếng vải cũng đã hấp, thì vi-trùng cũng chẳng còn. Đường rạch nơi tay đó chẳng có sự gì nguy hiểm và lại mau lành lắm, vì chẳng có con vi-trùng nào vào đó cả.

Thuốc teinture d'iode bôi để cho chết vi-trùng mà nói thí-dụ trên đó gọi là antiseptique. Cái dao và miếng vải đã đốt và hấp rồi gọi là đồ aseptique. Còn cái đường rạch nơi tay không có vi-trùng gọi là plaie aseptique.

Những đường rạch khi mổ mụt-mẩn mà không có mủ là toàn như những đường rạch nói thí-dụ trên đó, cho nên mau thành sẹo là vậy. Bởi thế nên khi rạch một đường như cách nói trên hoặc khi mổ thì cần phải rửa tay cho sạch cợ mười phút với xà-bong, xong lại phải rửa với rượu chín mươi chữ để trừ vi-trùng.

---

(1) Asepsie et antisepsie.
(2) Microbes
(3) Microscope.

Bây giờ nếu rạch thử một đường khác bên tay kia, mà đừng làm như cách khi trước nói đó, cứ lấy một cái dao thường rạch chỗ không bôi thuốc-men gì cả, rồi lấy một miếng vải thường buộc lại. Sáng ngày thử dở ra xem thì đường rạch ấy nóng, sưng, đỏ và nhức, để một ngày nữa thì lại có mủ ; bởi vì đồ không dốt, không hấp, thì đường rạch có vi-trùng sống vào và sanh-sản ra nhiều, nên đã lâu lành mà lại thối nữa. Những dao vải như vậy gọi là đồ septique, còn cái đường rạch như thế gọi là plaie septique, nghĩa là có vi-trùng cả.

Có hai thứ vi-trùng, một thứ hiền còn một thứ độc. Như chỗ đường rạch với cái dao chưa hấp đó mà vi-trùng thường vào, thì sưng, đỏ, làm mủ và đau nội đó mà thôi, chớ như cái dao ấy mà có thứ vi-trùng độc, ví-dụ như vi-trùng bệnh tề-phong (1), thì người bị rạch đó có thể bị chứng tề-phong mà chết.

Nói qua vậy mà thôi, chớ nếu nói cớ gì mà sanh ra mủ, thì phải nói nhiều lẽ khác nữa, sợ dài quá ! song-le, nói đại-khái vậy cũng đã hiểu lý rằng trước khi mổ-xẻ người bệnh thì quan thầy-thuốc phải rửa tay cẩn-thận, còn đồ thì phải hấp cả cho sạch vi-trùng.

Cách muốn cho những dao, kéo, bông vải đừng có vi-trùng sống ở đó gọi là asepsie, vậy phải hấp những đồ ấy. (2)

Còn cách dùng thuốc để giết vi-trùng ở mụt-mắn của người bệnh gọi là antisepsie, khi ấy phải dùng những thứ thuốc gọi là antiseptiques.

Vậy thì phải biết cách hấp đồ và những thứ thuốc giết vi-trùng nói đó. (Coi mục XXXVII)

XX. — CÁCH HẤP ĐỒ

Hấp đồ để mổ xẻ thì thường dùng một thứ nồi riêng gọi

(1) Bacille du tétanos.
(2) Stérilisation

là autoclave và một thứ lò gọi là étuve. Hai cái đó thường năng dùng để hấp đồ nhiều, nên nói ngay, sau lại sẽ nói riêng đồ gì thì nên hấp cách gì tiện.

1.—NỒI HẤP (1).—Cái nồi hấp có hai lớp: lớp trong bằng đồng để đổ nước nấu và có một cái kệ để đồ hấp, còn lớp ngoài bằng sắt dưới có chừa chỗ để chuồi cây đèn vô, trên có một cái nắp đậy hai lớp ấy, xung-quanh nắp lại có một hàng vít để khi mở nắp hoặc khi gài lại cho kỹ; dữa nắp ấy có một cái ống-vòi (2) và một cái để đo hơi nóng lên được mấy độ, gọi là manomètre (coi hình số 6).

Ví dụ muốn hấp một hộp vải sưa thì đổ nước vô thùng trong, một hay là hai lít tùy nồi to nhỏ, để hộp lên cái kệ nói trên đó, gài nắp nồi lại mở cái ống-vòi ra, thắp cây đèn phía dưới nồi, nấu một hồi thì nước sôi và hơi ra nơi ống-vòi, khi hơi ra một lát đều thì khóa ống-

Fig. N° 6 — Nồi hấp (Autoclave).

(1) Autoclave.
(2) Robinet.

vòi ấy lại. Nước sôi, hơi ra không được thì thùng trong phải nóng và đồ để đó cũng vậy, lần-lần cái kim nơi manomètre chạy lên ; khi lên đến cợ một trăm ba mươi bốn độ, thì dùn lửa lại cho cháy vừa-vừa thôi, cợ bấy nhiêu độ mà sôi nửa giờ là đủ. Xong nửa giờ thì đồ để trong nồi hấp đã kỹ, nên phải tắt đèn ; lần-lần cái kim đã nói trên, xuống lại ngang chữ O, khi ấy phải mở cái ống-vòi ra cho hơi ngoài vô rồi lại mở vít trên để dở nắp mà lấy đồ ra. Nhưng không nên chờ cho thiệt quá nguội mới mở nắp, vì sợ vòng cao-su trên dính vô nắp quá và mau hư.

Thường-thường hấp có nửa giờ và nóng đến một trăm ba mươi bốn độ là đủ trừ vi-trùng.

2°. — LÒ HẤP (1). — Cái lò hấp thường dùng là lò của ông POUPINEL bày ra nên gọi là étuve de Poupinel. Cái lò hấp ấy chỉ có một thùng bằng đồng đỏ mà hai lớp và có cửa, dưới có bốn chơn chống, trong thùng có cái hàn-thử-châm dựng một bên để xem cho biết nóng lên mấy độ, dưới thùng để cây đèn ; lớp trong thùng có cái kệ để đồ. (Coi hình số 7)

Fig. 7. — Lò-hấp (Etuve de Poupinel)

(1) Etuve.

Khi muốn hấp dao, kéo, kềm, nhíp vân vân... thì sắp đồ ấy vô một cái hộp đồng, dưới lót vải, đặt hộp đồ lên kệ, cái nắp-hộp để một bên, thắp đèn phía dưới một hồi rồi đóng cửa lò lại. Khi nóng lên cợ một trăm năm mươi độ thì dùn ngọn đèn lại để cháy chừng ấy cho được một giờ; xong thì tắt đèn, mở cửa lò ra, đậy hộp đồ lại, chờ cho nguội. Khi muốn biết thử đồ để trong hộp đã nóng vừa độ chưa thì dùng cái ống-thuốc nhỏ-nhỏ gọi là tupe témoin. Thường thì thuốc trong ống ấy mùi trắng-trắng mà bằng bột, đến khi nóng lên đến một trăm hai mươi ba độ thì bột ấy chảy ra, và đổi thành mùi đỏ. Trước khi hấp đồ, bỏ một ống ấy vào hộp, khi hấp xong, ống ấy chảy và đổi ra mùi đỏ thì hiểu rằng đồ hấp đã kỹ.

(a) HẤP ĐỒ MỔ-XẺ (1)

Khi mổ xong thì đồ dùng phải lau máu mủ cho thiệt sạch chùi nước nóng, lau và thoa mỡ (2), rồi hãy để vào tủ cất cho đến khi mổ lần khác thì đem ra lau và hấp lại.

Đồ để mổ-xẻ như là dao, kéo, cưa vân vân... muốn cho khỏi vi-trùng thì có nhiều cách. Khi gấp thì lấy rượu đốt cũng được, nhưng năng đốt quá thì đồ mau dùi và mau đen. Khi muốn hấp đồ ít thì lấy cái xanh nấu cũng được, nấu với nước thường hay là nước có chế thuốc thì tốt, như là thuốc borate de soude, carbonate de soude à $\frac{1}{100}$; (3) nấu sôi cợ trong nửa giờ là đủ. Những đồ mổ xẻ bộ trong lò hấp mà hấp cũng được. Nhưng mà nội mấy cách dùng thì chỉ nồi-hấp là được chắc-chắn hơn cả. Tuy vậy hấp nồi cũng có sự bất tiện là vì có hơi nước, đồ cũng mau rét và đen; song le, nếu lấy ít miếng vải sưa, nhúng thuốc borate de soude hay là benzoate de

(1) Stérilisation des instruments chirurgicaux.

(2) Vaseline ; để cho khỏi rét ăn.

(3) Nước nấu nồi thường không đậy kín mà sôi là được 100°, nếu thêm hai thứ thuốc ấy mà nấu thì khi sôi lại nóng đến 102, ba là 105

soude à $\frac{2}{100}$, bọc đồ lại rồi bỏ vô hộp hấp, thì tránh được sự bất tiện ấy.

b) HẤP BÔNG VÀ VẢI SƯA (1)

Hấp bông và vải sưa để buộc, thì dùng lò hấp cũng được nhưng hấp lò thì bông và vải đôi khi vàng và bở lắm, nên dùng nồi hấp thì tiện hơn cả.

c) HẤP CHỈ (2)

Có nhiều thứ chỉ : thứ chỉ ruột mèo (3) khó hấp, thì người ta bán sẵn trong ống đã hấp rồi, khi dùng thì mở ra ; thứ chỉ cước (4) và chỉ tơ thì hấp nồi.

Còn thứ ống cao-su để chuyền mủ (5) thì cũng hấp trong nồi hấp như hai thứ chỉ mới nói đó.

XXI. — CÁCH RỬA TAY (6)

Đầu khoản thứ hai về trương 38 đã có nói rằng ở đâu cũng có vi-trùng cả, nơi bàn guế, mặt-mày, khăn áo vân vân...

Hai bàn-tay tuy tối sớm rửa mặc dầu chớ vi-trùng vẫn có, cho nên trước khi tiêm thuốc hay là làm cái gì mà phải rờ đến đồ đã hấp, thì phải rửa cho cẩn-thận, nhất là khi giúp đỡ cho quan thầy-thuốc mà mổ xẻ cái gì.

Có hai cách rửa tay chắc trừ được vi-trùng và tiện lắm. Cách đầu là lấy xà-bong và nước đã nấu sôi mà kỳ rửa cho thiệt sạch, từ trên cùi-tay cho đến mấy ngón, nhất là trong mấy kẹt tay và trong móng, rửa cợ mười phút rồi rửa rượu chín mươi chữ cợ vài phút nữa là xong

---

(1) Stérilisation du coton et des compresses.

(2) Stérilisation des fils.

(3) Thứ chỉ nầy làm bằng ruột mèo, gọi là catgut. Có khi người ta dùng ruột dê mà làm nó.

(4) Crins de Florence, làm bằng ruột tằm.

(5) Drains.

(6) Désinfection des mains.

Cách thứ hai thì chỉ rửa rượu chín mươi chữ mà thôi: cái thau đã đốt rồi, đổ rượu vào, thò tay rửa, lấy một miếng vải sưa mà kỳ, nội trong năm phút là sạch.

Trước khi rửa phải lấy tăm xoi đất trong móng và cắt móng cho thiệt cụt.

Khi thầy y-sự phụ quan thầy-thuốc để mổ cái gì, thì sự rửa tay lại quan-hệ hết sức, vì nếu rửa không kỹ thì sinh mủ ra và nguy-hiểm cho người bệnh lắm. Khi đã rửa xong thì đơ hai tay cao để đừng đụng cái gì hết và cho có ý chỉ rờ đồ đã hấp mà thôi ; như lỡ vô ý đụng nhầm cái thau hay là cái hộp gì không hấp thì phải rửa lại ngay ; một con ruồi đến đậu trên tay rồi bay liền cũng đủ đem vi- trùng đến, nên cũng phải rửa lại.

Còn ở người bệnh thì phải lấy thuốc teinture d'iode mà bôi trên chỗ muốn mổ đó, để trừ vi-trùng, khi bôi xong thì lấy vải hấp trùm xung-quanh và không bao giờ rờ tay đến chỗ không có thuốc ấy.

XXII. -- CÁCH BUỘC THUỐC.

Cách buộc ở đây ý nói chung từ khi rửa cái mụt, để vải sưa, bông, rồi lấy băng (2) buộc lại.

Trong cách buộc, cốt cần sự sạch-sẽ và nhẹ-nhàng.

Trước khi buộc thì phải sắm đồ cho sẵn để trên bàn; những đồ ấy kể ra sau này :

Một hộp vải sưa (3) (compresse).

Một hộp bông trắng (coton hydrophile) (4)

Một hộp bông thường (coton ordinaire).

Một cái băng (bande).

Một chai rượu chín mươi chữ (alcool à 90°).

Một chai thuốc trừ vi-trùng (antiseptique). Xem mục XXXVII.

Một cái bát để đựng thuốc (capsule).

---

(1) Pansement.

(2) Bande.

(3) Vải sưa ở Bắc có khi gọi là gạt.

(4) Hydrophile là tra hút nước.

Một cái đựng mủ và đồ bằn hình giáng như hột đậu (Haricot) (1).
Một cái khay (plateau).
Trong cái khay ấy đựng những đồ sau này :
Một cái kềm KOCHER (pince de KOCHER).
Một cái nhíp (pince à pansement).
Một cái dao (bistouri).
Một cái kéo (ciseaux)
Một cái tăm đồng (stylet)
Một cái tăm đồng có xối (sonde cannelée). Coi hình số 8.

fig. 8
Đồ nênsắm sẵn lúc muốn làm pansement (Matériel pour pansement).

Bông trắng, vải sưa, sáu cái đồ để trong khay và cái khay ấy thì phải hấp hết. Còn cái bát thì khi nào dùng sẽ đốt cũng được.

Muốn cho thiệt cẩn-thận thì khi làm thuốc, rửa tay xong lấy hai cái kềm, rồi chỉ dùng kềm ấy mà gắp bông hoặc chùi rửa mụt, chớ không mó tay vào cái gì hết.

Như có một cái mụt ghẻ-hòm (2) mà muốn buộc thì phải làm cách như sau này :

(1) Có khi gọi là plateau réniforme vì hình giáng như quả thận.
(2) Xem mục XXXIX.

Khi đã rửa tay sạch rồi, lấy kềm gắp một chút bông hay là miếng vải sưa, rửa cái mụt cho sạch, lấy nước đã nấu sôi rồi mà rửa cũng được, xong lại gắp miếng vải sưa khác mà lau mụt cho khô, xức thuốc, để miếng vải sưa sạch, trên vải sưa ấy để miếng bông trắng, bông thường để ngoài, lấy băng buộc lại. (1)

Đó là nói đại-khái cách thường buộc vậy, chớ có nhiều cách khác nữa.

Còn cái băng ngoài hết thì mỗi chỗ buộc mỗi cách, buộc trên đầu thì khác ở miệng, ở chơn thì khác ở háng, vân vân...

a) CÁCH BUỘC TRÊN ĐẦU. — Buộc trên đầu thì phải khỉ sự buộc quanh trán như cái khăn đen vậy, cợ vài vòng, rồi từ trán buộc ra sau, đi ngang trên sọ cho đến ót, quanh tròn lại như khi hồi, đến trán lại cho trở ngược ra ót, như vậy bao giờ cho cùng đầu thì thôi, xong lại quanh ngang rồi lấy kim găm. Khi buộc xong rồi xem cũng như cái mủ. (Coi hình số 9).

Fig 9. — Buộc trên đầu (Capeline).

(1) Đó là gọi pansement sec. Còn khi nào buộc nước hoặc vải sưa nhúng thuốc ướt mới gọi là pansement humide.

b) CÁCH BUỘC LỖ TAI. — Buộc lỗ tai thì cũng phải khỉ sự buộc quanh ngang trán, khi đi ngay tai thì cho quạch xuống, trở qua vài vòng, rồi quanh ngang trán lại; làm như khi hồi lại, bao giờ mụt nơi tai trùm kín, thì trở quanh ngang trán lại để lấy kim găm. (Coi hình số 10

(buộc lỗ tai)

(Fig 10. — Pansement d'une plaie de l'oreille.)

c) CÁCH BUỘC CỔ TAY HAY LÀ ỐNG-CHƠN. — Hai chỗ ấy trên thì to, dưới lại nhỏ, như buộc quanh thường thì thế nào cũng hở một bề, cho nên khi buộc quanh vành đầu xong, vành sau phải tréo lại, rồi buộc qua, khi đến ngang chỗ ấy phải tréo lại nữa, làm vậy mãi, khi nào hết chỗ muốn buộc thì thôi (Coi hình số 11).

Fig, 11. — Buộc tréo. (Renversé)

d) CÁCH BUỘC CẰM. -- Lấy một cái băng xắp hai đầu, chừa dữa cho bằng cái cằm; để chỗ chừa đó ngang cằm, hai mối băng trên choàn ra sau rồi buộc lại trước trán, còn hai mối dưới lại cho lên trên rồi buộc lại ngang sọ. (Coi hình số 12).

Fig 12. — Buộc cằm. (Fronde du menton)

e) CÁCH BUỘC HÁNG. — Buộc vải vòng quanh phía bụng dưới, khi ngang háng thì cho xuống chăng trên bắp-bả, quành vô, rồi cho trở lên bụng lại, làm vậy năm sáu vòng, khi nào háng trùm kín thì buộc quanh bắp-bả vài vòng nữa, để lấy kim găm lại. (Coi hình số 13).

Fig 13. — Buộc háng (Spica de l'aine).

f) CÁCH BUỘC CHƠN HOẶC TAY ĐÃ CẮT CỤT. - Khi mổ đã xong rồi, muốn buộc cái chơn hoặc cái tay cụt thì để vải sưa, bông trắng, bông đen xong, ngoài lấy một miếng vải vuông trùm lại rồi lấy băng buộc phía trên. Cách ấy dễ mà ngó cũng tử-tế.

XXIII. — TIÊM (1).

Tiêm có nhiều thức : tiêm dưới da (2), trong thịt (3) và trong mạch máu (4).

Khi nào tiêm cũng dùng cái ống-tiêm (5). Cái ống tiêm ấy có nhiều thứ nhỏ, thứ đựng được 2 cm3, thứ lớn

(1) Injections.
(2) Injection sous-cutanée.
(3) Injection intra-musculaire.
(4) Injection intra-veineuse,
(5) Seringue,

dựng 5 cm 3 hay là 10 cm3, và cũng còn nhiều thứ lớn hơn; khi tiêm thuốc nhiều thì dùng ống tiêm to, khi ít thì dùng ống nhỏ.

Ống tiêm tiện dùng hơn hết là thứ bằng thủy-tinh còn kim thì bằng bạch-kim (1) (Coi hình số 14.)

Fig. 14. — Ông tiêm (Seringue).

1°.— TIEM DƯỚI DA.—Phàm tiêm dưới da thì phải lựa chỗ nào có thể tránh được gân và mạch máu to và chỗ cho mau thấm thuốc, như là dưới da bụng, phía ngoài bắp-bả, sau vai hoặc phía ngoài cánh tay đều là tiêm được cả.

Muốn tiêm chỗ nào đó thì hòi một tý thuốc teinture d'iode ở trên để trừ vi-trùng. Ống tiêm đã luộc sôi sẵn rồi, lúc chờ cho nguội thì lấy rượu chín mươi chữ rửa tay cho sạch. Khi rửa xong, thì lấy kim xỏ vô ống tiêm để hút thuốc; muốn tiêm chừng nào thì nơi ống tiêm đã có khứa để cho biết chừng độ-lượng; hút thuốc vô ống rồi dơ cao lên coi, như có bọt thì đẩy ra cho hết. Khi ấy, tay trái béo miếng da đã lựa khi hồi, còn tay mặt cầm kim và ống tiêm chích ngang cho vừa dưới da mà thôi, đừng cho vô thịt mà cũng đừng cho đi ngang trong da, khi thụt thuốc vô hết dưới da thì

(1) Platine.

rút ống tiêm và kim ra một lần, rồi lấy miếng bông nhúng rượu chùi chỗ ấy.

Thuốc tiêm thì thường-thường dựng trong ống (1) sẵn khi nào muốn tiêm thì phải hơ một đầu trên đèn rượu rồi lấy cưa nhỏ mà cưa hoặc lấy miếng bông hấp bọc lại mà bẻ cũng được, khi bẻ xong phải hơ trên đèn lại cho kỹ rồi hãy lấy ống tiêm mà hút vô.

Khi nào thuốc dựng trong chai thì trước khi mở nùi phải hơ, để trừ vi-trùng ở ngoài nùi hay là nơi miệng chai.

2.-TIÊM TRONG THỊT.— Lúc nào muốn tiêm thuốc vào thịt thì tiêm tại bàn-đít là tiện nhất, vì ở đó thịt dầy để tránh gân và mạch máu. Bàn-đít có bốn chỗ tiêm được, chắc khỏi gặp gân và mạch máu, nhưng thường cứ tiêm chỗ phía trên bàn là tiện lắm, vì tiêm ở đó đã tránh gân và mạch máu được mà lại khi tiêm xong thì người bệnh ngồi khỏi đau. Như gạch ngang phía trên khóe đít một đường thẳng, khỏi đường thẳng ấy cợ một đôi phân tây là chỗ tiêm được cả. (Coi hình số 15).

chỗ có chữ thập (†) là chỗ tiêm được

Cách bôi thuốc trên chỗ tiêm, cách luộc ống tiêm, rửa tay, hút thuốc vào ống thì cũng như khi tiêm dưới da, nhưng tiêm trong thịt thì không béo da lên, mà lại lấy ngón tay trỏ và ngón tay cái trăng da ra, còn tay mặt thì cầm ống tiêm và kim đã cắm sẵn, cầm như cách cán viết An-nam mà chích dựng vào cho sâu cợ

(1) Ampoule.

bằng hai lóng tay út ; khi đã vô thì thụt lần lần thuốc cho hết rồi rút ra, khi tiêm xong lấy tý bông nhúng rượu thoa chô ấy. Có thứ thuốc tiêm trong thịt thì được mà vô mạch máu lại hại lắm ; nên khi kim đã vô thịt thì chờ một tý xem có máu ra trong ống tiêm không, như có thì rút ống ra tiêm chỗ khác, mà không thì cứ tiêm. Đó là cũng sự phòng khi có mạch máu lạ ở đó chăng, chớ thường tiêm chỗ da chỉ trên, thì chắc-hẳn không gặp mạch máu.

Nếu không tiêm chỗ chỉ đó mà tiêm càn ở dữa bàn-đít có khi lại gặp cái gân to ở đó thì người bệnh đau hết sức mà có thể bại cả chơn có khi đến một đôi năm mới lành giức được.

Lúc tiêm dưới da thì người bệnh đứng, nằm, ngồi, gì cũng được, nhưng khi tiêm trong bàn-đít thì phải nằm xấp trở đít lên trên, mới tiện, hoặc là nằm nghiêng.

3° — TIÊM TRONG MẠCH MÁU. — Thường-thường tiêm mạch máu trước cánh tay thì dễ vì ở đó mạch máu cạn và hơi to. Trước khi tiêm phải buộc một cái ống cao-su phía trên cánh tay để cho máu chảy ra tay được mà trở về quả-tim không được, vì khi ở quả-tim chạy các nơi thì chạy trong mạch máu đỏ (1) mà về tim lại thì chạy trong mạch máu đen (2), mạch máu đỏ thì chắc-chắn và sâu lại máu chảy mạnh, nên cái giây cao-su buộc vừa-vừa thì không ngăn huyết được, còn mạch máu đen mềm và ở đó cạn thì dễ ngăn, khi máu trở về tim ngang đến giây buộc thì tụ đó nên chỉ nổi lên thì tiêm vô dễ trúng. Ý buộc giây cao-su là vậy. Khi ống tiêm đã có thuốc,

(1) Artères.
(2) Veines.

chỗ định tiêm đã bôi thuốc trừ vi-trùng rồi thì tay trái để một bên mạch máu đừng cho chạy, còn tay mặt cầm ống tiêm chích vô, như trật thì không có máu chảy vô ống mà hút ra thì cứng quá hoặc đôi khi bọt vô mà hôi, vậy thì phải lừa cái kim qua hai bên một tý để thử trúng mạch máu không, nếu không thì phải rút ra mà tiêm chỗ khác, mà như trúng mạch máu thì máu chảy vô trong ống tiêm ngay, lúc ấy mở ống cao-su trên ra rồi thong-thả mà thụt thuốc vô nhưng có ý đừng thụt bọt vô mạch máu; khi tiêm xong, rút kim liền và lấy bông nhúng rượu thoa chỗ chích ấy. Một đôi khi có tý máu bẩn làm trít kim, thành kim đã vô trong mạch máu mà máu không chảy ra trong ống, vậy thì phải rút nòng (1) hơi hơi ra thử có hết trít không, hoặc là phải rút cả ống tiêm ra mà thụt một tý để thuốc trong ống đẩy tý máu bẩm ấy ra.

Thuốc tiêm vô trong mạch máu thì chạy liền khắp cả trong thân thể, nên khi bệnh nặng thì có ích lắm-lắm. Tuy vậy mà có khi tiêm cách ấy cũng có đều nguy-hiểm như sau nầy: có thứ thuốc tiêm trong da thì không chịu được, đau lắm và có thể làm mủ ngay, nên khi tiêm vô mạch máu mà trật ra ngoài là cũng như tiêm dưới da, vậy thành ra đau-đớn cho người bệnh lắm; lại có khi thụt bọt vô trong mạch máu cũng hại lắm; hoặc là thụt thuốc nhiều quá và mạnh quá làm có khi quả-tim có thể đình chạy thì người bệnh chết.

Vẫn biết khi tiêm vô mạch máu, sự hiểm nghèo xảy ra cũng thật ít, nhưng khi lỡ ra có việc gì thì còn nói năng gì nữa? Cho nên thường-thường thầy y-sự không nên tiêm cách ấy, thà để cho thầy-thuốc nhận trách-nhiệm mà tiêm, dẫu xảy ra có việc gì trắc-ngại thì đã

(1) Piston.

biết cách trừ. Ở các nhà thương bên Tây cũng vậy, cách tiêm ấy chỉ để cho thầy-thuốc làm mà tôi.

Ở các nhà-thương lớn annam, mỗi buổi sáng tiêm trong mạch máu cho người bệnh cũng đến có mươi phát, khi thì tiêm novarsenobenzol, khi tiêm émétine, collargol, sérum artificiel, cyanure de mercure vân vân . . . . . , thường-thường chẳng có sự gì trắc-ngại cả; nhưng không nên thấy vậy mà cho là sự tiêm ấy dễ và chắc tiêm trăm lần thì được toàn vẹn cả trăm!

XXIV. — SỰ CHO THUỐC MÊ.

Cách cho thuốc để người bệnh ngủ mê mà mổ-xẻ cho khỏi đau thiệt là quan-hệ lắm. Sự sống chết của người bệnh là tại tay người cho thuốc ấy, nên ở các nhà-thương lớn việc ấy chỉ giao cho thầy-thuốc mà thôi. Tuy vậy mà trong các nhà thương annam thường-thường thì việc ấy giao cho mấy thầy y-sự, vì một là thiếu thầy thuốc, hai là nhiều thầy đã làm việc ấy thì biết sự trách nhiệm lớn-lao của mình, hết lòng cẩn-thận, sự nguy hiểm xảy ra ít lắm.

Có thầy biết cho thuốc mê dỏi là vì mắt cũng đã trông thấy cho nhiều lần mà cũng có tập cho, nhưng phần nhiều thì không biết ; tưởng cũng nên nói cho hay. Ý chúng tôi không phải là muốn cho thầy nào cũng biết cho thuốc mê cả, sự muốn ấy khó được, nhưng mà khi thầy nào đã biết cách thức, lại được có thầy thuốc đứng một bên mà vẽ cho mươi lăm lần thì có lẽ sau cho một mình được ; cho nên nói cho biết cách thức ấy tưởng cũng có ích.

Khi nào cho thuốc mê cũng phải có lệnh quan thầy thuốc và có quan-thầy một bên mới được.

Khi đã cho quen thì chẳng khó gì lắm và cũng chẳng gặp sự nguy-hiểm ; người bệnh vì thuốc mê mà chết cũng thiệt ít. Đã hơn tám năm nay, mắt chúng tôi trông thấy cho thuốc mê cũng nhiều, mà chỉ thấy có một người chết vì cớ ấy mà thôi.

Thuốc dùng để cho người bệnh ngủ mê thì cũng nhiều : chloroforme, éther, chlorure d'éthyle, vân vân... nhưng mà chúng tôi chỉ nói thứ thuốc thường trong các sở nhà-thương annam năng dùng là thuốc chloroforme.

CÁCH CHO THUỐC MÊ CHLOROFORME. — Thứ thuốc chloroforme người ta đựng trong ống sẵn mà bán, đến khi dùng đánh bể cái nút chai phía trên thì rót ra được. Có bệnh không thể cho thuốc ấy được ; nhưng mà khi thầy-thuốc biểu cho là đã có xét trước người bệnh rồi.

Đến khi gần cho thuốc mê ấy thì phải sửa-soạn đồ trước để một bên, phòng khi có xảy ra việc gì trắc-ngại

Những đồ nên sắm sẵn kể như sau nầy:

1°) Một cái kềm kéo-lưỡi (1). Cái kềm ấy cũng như kiểu kềm thường nhưng phía trước có hai cái mấu để cặp lưỡi cho khỏi sút.

2°) Một cái mở-miệng (2) dùng để mở miệng mà chùi đờm trong họng.

3°) Vài miếng bông hay là vải kẹp trên kềm Kocher (coi hình số 16), phòng khi đờm nhiều, xỏ vô họng mà chùi.

4°) Một cái thau để hứng đồ mửa và một cái khăn lau miệng.

Trước khi cho thuốc phải cho biết chắc rằng người bệnh bụng đói, chưa ăn gì. Khi để người bệnh nằm ngửa lên bàn thì cột chơn và tay nơi bàn, cho thuận, chớ đừng cột tréo chơn hoặc co tay, sau người bệnh dậy mỏi khó chịu; giây-lưng hay là giải-ướm thì phải cất hoặc nới cho long ; xem như trong miệng có răng dả cũng phải cất luôn ; còn người phụ đứng một bên thì không được dựa trên ngực và bụng người bệnh; Thầy cho thuốc mê đứng sau đầu người bệnh, thoa mỡ trên miệng và mũi người cho khỏi lỡ vì thuốc ấy rát, xong thì bảo người cứ thở cho tự-nhiên như thường, để hít thuốc vô phổi cho mê để khỏi đau, khi ấy lấy cái bao đã làm sẵn hoặc vài lớp vải-sưa, xếp cho vừa

(1) Pince à langue.
(2) Ouvre-bouche.

1

2

3

4

5

Fig 16.

1. Masque à chloroforme (cái đề cho thuốc mê chloroforme).
2. Pince tire-langue (kềm kéo lưỡi).
3. Ouvre-bouche (cái mở miệng).
4. Pince de Kocher (kềm Kocher).
5. Plateau réniforme (cái khay thuận.)
6. Stéthoscope (ống nghe).

trùm miệng mũi, đổ vào trong bốn, năm giọt thuốc rồi trùm trên mũi và miệng lại; tay mặt thì cầm cái bao ấy còn tay trái thì đỡ hàm-xai ra, để cái lưỡi đưa ra cho dễ thở và phòng vậy cho nó khỏi trụt vào trong cấng họng thở; có người lại lấy hai ngón tay-cái đè cái bao, còn mấy ngón kia thì đưa hàm-xai ra. Khi đã để mấy giọt thuốc mê và cái bao trùm lên trên mũi miệng như cách nói đó, thì phải chăm ngó sắc mặt người bệnh luôn. Cợ trong nửa phút đồng-hồ thì rót thêm bốn giọt thuốc nữa, sau lại cứ ba phút thì đổ vài giọt; trong mười phút thì người bệnh ngủ mê.

Khi cho mấy giọt đầu thì người bệnh vùng-vẫy, la ngột, thầy cho thuốc cứ khuyên người bệnh thở như thường mà thôi, còn người phụ thì cầm hai tay, không cho vùng; đến khi hít mấy giọt sau thì người bệnh đã hơi mê, tay chơn mềm, không vùng-vẫy, không biết đau và thở ồn lên như người ngáy.

Đến khi đã thiệt mê thì cứ vài phút cho vài giọt thuốc cho đến lúc mổ xong. Muốn biết đã mê chưa thì cứ lấy ngón tay rờ tròng con mắt, thường thì phải nhắm-nháy; đến khi mê thì không; hoặc là dơ cái chơn cao lên rồi bỏ xuống, như người bệnh đã thiệt ngủ thì cái chơn rớt xuống cũng như cục gỗ vậy. Khi mổ lâu cợ một giờ rưỡi hai giờ thì cho hết chừng 30 grammes thuốc chloroforme là đủ, không nên cho nhiều, cho vừa đủ mê mà thôi, ít thuốc chừng nào thì lại càng hay chừng nấy.

MẤY ĐỀU PHẢI BIẾT LÚC CHO THUỐC MÊ. — Khi mới cho mấy giọt đầu và lấy bao trùm miệng mũi lại thì thình lình trong một phút đồng-hồ mà người bệnh mặt xanh ngắt, mạch đình và không thở nữa. Sự ấy là nguy-hiểm lắm, nên phải cất cái bao liền không cho thuốc nữa đưa hàm xai dưới ra để cho lưỡi đừng trụt vô họng và

lấy kềm kéo-lưỡi ra ngoài cho dễ thở, hoặc đưa vô đưa ra cái lưỡi một chặp thì người bệnh thở lại như thường.

Có khi trong lúc mê, mặt đổi ra sắc tím-tím, vậy là người bệnh ngột và thuốc hít nhiều quá, khi ấy phải dình thuốc ngay và cũng đưa bàm-xai ra và kéo lưỡi như cách trên cho dễ thở.

Lúc đầu mới cho, có khi người bệnh nín thở, xem sắc mặt và mui-miếng như thường, thì cứ cho thêm vài giọt nữa thì người bệnh nín lâu phải thở dài, đó là vì muốn mửa hoặc sợ hít thuốc mà người bệnh cầm hơi lại.

Trong lúc cho thuốc mê, xem mạch là một sự lệ-trọng lắm khi đã dình thở mà mạch nơi tay không chạy nữa là khi nguy-biểm thứ nhứt, như đã nói ở trên.

Xem con người cũng là có ích: khi mới cho thuốc mê thì con người lớn lần lên, đến khi ngủ mê thì con người lại nhỏ lần xuống, cho đến khi thôi thuốc. Trong lúc mê con người đương nhỏ mà to lần lên, nghĩa là người bệnh không đủ thuốc mê, gần dậy; hoặc là khi mửa, con người cũng có thể to lần lên được, như vậy thì phải cho thêm vài giọt thuốc. Còn khi thình-lình mà con người to lên chóng lắm, khi ấy lại nguy-biểm vì trái tim đã dình còn người bệnh thì không thở nữa.

Xem như vậy thì biết rằng khi cho thuốc mê cốt cần phải xem cách thở của người bệnh, xem sắc mặt, xem mạch và con người; chớ không nên xem chỗ mổ làm gì, vì xem mổ thì có lẽ quên mấy đều trọng nói ở trên.

Trong lúc mê mà mửa, nghĩa là ngủ chưa kỹ, thì phải nghiêng đầu cho người bệnh mửa, lau miệng sạch rồi cho thêm vài giọt thuốc.

Đến khi mổ xong rồi, thuốc mê thôi cho, thì để người bệnh vào buồng, cho lặng-lẽ mà trông nom, như sắc mặt thường, cách thở tự-nhiên, thì cứ chờ người bệnh tự thức dậy, như mặt tái-xanh lắm thì lấy khăn ướt đánh hiệ-hiệ trên mặt và kêu dậy.

Khi dậy thì kêu-van, chóng mặt, nặng đầu và khát nước. Cho một miếng nước-đá ngậm hoặc lấy nước cho súc miệng thì đỡ khát chớ không nên cho ăn uống gì vội.

CÁCH CHỮA NGƯỜI BỆNH CHẾT GIẢ (1) TRONG LÚC CHO THUỐC MÊ. — Có hai cách chết giả, khi thì thình-lình bị quả-tim đình (2) khi lại vì ngột người bệnh không thở được. (3).

Khi chết giả vì thình-lình quả-tim đình chạy là nguy-hiểm hết sức: mới cho năm, sáu giọt thuốc mê thì bỗng-chốc người bệnh mặt tái-ngắt, không thở nữa, quả-tim thì đình chạy người bệnh có thể chết luôn, khi ấy phải gấp-gấp điểm thuốc trợ tim (4) và làm cho thở lại (cách ấy sẽ nói sau) và lấy khăn nhúng nước lạnh đặp- đặp trên mặt.

Còn khi chết giả vì người bệnh ngột không thở được thì không nguy-hiểm cho lắm, vì có thể biết trước được: người bệnh thở khó lần-lần, còn mặt thì cũng lần-lần mà đổi sắc, trước đương thường sau tím-tím, xanh-xanh, sau lại như là mùi đen, lúc bấy giờ thiệt đình thở ; như vậy thì phải liền làm cho thở và kéo lưỡi (cách ấy sẽ nói sau).

Khi gặp chết giả như hai cách nói trên vậy là khi nguy-hiểm, nên phải cho tỉnh táo, kẻo mất trí-khôn thì làm bậy, không nhằm cách. Trước hết thì phải kẹp lưỡi ra ngoài ; như vậy thì lấy cái mở-miệng mà nới hai hàm răng để mở rộng miệng ra, rồi xỏ kềm vô mà kẹp lưỡi, bề bằng xuống dưới còn bề có mấu thì kẹp trên, kẹp ở dữa lưỡi chớ đừng kẹp hai bên cạnh hay là đường mút mà có thể đứt lưỡi, khi kẹp lưỡi xong thì kéo ra vô cho đều và làm cho người bệnh thở như cách sẽ nói sau :

---

(1) Syncope : chữ ấy dịch là chết giả cũng không đúng lắm vì nhiều khi chết giả mà không chữa kịp thì người bệnh chết luôn.

(2) Syncope cardiaque.

(3) Syncope respiratoire.

(4) Caféine, éther.

a) KÉO VÔ RA CÁI LƯỠI CHO ĐỀU. — (1) Khi kéo lưỡi như vậy thì phải kéo ra ngoài rồi lại đem vô cho đều, cho mạnh-mạnh, đừng nhẹ qúa mà cũng đừng mạnh qúa, và không nên làm gấp lắm, trong một phút kéo vô ra cợ mười lầm hay là hai mươi lần là đủ.

b) CÁCH LÀM CHO NGƯỜI BỆNH THỞ. — (2) Người bệnh nằm trên bàn, đầu hơi chúc xuống một tý, hai cùi tay co và dựa hai bên xương-sườn, khi ấy thầy y-sự cầm hai cùi tay người bệnh ấn mạnh vô xương-sườn để cho hơi trong phổi ra ngoài, (3) rồi đem hai cùi-tay trở lên hai bên đầu người bệnh như cách làm cho ngực rằng rộng ra để cho sinh khí vào (4).

Phải làm như vậy mười lầm hay là hai mươi lần trong một phút và làm chung với cách kéo lưỡi, (lúc ấy phải có người phụ kéo lưỡi); khi cho sinh-khí vô thì phải cho dịp với lúc kéo lưỡi ra để cho thông cuống họng thở cho sinh khí dễ vô, nếu lưỡi ở trong xa thì cấng, khó thở vô. Làm như vậy cả hai cách cho đến khi nào người bệnh hết chết giả và thở được thì thôi; có khi đến một giờ đồng-hồ người bệnh mới thở lại như thường được, nên phải cho có chí, đừng nôn và như có mỏi tay thì nói người khác làm thế cho một lúc cũng được (xem hình số 17).

---

(1) Tractions rythmées de la langue.

(2) Respiration artificielle.

(3) Temps expiratoire.

(4) Temps inspiratoire.

Fig 17. — Respiration artificielle.
Temps expiratoire (cho hơi trong phổi ra ngoài)

Fig 17 bis. — Respiration artificielle.
Temps inspiratoire (cho không-khí vào phổi)

KHOẢN THỨ BA

XXV. — CÁCH BẦU (1)

Khi nào sưng trong phổi, máu tụ ở đấy nhiều qúa, tức ngực, hoặc khi đau lưng thì thường người ta bầu để cho máu tản bớt ra ngoài thì dỡ, khi đau đầu, bầu một cái dữa trán cũng nhẹ, như cách lể của ta vậy; khi nào có cái mụn (2) đã chích rồi, đặt một cái bầu cũng hút được mủ ra nhiều. Còn nhiều chứng nữa phải dùng đến bầu.

Có hai cách bầu: bầu khô (3) và bầu rạch để lấy huyết. (4)

1°. — BẦU KHÔ. — Cách bầu nầy dễ làm lắm: lấy cái bầu, như không có bầu thì dùng ly rượu cũng được, dứt một tý bông bỏ trong để cho tản khí trời ở trong ấy rồi đắp trên da, cái bầu dính liền ở đấy, da phía trong thì dỏ, và nổi cao lên; để vậy cỡ năm phút thì cất đi, khi cất thì một ngón tay bên trái đè da một bên cạnh bầu, còn tay mặt (5) thì cất bầu.

Khi bầu thì để người bệnh ngồi, nằm gì cũng được nhưng cốt là thế nào khi bầu lỡ rớt xuống cho khỏi vỡ Còn khi bỏ miếng bông trong bầu để đốt thì dừng cho miếng bông ấy rớt xuống cháy da; dùng miếng bông thiệt mỏng và ấn nó ở phía trên bầu thì tiện và khỏi cháy da. Có người lại hơ cái bầu trên đèn rượu rồi đắp liền trên da, cách ấy cũng tiện. Còn lắm cách đặt bầu ấy, nhưng cốt là làm cho hết khí trời ở trong rồi đắp lên da cho hút mà thôi.

2°. — BẦU RẠCH ĐỂ LẤY HUYẾT. — Khi nào muốn lấy bớt huyết ra thì mới dùng cách bầu nầy. Bầu khô như nói ở trên, cất bầu đi, chỗ ấy dỏ, lấy rượu lau

---

(1) Application des ventouses.
(2) Furoncle, anthrax.
(3) Ventouse sèche.
(4) Ventouse scarifiée
(5) Tay phải.

chỗ sạch, lấy dao khứa năm bảy đường nhỏ-nhỏ, rồi đặt bầu lại, khi bầu hút thì máu tươm lên cợ bao nhiêu xem trong bầu thì biết.

Dùng cái dao mà khứa thì cũng đau, nên người ta có bày cái bản-khứa gọi là scarificateur. Cái ấy như cái hộp tròn, hoặc vuông như cái khuôn dấu, bề dưới có hai hàng lỗ để cho lưỡi sắt lòi ra, một bên có một cái vít, phía trên có một cái nút tròn để vặn cho lưỡi sắt ra, ở gần đó lại có miếng đồng hình như con cò-súng, đẩy tới đẩy lui được. Khi dùng thì đẩy con cò ấy ở dữa rồi vặn nút tròn phía trên cho lưỡi sắt ra, muốn khứa sâu thì vặn cho ra nhiều, mà muốn khứa cạn thì cho ra ít, đẩy con cò tới thì mấy lưỡi sắt thụt vô trong hộp đồng, đặt bề có hai hàng lỗ xuống da, rồi bấm cái vít một bên thì con cò trật lại, khi trật lại mau lắm và đã có khứa da rồi, cất bản khứa đi thì thấy nói da có hai hàng rạch, để bầu trên ấy mà hút thì máu tươm lên ; cách để bầu thì cũng như nói trên khi máu ra xong thì cất bầu ; lấy ruợu chùi chỗ ấy buộc lại cợ vài ngày thì mấy hàng rạch khô và liền da.

XXVI. — CÁCH CHO ĐỈA HÚT.

Cách dùng đỉa cho hút huyết người bệnh thì các nước đều biết đã lâu ; thầy thuốc ta cũng biết dùng như vậy. Chỗ nào tụ máu nhiều, sưng lên thì có thể dùng đỉa cho hút bớt máu, nhưng ở nhà-thương nào dùng, thì thường năng để cho hút lưng người bệnh đau lưng, và cho hút huyết bên thái-dương những người đau mắt mà đỏ và sưng quá, cho hút như vậy thì máu tụ nơi mắt có thể tản bớt được. Dùng đỉa cho hút huyết bớt ý cũng như dùng bầu-rạch, nhưng bầu-rạch làm chỗ rộng-rãi như ở ngực thì tiện lắm, mà làm chỗ hẹp như ở thái-dương một bên mắt, thì không tiện, cho nên khi nào muốn cho hút huyết chỗ hẹp thì dùng đỉa là tiện hơn, nhưng mà dùng đỉa để làm thuốc thì ngó cũng hơi

xira va lại có người đàn-bà sợ giống ấy không thể nhìn được.

Có hai thứ đỉa dùng được là một thứ xanh và một thứ xám dưới bụng có chấm đen. Phía ngoài miệng đỉa có một cái bầu nhỏ để hút, trong miệng thì có ba hàm răng nhỏ, lúc nào đỉa bám vào người thì nhờ có ba hàm răng ấy mà cắn, khi da người đã chợt thì có cái bầu nhỏ phía ngoài miệng để hút huyết. Đầu con đỉa thì nhỏ mà đuôi thì to và cũng có một cái bầu lớn hơn để bám vào và bò tới. Thường loài ấy ở sông, hồ, hoặc ao, bói, chỗ nào rong bùn nhiều, nhưng khi nuôi nó mà dùng thì phải bỏ vào chai to và năng thay nước.

Khi muốn cho đỉa cắn chỗ nào đó, thì phải rửa chỗ ấy cho thiệt sạch và lau khô, bỏ đỉa trong cái ống nhỏ-nhỏ, úp cái ống ấy vào người, chờ một hồi thì nó bám da ; khi cất ống thì con đỉa nằm yên đó, lần-lần hút huyết, phồng to, cợ nửa giờ hay là một giờ, no rồi thì nó không bám nữa, rớt xuống, như nó không rớt mà muốn thôi không cho cắn nữa thì lấy tro hoặc vôi rắc vô thì nó thả ; không nên kéo nó vì có lẽ dứt hàm răng trong da. Một lần đỉa cắn no thì hút được 15 grammes huyết, nhưng khi nó rớt rồi, thì huyết còn chảy nữa; lúc muốn thôi chảy thì phải buộc lại ; có khi phải buộc với thuốc antipyrine mới cầm được ; lấy một phần thuốc ấy trộn với mười phần nước nhúng vải sưa mà buộc.

Phàm cho đỉa cắn thì nên tránh những chỗ có mạch máu to và chỗ da mỏng quá ; còn khi cho cắn gần đít và gần cửa-mình thì phải đứng một bên mà xem luôn, không thì có thể nó đục vào thì hại lắm.

XXVII. — CỨU (1).

Cứu nghĩa là lấy lửa mà đốt da người bệnh để cho bỏng một chỗ nào đó. Thầy-thuốc ta năng dùng cách cứu ấy để

(1) Cứu, đốt : cautérisation ignée.

chữa mọi chứng đau, đau bụng đau lưng vân vân ... ; lấy lá thuốc cứu khô, viên nhỏ bằng hột đề hay là hột đậu, để trên chỗ đau mà đốt, khi cháy xong thì thổi tàn đi, chỗ ấy cháy đen, đôi ba tuần mới thành sẹo. Làm cách ấy xong, sau lại cũng có khi đỡ đau, nhưng mà lúc đốt viên thuốc cho tàn cũng hết năm phút đồng-hồ, trong năm phút ấy lửa để trên da, có gì mà đau bằng ! Cho nên cách cứu ấy làm cho người thường đã lắng sự khó-nhọc đau-đớn, như người ở nhà-quê thì họ có thể chịu được, chớ làm cho người ở phường-phố yếu-điệu thì bất tiện lắm.

Ở nhà-thương khi cứu thì có cái bàn-đốt riêng gọi là thermocautère, để dùng mà gọn-gàng, đem đi đâu cũng được ; cái ấy chỉ có một lọ đựng dầu (1) phía trên mũi có hai ống cao-su, một ống có cái bao cao-su để thụt hơi vô, còn một ống thời phía trước có cái cán gỗ để nối với một ống bạch-kim. (Coi hình số 18). Khi dùng thì đốt ống bạch-

Fig 18
Bàn đốt (Thermocautère)

(1) Essence minérale.

kím trên đèn rượu, cầm cán gỗ mà dốt kẻo nóng, lúc ống bạch-kim đỏ, thì bóp bao cao-su năm sáu lần để chuyền hơi dầu lại ống bạch-kim, thì ống ấy đỏ phần lên, khi ấy thỉnh-thoảng chỉ bóp cái bao vài lần để giữ cho ống bạch-kim đỏ luôn ; đến lúc dùng xong thì cho đỏ thêm, rồi sẽ rút cán gỗ ra mà tắt, vì lúc dùng bụi than có thể dính trong hay là ngoài ống bạch-kim, cho đỏ thêm là để bụi than ấy cháy cho hết ; khi cất ống bạch-kim thì chùi cho sạch, rồi bỏ cả ve ống vào trong một cái hộp đã làm sẵn để đựng đồ ấy.

Lúc dùng bàn-đốt ấy thì cho có ý đổ dầu trong ve cỡ một phần mà thôi, và khi nào ống bạch-kim đỏ mới nên bóp bao cao-su để chuyền hơi dầu đến.

Nhà-thương nào cũng có cái ấy vì dùng nhiều việc lắm: khi đau lưng, đau ngực, đau mấy chỗ lắt-léo (1), thường năng dùng để làm những chấm-lửa (2); hoặc là khi đau mụt chốc to (3) hay là mụn gì hôi-thối cũng nhiều khi dùng đến để chích cho xì mủ ra. Khi dùng để chích mụn như vậy thì cho vừa đỏ mà thôi, để cho cầm máu lại, ít chảy. Còn khi dùng để làm chấm-lửa lại phải cho đỏ lung (ống bạch-kim quá đỏ thành hơi trắng-trắng) để cho ít nóng.

Khi làm chấm-lửa ý cũng như thầy thuốc ta cứu vậy, nhưng cách cứu để lâu đau lắm chớ dùng cái bàn-đốt để chấm thì làm mau lắm nên người bệnh ít đau.

KHOẢN THỨ TƯ.

XXVIII. — RỬA MẮT VÀ CHO THUỐC.

Cách rửa mắt là bộ-trọng lắm, không biết rửa, có khi chọt trông mắt và lấy mắt, nên làm phải biết sức dịu-dàng. Trước hết phải rửa tay cho sạch và sắm đồ sẵn, sự ấy thường cũng chẳng cần nói nữa.

---

(1) Dâu-xương: articulations.
(2) Pointes de feu.
(3) Anthrax.

Còn thuốc thì người ta năng dùng eau boriquée à $\frac{30}{1000}$ hay là sérum physiologique (1) để rửa mắt. Rửa mắt có hai cách: khi thì lấy bông nhúng thuốc mà lau ở ngoài mí cho sạch ghèn; khi lại phải rửa phía trong mí-mắt, như vậy thì hai ngón tay trái phải bẻ hai mí-mắt, còn tay mặt cầm bông nhúng thuốc vắt vô, khi vắt hết lại nhúng thuốc thêm, rửa như vậy bao giờ sạch ghèn phía trong mí thì thôi; lúc rửa xong lau ngoài mí rồi nhỏ thuốc.

XÔNG MẮT: Khi nào mắt đỏ và nhiều ghèn lắm thì rửa xong lại phải xông đã mới nhỏ thuốc.

Cái máy xông (2) (coi hình số 19) gồm có:

Fig 19. — Máy xông Pulvérisateur

(1) Những thuốc ấy dùng hơi nóng-nóng mà rửa mắt thì tốt hơn nguội.

(2) Pulvérisateur.

1: một cái nồi tròn A để dựng nước, nồi ấy có hai cái ống vòi nhỏ B để cho hơi ra mà xông và trên chót-vòi nồi lại có một cái ống vòi khác C để khi dở lên mà xem thử nước trong nồi đã sôi chưa, và một lỗ D để đổ nước vô nồi.

2: một cây-đèn E để nấu nước trong nồi cho sôi.

3: một cái ve F để dựng thuốc, trong ve ấy lại có hai ống cao-su để chuyền thuốc lên hai vòi B để hòa với hơi nước sôi mà xông mắt.

Khi nào muốn dùng máy xông ấy thì đổ nước cỡ hai phần nồi, đậy lỏng-lỏng cái lỗ D lại; trong ve F thì đổ thuốc vô, thuốc thì phải dùng thuốc nguội để lên hòa với hơi nóng thì vừa; vặn 2 vòi B lên để cho kín xong rồi thì thắp đèn dưới để nấu nước trong nồi cho sôi. Đến khi nước sôi thì nghe tiếng ôn, và lại lỗ D đậy không kín thì nước cũng có xì lên một tý, khi ấy dở vòi C trên hết ra để xem thử thiệt sôi chưa, như thiệt thì phì hơi nhiều, lúc thấy đã phì hơi nhiều thì bỏ vòi ấy xuống và đậy lỗ D lại cho kỹ, bấy giờ hạ hai vòi B xuống cho xì hơi nóng ra, hai ống cao-su thông vô trong thuốc dựng trong ve F. Hơi xì ra nóng thì có thuốc nguội dưới ve lên hòa với thì vừa xông. Người bệnh ngồi trên ghế, trước ngực choàn cái khăn, máy xông để trên bàn cách mặt người bệnh cỡ hai gang, người bệnh dơ mặt ngay vòi hơi ra mà xông, chịu nóng được chừng nào thì càng tốt chừng ấy. Mỗi lần xông cỡ mười lăm phút là đủ; xông như vậy thuốc và sự nóng làm chết bớt vi-trùng độc và dỡ đỏ với sưng, cho nên khi đau mụn-mẩn gì đỏ, sưng to thì xông cũng mau dỡ, và lại khi đau cổ, họng cũng dùng máy xông như cách đau mắt vậy.

Khi xông xong thì lấy vải sưa hấp lau xung-quanh mắt cho sạch rồi nhỏ thuốc.

A) THUỐC TRỊ BỆNH ĐỎ MẮT.

Thuốc trị bệnh đỏ mắt có ba thứ : một thứ thuốc nước (1) thường năng dùng nhất, một thứ mỡ (2) và một thứ khô. (3)

1° CÁCH NHỎ THUỐC NƯỚC. — Nhỏ một giọt thuốc vô mắt ngó cũng chẳng gì dễ bằng, nhưng mà không biết nhỏ, thì giọt thuốc chảy không đều cũng thành vô lợi. Khi nhỏ thuốc trước hết phải dọc dẳng chai lại cho chắc dùng thuốc dùng ; người bệnh ngồi ngưởng đầu ra sau, mắt thì liếc lên trên, thầy làm thuốc đứng trước mặt người bệnh, tay trái cầm miếng bông nhỏ (4) để mí dưới, tay mặt cầm cái ống (5) để nhỏ một giọt thuốc, ngón út tay cầm ống thuốc nên dựa trên màng-tang nếu như muốn nhỏ bên mắt trái, dựa bên trán nếu như muốn nhỏ bên mắt mặt. Nên nhỏ cách khóe mắt ngoài cỡ vài ly, vì nhỏ phía ngoài như vậy thì thuốc chảy theo nước mắt mà vô lọt khóe trong thì đều ; khi xong thì bảo người bệnh đừng nhắm mắt mạnh quá mà thuốc chảy ra ngoài, nên dặn trước thì hơn, tay để mí dưới khi hồi đó thì cứ thông-thả mà buông ra thì giọt thuốc tràn trên mắ và lên lọt mí trên.

Không nên bét mí trên mà nhỏ, vì thuốc rớt xuống tròng mắt ngay, khó chịu, vả lại chẳng có khóe hứng thuốc ấy thì nó phải chảy ra mà ngay. Có người lại nhỏ thuốc phía khóe trong như vậy thì thuốc chảy mau quá xuống lỗ nước mắt thường chảy thành nó tràn ra mắt ít quá ; tuy vậy nhưng nhỏ thuốc vào khóe trong cũng được, cốt là phải bét mí dưới mà nhỏ, chớ không khi nào được bét mí trên

---

(1) Collyres liquides: Exemple : collyre au sulfate de cuivre, collyre à l'argyrol . . .

(2) Collyres mous : Exemple : pommade à l'oxyde jaune de mercure ..

(3) Collyres secs : Exemple : crayon de sulfate de cuivre, poudre de calomel. . .

(4) Miếng bông ấy nên thấm eau boriquée và vắt cho khô.

5) Compte-gouttes.

Trong sự nhỏ thuốc con mắt, trọng nhất là không nên dụng ống-giọt vào mắt, vì con mắt đương đỏ mà bị chọt thì lâu lành lắm, vả lại cũng không nên dụng ống-giọt vô mí mắt.

Khi nhỏ cho con-nít, để nằm ngửa thì tiện hơn và một người phụ đè đầu còn một người đè chơn tay.

2°) CÁCH CHO THUỐC MỠ VÔ MẮT. — Khi để thuốc mỡ vô mắt thì dùng dũa thủy-tinh là tiện hơn hết, vì lấy ngón tay mà để thì không được sạch, còn dùng bông cặm trên lăm (1) mà bôi thuốc thì sợ bông dính vô mắt cũng khốn. Dũa thủy-tinh ấy phải cho vừa dùng, không to mà cũng không nhỏ, trước khi dùng phải trụng nước sôi; khi muốn để thuốc thì rửa tay cho sạch, lấy dũa thủy-tinh ấy quẹt một lý cợ bằng hột-bắp, ngón tay-cái bên trái đè mí dưới xuống, cũng dùng miếng bông thấm nước mà đè như đã nói về khoản cho thuốc nước vậy, tay mặt cầm dũa thuốc đo ngang mí mắt dưới rồi để vô, khi ấy bảo người bệnh nhắm mắt, mí trên đậy chiếc dũa thuốc, lúc bấy giờ tay trái cầm miếng bông đè nhẹ-nhẹ mí trên, thong-thả rút dũa ra ngoài, vậy thì thuốc vào cả mí trên và mí dưới, như thuốc có ra ngoài một ít thì lấy miếng bông dùng khi hồi đó mà lau đi cho sạch.

3° CÁCH CHO THUỐC KHÔ VÔ MẮT. — Thuốc khô ở đây ý muốn nói thứ thuốc bột và thuốc cứng để rà mắt. Ngày xưa thầy-thuốc năng dùng thuốc bột để rắc vô mắt, bây giờ cách ấy ít dùng lắm; thuốc cứng để mà rà thì năng dùng hơn thuốc bột, thứ thuốc để rà thì thường người ta dùng nitrate d'argent và sulfate de cuivre, hai thứ thuốc ấy cứ để nguyên vậy mà dùng chớ không hòa với nước, chỉ vót nhọn như cách cái viết-chì, (2) để rà trong mí mắt mà thôi.

Thứ thuốc nitrate d'argent có thể làm hư tròng mắt được, nên chi thầy y-sự không nên dùng thuốc ấy, vả lại thầy thuốc cũng ít dùng.

---

(1) Pinceau.

(2) Gọi là crayon de sulfate de cuivre, de nitrate d'argent.

Còn thuốc sulfate de cuivre thì rà cách như sau này: trước hết phải biết rằng thuốc ấy thường rà cho người đau mắt trắng, nghĩa là mắt đau nhưng mà không đỏ, vì không đau gì con mắt mà chỉ đau phía trong mí mà thôi, thứ là về mí trên; khi lật mí ra thì thấy hột nhỏ-nhỏ như cát, bởi vậy nên gọi là conjonctivite granuleuse, (1) tuy mắt không đau nhưng mấy hột ấy (2) cọ trong mắt mãi lâu ngày trong xốn, phải đỏ và chợt ra, cho nên bệnh đau mí mắt ấy là quan bộ lắm; khi muốn rà mí đau như vậy để cho bớt mấy hột nói đó, thì tay trái phải lật mí ra, còn tay mặt cầm que thuốc rà trong mí ấy, rà mấy hột đó cho hết, nhưng phải rà nhẹ-nhàng vì nếu mạnh quá thì chợt mí máu chảy và lại thêm sưng to, một lần rà xong, phải nghỉ năm, bảy ngày mới rà lại được; như hột nhiều quá thì có khi phải ba, bốn tháng mới lành, khi rà xong mà như có sưng mí thì nên đắp nước nóng. (3)

B. — CÁCH BUỘC MẮT (4)

Lúc buộc một mắt (5) thì tay trái để bông và mũi băng gần mắt, tay mặt đem băng lên trán, buộc quanh một vòng ra sau ót trở xuống, rồi đem lên lại, chừa lỗ-tai và đi trên mũi băng trước, quang trán lại một vòng rồi ra sau trở xuống lại làm như khi hồi, bao giờ mắt trùm kín thì hồi. Khi buộc hai mắt (6) cũng như vậy nhưng trùm cả hai mắt và chừa hai lỗ tai. (Coi hình số 20)

---

(1) Hay là trachome.
(2) Granulations.
(3) Application chaude. (Xem mục XVII)
(4) Pansement oculaire.
(5) Monocle.
(6) Binocle.

Fig 20 Bịt một mắt (Monocle).

C) CÁCH LẬT MI MẮT.

Ở trên có nói chuyện lật mí mắt để rà thuốc, vậy cũng nên biết cách lật cho người bệnh khỏi đau ; lật mí dưới thì dễ, chỉ để xuống một tý thì mí trật ra ; nhưng lật mí trên nhiều khi cũng hơi khó, vì hoặc mí sưng hoặc mắt người sâu.

Lật mí trên có hai cách :

1° Ngón-trỏ và ngón-cái bên trái nắm lông-đeo còn tay mặt cầm cán viết chì nhỏ (1) ấn trên mí, liền khi ấy hai ngón bên tay trái lật mí lên.

2° Ngón tay-trỏ bên mặt để mí trên xuống, ngón-cái để phía trong mí lật lên.

Trong hai cách nói đó, người nào quen cách gì thì cứ dùng cách ấy ; còn như chúng tôi thì ít dùng hai cách ấy, thường-thường chúng tôi chỉ lấy ngón tay-trỏ và ngón-cái bên mặt hay là bên trái cũng được, bẻo phía trên mí rồi lật mí lên thì được ngay, mà chẳng đụng gì đến lông-đeo và tròng mắt, cách ấy chúng tôi nghĩ tiện nhất.

---

(1) Dùng cán viết chì nhỏ hay là cái tăm đồng (stylet) cũng được.

XXIX. — RỬA LỖ TAI

Khi rửa lỗ-tai sắm đồ cũng như khi rửa miệng, nghĩa là một cái ống-thụt thường có ống cao-su và canule bằng thủy-tinh một đầu nhọn, một cái khay giống hột đậu để hứng nước cho vừa ngang cổ ; thuốc (1) thì hầm-hầm vì nóng quá thì đau mà lạnh quá thì lại chóng mặt.

Khi rửa, người bệnh phải ngồi, tay cầm cái khay hứng nước, trên vai choàn cái khăn kẻo ướt áo, thầy làm thuốc phải đứng một bên, tay trái nắm tai xách lên và ra sau một tý cho thẳng ống-tai để nước vô cho dễ, tay mặt cầm cái canule thụt thuốc vô, thuốc rửa xong chảy ra lại thì có cái khay, người bệnh cầm hứng. Cho có ý ti có ống-thụt cao quá tai cỡ ba tấc tây mà thôi vì cao quá nước vô mạnh chóng mặt và đau lắm. Khi rửa xong thì nói người bệnh nghiêng tai bên phía đau để cho nước chảy ra hết, rồi lấy một tý bông lau ngoài. Rửa như vậy cỡ nửa lít thì sạch mủ, vả lại khi nào có con muỗi, con kiến gì vào tai, rửa cách ấy thì nó cũng theo nước mà ra được. Có lúc rửa xong lại phải nhỏ vài giọt thuốc (2) nữa. Cách nhỏ thuốc vô lỗ-tai thì dễ : người bệnh nằm nghiêng, tai đau trở lên trên, lấy ống-giọt cho vào năm, sáu giọt, nhưng cũng lấy tay trái xách lên và ra sau như nói trên để thuốc vô cho dễ.

---

(1) Thuốc rửa tai thường người ta dùng eau bouillie, eau boriquée hay là eau oxygénée vân vân. . .

(2) Thuốc để giọt trong lỗ-tai, thì thường người ta dùng alcool à 90°, glycérine phéniquée, carbonate de soude glycérine vân vân. . .

KHOẢN THỨ NĂM.

XXX. — CÁCH RỬA ỐNG ĐÁI. (1)

Khi rửa ống-đái thì dùng cái ống-thụt thường cũng được nhưng mà cái canule thì một đầu nhỏ để vô lỗ-đái cho vừa. Khoản nầy là có ý nói rửa ống-đái đàn-ông mà thôi, vì đàn-bà không rửa cách ấy. Đàn-ông khi đau lậu (2) thì ống-đái có mủ và sưng, nếu biết cách rửa thì đỡ sưng và mau sạch bớt mủ. Thuốc (3) để rửa ống-đái mà trị bệnh lậu như vậy thì nên chế hầm-hầm cho vừa chịu được, một lần rửa chế cợ một lít,

Có hai cách rửa, khi thì rửa khúc ngoài cạn ống-đái mà thôi, lúc lại rửa tận trong sâu. Người bệnh trước hết phải đi tiểu-tiện đã để cho sạch bớt mủ ở trong ống-đái, rồi ngồi trên ghế ; cái ống-thụt treo trên tường, cợ ngang đầu người bệnh, thầy làm thuốc rửa tay sạch-sẽ rồi lấy nước (4) rửa phía ngoài ngọc-hành, khi rửa xong, tay trái cầm ngọc-hành người bệnh cho ngay, tay mặt cầm cái canule đút vô lỗ-đái, rồi cho thuốc chảy, chảy vô một ít thì người bệnh ngồi tức phía sau ngọc-hành, khi ất nới cái canule ra, thì thuốc lại chảy ra lại, làm như vậy nhiều lần thì rửa được phía ngoài ống-đái. Cách nói mới đó là chỉ rửa được phía ngoài mà thôi, chớ khi muốn rửa tận phía trong thì phải treo ống-thụt cao quá ngọc-hành cợ một thước năm tây, khi để cái canule vô thì để cho khít lỗ-đái, còn tay trái thì ấn ống-đái vô đầu canule cho khít dừng cho thuốc trở ra, khi thuốc vô

---

(1) Lavage de l'urèthre.

(2) Blennorrhagie, chaude-pisse.

(3) Permanganate de potasse à $\frac{1}{1000}$, protargol à $\frac{1}{200}$, nitrate d'argent à $\frac{1}{1000}$ . . . $\frac{1}{\ldots}$

(4) Sublimé à $\frac{1}{1000}$.

hơi nhiều thì người bệnh kêu tức, lúc ấy mới nói cản ulc để cho nước chảy ra lại, làm như vậy thì thuốc vô xa hơn cách nói trên.

Trong sự rửa ống-đái cốt nhứt là phải cho sạch-sẽ, vì làm không được tinh-sạch thì đem đồ bẩn vào lòng-bóng, sưng đến lòng-bóng thì lại nặng hơn.

XXXI — THÔNG LÒNG-BÓNG. (1)

Có nhiều chứng ngăn-trở không cho người bệnh đi tiểu-tiện được thường, nước tiểu ứ lần-lần trong lòng-bóng thình cứng mà không ra, trong đôi ba ngày như vậy thì người bệnh khó chịu, kêu-van uống thuốc gì cũng khó lòng đi tiểu-tiện được ngày, khi ấy chỉ xỏ ống vô thông nước tiểu mới ra liền được.

Ống (2) để mà thông cho nước tiểu ra như vậy thường bằng cao-su mềm và dài cợ non hai gang, bề to thì có nhiều hạng để dùng người lớn kẻ nhỏ gì cũng được. Khi thông thì người bệnh nằm ngửa, hai chơn co, đặt một cái khay nhỏ dưới ngọc-hành để hứng nước-tiểu. Khi ống đã hấp rồi, tay thầy làm thuốc đã rửa sạch, thì lấy nước (3) rửa đầu ngọc-hành, xong thì tay trái cầm ngọc-hành cho thẳng, ngón-trỏ và ngón-cái thì bét lỗ-đái, tay mặt cầm cái ống cao-su, nhúng tý mỡ (4) cho trơn mà chuồi vô, lúc vô cợ khỏi một tấc tây thì ngừng lại, vậy phải chờ một chặp người bệnh thở dài thì chuồi vô thông, không mắc-dụng gì nữa, đến lòng-bong thì nước-tiểu ra ngay. Trong lúc chảy có khi thình-lình ngừng lại hoặc là mủ trít lỗ ống hoặc là ống khít lòng-bóng quá, khi ấy đẩy vô đẩy ra cái

---

(1) Thông lòng-bóng hay là thông bọc-đái: sondage de la vessie.
(2) Sonde.
(3) Eau sublimée à $\frac{1}{1000}$.
(4) Vaseline stérile : thứ mỡ nầy cũng phải hấp để trừ vi-trùng.

ống cho động-dậy một chút thì nước-tiểu chảy lại như thường ; lúc đã chảy hết thì lấy ngón-tay bịt lỗ ống rồi thong-thả rút ra.

a) THÔNG LÒNG-BÓNG CHO ĐÀN-BÀ. — Thông lòng bóng cho đàn-bà đi tiểu-tiện lại dễ hơn thông cho đàu-ông nhiều, vì ống-đái của đàn-bà ngắn lắm. (1) Dùng cái ống cao-su mà đã nói trên để thông cho đàn-bà cũng được, nhưng mà thường thường người ta năng dùng cái ống bạc dài cỡ mười ba phân tây, một đầu có hơi cong-cong còn một phía thẳng.

Lỗ-đái của đàn-bà ở trên cửa-mình một tý. Khi chỗ ấy đã rửa xong, ống đã hấp sẵn, tay thầy làm thuốc rửa rồi thì lấy hai ngón-tay bên trái bẻ hai khóe ra cho thấy lỗ-đái tay mặt chuồi ống (2) vô, bề cong thì ở lên trên, vô đến lòng-bóng thì nước-tiểu chảy ra, khi rút ống thì cũng như cách nói trên về khoản thông cho đàn-ông.

Người đàn-bà có mang thì có khi thông khó hơn vì cấng, lúc như vậy dùng ống cao-su mềm thì dễ thông và tiện hơn.

Theo lối xưa khi thông cho đàn-bà đi tiểu-tiện thì cứ trùm vải hoặc mền trên người, thầy-thuốc xỏ tay dưới mà làm, kẻo người đàn-bà thẹn; làm kiểu ấy nhiều khi tìm lỗ-đái lâu-lắc ngó chướng quá, vả lại không thể sạch-sẽ được, cho nên làm trong buồng kín không có ai và bày cửa-mình ra để rửa-ráy cho sạch thì chắc hẳn tốt hơn.

b) CÁCH BUỘC ỐNG-THÔNG CHO KHỎI SÚT. — Có chứng nặng bí tiểu-tiện hoặc vì bệnh mỡ gì mà để nước-tiểu trong lòng-bóng nhiều thì bất tiện, khi ấy phải buộc

(1) Ống-đái của đàn-bà ngắn cỡ ba phân tây, chứ ống-đái của đàn-ông dài đâu một tấc rưởi tây.

(2) đầu ống sùng bôi một tý vaseline stérile cho trơn như cách đã nói về khoản thông cho đàn-ông.

cái ống-thông lại đó, không rút ra, vậy thì nước-tiểu trên thận xuống lòng-bóng thì lần-lần chảy trong ống mà ra ngoài. Khi nào muốn để ống luôn ở trong ống-đái như vậy thì người ta thường dùng ống cao-su mềm, chuôi vô cỡ non một gang (1) cho nước-tiểu chảy, thông khúc ngoài vô trong một cái lọ thủy-tinh để chứa nước-tiểu, lấy giây cột ống rồi để mũi qua phía trong hai bắp-bả mà dán (2) lại hay là mũi giây ấy cột trên băng cũng được. (3)

XXXII. — THOA. (4)

Sự thoa là thường năng dùng lắm, xứ nào cũng biết thoa là có ích. Mới bổ-té sưng chơn, đau tay, thoa cũng dỡ; khi gãy chơn, tay, bó cỡ ba bốn tuần cho liền xương, rồi sau lại cũng phải thoa để cho thịt và mấy đầu-xương động-dậy như cũ ; lúc trật đầu-xương mà đã sửa lại như cũ rồi, cũng nên thoa cho chuyền gân cốt và cho đừng cứng đầu-xương lại mà thành tật.

Trong sự thoa có bốn thức :

1°) THOA NHẸ-NHẸ (5). — Phải để bàn-tay trên da người bệnh mà thoa nhẹ-nhẹ từ ngón-chơn lên đùi-gối, như đau ở chơn, từ ngón-tay lên cùi-tay như đau ở tay, nghĩa là khi nào cũng thoa dưới mà lên chớ không nên thoa ngược lại, phải thoa hết sức dịu-dàng không được làm cho đến người bệnh kêu đau.

2°) THOA MẠNH HƠN. (6) — Khi ấy phải ấn hai ngón-cái xuống da, thịt người bệnh cho mạnh hơn cách đã nói ở trên, làm như vậy cốt để cho chuyền gân ở các đầu-xương.

---

(1) Đó là nói về phần đàn-ông, chớ đàn-bà thì chuôi vô cỡ ba bốn phân tây là đủ.

(2) Lấy collodion và một tý bông mà dán.

(3) Khi mổ lòng-bóng thì cỡ băng buộc ngang bụng dưới.

(4) Massage.

(5) Effleurage.

(6) Friction.

3°) BÓP. (1) — Nhứt là để bóp thịt cho chuyền, cho cứng. Vì-dụ như người bệnh bổ gãy xương bắp-bả bị bó lại đã bốn tuần, trong lúc bó thịt ở bắp-bả không động-đậy đã đành, mà thịt ở bắp-chơn cũng không chuyền-động được, thành cũng mềm, cũng nhỏ lại; vậy khi xương gãy đã liền thì phải thoa ở bắp-bả, thoa cách nhẹ-nhẹ kẻo đau xương, nhưng cũng phải bóp thịt ở bắp-chơn cho chuyền-động để mau cứng lại như thường. Cách bóp cũng như nhồi bột vậy, cứ lấy đầu mấy ngón-tay mà làm.

4°) ĐẤM. (2) — Cách đấm cũng có dùng, thức làm cũng như ta vậy, làm như cách đánh trống, nhưng sòe tay ra mà đánh về phía trong thì hơn. Đấm như vậy chuyền tận dưới xa, nên người mình đau lưng mà đấm lưng, ý cũng có nghĩa, vì chuyền tận đến hai quả-thận.

Trong lúc đấm như vậy thì không cần gì dầu,mỡ, chớ khi thoa thì phải có tỷ mỡ hoặc là thứ dầu gì để trơn cho dễ thoa. Còn người bệnh như đau tay thì phải ngồi trên ghế, như đau chơn thì nằm, nghĩa là thế nào khi thoa cũng phải để tay chơn tự-nhiên, cho mềm-mại chớ đừng cố ý gồng cứng lại. Người thoa thì đứng, ngồi bên mặt hay là bên trái tùy lúc, nhưng nên lựa chỗ nào đứng cho khỏi mỏi vì một lần thoa vậy phải mươi lăm phút đồng-hồ.

XXXIII.— TRỒNG ĐẬU. (3)

Mai sau nầy, những chứng bệnh, phần nhiều, có thể phòng trước thì khỏi mắc; hiện bây giờ như bệnh đậu-mùa, (4) bệnh thương-hàn-nhập-lý, (5) dịch-hạch, (6) vân vân... đều là có thể ngăn-ngừa trước được cả.

---

(1) Pétrissage.
(2) Tapotement.
(3) Vaccination: có chỗ lại gọi là trồng, trái
(4) La variole.
(5) La fièvre typhoïde.
(6) La peste.

Nhưng ở đây chúng tôi có ý nói cách trồng đậu để cho khỏi mắc bệnh đậu-mùa mà thôi, vì mình ai ai cũng tin cách ấy cả, vả lại năm nào thầy y-sự cũng tiếp lệnh quan-trên đi trồng đậu khắp các làng, nên tưởng nói cho biết cách làm cũng hay.

Ở Sài-gòn và Hà-nội có chỗ làm giống đậu như cách sau nầy: người ta trồng đậu cho trâu bò, đến khi mụn đậu nổi lên (1) thì lấy mủ đậu ấy trộn với glycérine rồi bỏ vào ống, ống thì to trồng được nhiều người, ống lại nhỏ, trồng ít. Cách bỏ vào ống thì cần phải có đồ-đoàn riêng mới làm sạch-sẽ được, nhưng đó là nói đại-khái cho biết vậy mà thôi. Những ống ấy khi người ta gởi cho các nhà-thương thì bao-bọc (2) tử-tế hay là để trong thùng riêng mà gởi vì nắng quá đậu không kiến-hiệu nữa; đậu ấy nên dùng một, đôi tháng đầu thì tốt chớ để lâu quá thì hư. Có thứ đậu khô để được một năm, khi dùng thì phải trộn với nước; (3) còn đậu thường thì lúc dùng chỉ bẻ hai đầu ống, trút ra nơi miếng gương hay là nơi khu chén sạch cũng được.

Cách trồng đậu cũng dễ, thấy trồng vài lần thì biết, đồ-dùng thì chỉ một cái kim (4) hình giáng như ngòi viết tây; khi trồng thì phải cho có sẵn nhiều kim ấy, tùy số người muốn trồng, như trồng các làng thì nên đem cho được vài chục để thay đổi mà lược, phải cho có một cây-đèn và cái xanh nhỏ để lược và một tỷ bông mà lau; trước khi trồng thì hơ miếng gương để nguội rồi đổ đậu trên ấy; người ta đến trồng thì bảo cởi tay, đứng hai hàng, trồng người nầy

---

(1) Cơ ngày thứ tư nghĩa là bốn ngày sau khi trồng thì đậu mọc nhưng qua ngày thứ sáu người ta mới lấy mủ,

(2) Thường người ta chuối-ống đậu trong bẹ-chuối mà gởi cho mát, kẻo nóng quá đậu hư.

(3) Trộn 10 centigrammes đậu khô với 20 giọt nước.

(4) Vaccinostyle.

xong rồi người khác, đừng cho chen-lộn nhau mà chủi hết cả dậu ; trước khi trồng thì lấy miếng bông nhúng rượu lau qua trên tay, chờ cho khô rồi lấy kim nhúng dậu, khứa ba cái trên bắp-tay mà phía ngoài, mỗi khứa cách nhau cợ hai lóng tay, như người nhỏ thì gần hơn cũng được, nhưng khứa ấy phải làm thế nào cho vừa tươm máu ra mà thôi, không nên sâu lắm, máu ra nhiều, dậu chảy hết, mà cũng đừng cạn quá, dậu không thấm được ; mỗi khứa phải có một tỷ dậu để trên ; khi trồng đông quá một đôi nghìn người, như không có thể rửa chỗ trồng được, vì như rửa thì lâu quá, vậy cũng không hại gì, cốt là nên lựa ở bắp-tay hay là bắp-bả (1) chỗ nào không lở ghẻ thì trồng ở đó và sau khi trồng phải chờ cợ năm phút cho thuốc ngấm rồi hãy mặc áo ; khi trồng cho người nầy xong thì phải thay kim khác mà trồng cho kẻ khác, lúc đã dùng mươi cái kim thì bỏ vô xanh lược một lần, để nguội rồi dùng, vì kim nóng mà lấy dậu thì dậu hư không hiệu-nghiệm nữa.

Khi dậu mọc thì ngày thứ ba hơi hồng-hồng xung-quanh chỗ khứa, ngày thứ tư thì nổi đỏ, ngày thứ năm hay là thứ sáu thì mụn đã to, ở đữa hơi sủng, qua ngày thứ bảy thì mụn đỏ, chín, có mủ, và nhiều khi trong mình hầm-nóng, nhức-đầu ; đến ngày thứ mười-một thì khô lần-lần, trong cợ ba tuần thì vảy rụng để sẹo tròn-tròn lại, sẹo ấy không bao giờ phai. Một lần mọc lên được như vậy thì không mắc bệnh dậu-mùa cợ trong tám năm ; vậy thì người nào đã mọc rồi thì tám năm phải trồng lại ; nhưng mà đến khi ở tỉnh nào có chứng dậu-mùa nhiều lắm (2) thì ai nấy ở tỉnh ấy, đều nên trồng lại cả, bất kỳ năm trước hay

---

(1) Ở bên Tây người ta trồng cho con gái ở ngoài bắp-bả chớ ít trồng ở tay, vì theo lối ăn mặc trong lúc nhảy đầm thì bày cả cánh-tay vậy trồng dậu ở bắp-bả tránh được sẹo ở tay thì tốt hơn.

(2) Epidémie de variole.

là năm kia mới trồng hay chưa. Người mình năng tưởng rằng trồng một lần lên là đủ và người lớn thì không mắc bệnh dậu-mùa nữa. Hai đều ấy là sai cả : trồng một lần mọc thì tám năm phải trồng lại, còn người lớn cũng có thể mắc bệnh dậu-mùa như con-nít vậy ; cho nên người lớn trồng dậu mà mọc đã tám năm thì phải trồng lại, còn con-nít trồng mà đã mọc rồi thì cũng chờ tám năm mới trồng lại như người lớn vậy, chớ đã mọc rồi mỗi năm mỗi trồng cũng vô-ích, mà để quá tám năm không trồng thì cũng hại. Con-nít mới đẻ thì nên để cợ hai tháng hãy trồng, tuy vậy mà mới đẻ cợ bảy, tám ngày mà gặp phải thiên-hạ đau bệnh dậu-mùa nhiều thì phải trồng cho nó ngay, không nên chờ, chỉ trừ khi đứa nhỏ ốm-yếu quá hoặc có đau bệnh gì trở ngại. Nói tóm lại thì con-nít ăn khẩm-tháng xong-xả, thì nên liệu mà trồng dậu cho nó, chớ nên để trễ ; trong lúc dậu mọc tắm rửa cho nó cũng được, không ngại gì việc đó, như cho dậu mọc ngứa lắm, sợ phải lở ra, thì nên rắc một tý bột (1) cho bớt, như lở thì nên băng và năng rửa cho mau lành.

NHỮNG CHỨNG CÓ THỂ XẢY RA SAU KHI TRỒNG DẬU. — Sự trồng dậu là một việc rất hiền, song một đôi khi cũng có đều bất tiện xảy ra ; tuy những đều ấy không hại gì lắm, nhưng cũng nên biết, kẻo khi thấy lại lấy làm lạ.

a) LÂY BỆNH DƯƠNG-MAI. (2) — Đều ấy là trọng nhất : đời xưa người ta lấy mủ dậu của người lên dậu-mùa mà dùng để trồng cho người khác, như vậy thì có thể lây bệnh dương-mai người nầy qua người khác ; hiện bây giờ cách lây ấy không có nữa, vì người ta chỉ dùng dậu trồng cho trâu bò mà trồng lại cho người, chớ không làm như lối xưa.

(1) Poudre de talc.
(2) La syphilis.

Còn khi trồng đậu mà dùng cái kim mới trồng cho người đau bệnh dương-mai rồi trồng cho người khác thì cũng có thể đem bệnh dương-mai của người trước qua cho người sau ; nhưng sau khi trồng đậu cho một người mà luộc kim lại liền thì không thể truyền bệnh như vậy được.

b) LỞ (1) VÀ SƯNG THỐI (2). — Có khi trồng xong, bảy, tám ngày sau thì chỗ trồng lở ra to quá, hoặc là làm mủ sâu, sưng to tay lên, vân vân.... Những chứng ấy thì cũng chữa như những mụn thường vậy ; song nếu trồng với đậu tươi-tốt và kim hâp rồi sạch sẽ, thì không thể xẩy ra những chứng ấy được.

Sau nầy cũng nên biết rằng có khi đậu mọc không được tốt (3) trồng hôm nay thì ngày mai đã mọc, nhưng mà mọc mụt nhỏ quá, ngứa lắm và mau tróc vảy. Vả lại cũng có khi đậu mọc ở chỗ trồng và chỗ khác nữa, chơn, tay, cùng mình ; (4) có khi lại trong mình mọc mụt đỏ rần hay là mụt tím-tím (5) những chứng ấy là vô hại, vì lần-lần nó lắng bớt.

XXXIV. — CÁCH LẤY MÁU, ĐỜM, PHẨN, VÂN VÂN... ĐỂ XEM KÍNH HIỂN-VI

Các nhà-thương lớn đều có một nhà riêng để chuyên về việc xem vi-trùng. Có bệnh thầy thuốc khám rồi mà dương nghi-ngờ không chắc là bệnh gì, khi ấy phải cần xem trong huyết hay là trong đờm, trong phẩn, vân-vân.... thử có vi-trùng gì không mà sanh ra chứng bệnh, vì phẩn nhiều thì mỗi bệnh có mỗi vi-trùng riêng, như bệnh tả thì có vi-trùng bệnh tả, bệnh kiết-lỵ thì có vi-trùng kiết-lỵ, mỗi giống khác nhau, không thể làm được. Coi như vậy thì biết rằng xem vi-trùng là một việc rất hệ-trọng, vì người xem có thể giúp-đỡ cho thầy-thuốc mà tìm kiếm rõ ràng gốc tích nhiều bệnh khó-khăn. Việc ấy cần phải học tập riêng đôi, ba năm mới rành rõi được, bởi vậy cho nên mấy sở xem

(1) La vaccine ulcéreuse.
(2) Le phlegmon.
(3) La fausse-vaccine.
(4) La vaccine généralisée.
(5) Les éruptions vaccinales.

vi-trùng (1) cần phải có một thầy-thuốc chuyên và coi riêng việc ấy; ở các nhà-thương An-nam ta có vài thầy y-sự chuyên nghề ấy mà cũng đã thạo và có ích.

Ở đây chúng tôi chỉ nói cách lấy máu, đờm, vân vân... để đem đến chỗ xem vi-trùng ở trong các nhà-thương mà thôi.

Khi lấy những đồ ấy, máu hoặc là đờm, cần phải cẩn-thận lắm vì lộn miếng gương của người bệnh nầy qua cho người bệnh khác, thì sau có thể hại cho người bệnh lắm, vì dáng bệnh người nầy lại trị cho người kia; nên thầy y-sự làm việc ấy cần phải biết cách và phải cho có ý hết sức.

a) CÁCH LẤY MÁU: ở xứ ta bệnh thương-hàn (2) nhiều lắm, tỉnh nào cũng có, nên phàm người bệnh vô nhà-thương mà mạch lên cao (3) thì người ta năng nghi là bệnh ấy, vậy muốn biết thử quả bệnh không thì lấy một giọt máu người bệnh mà nhuộm để xem kính hiển-vi thử có vi-trùng bệnh ấy (4) không, như có thì chắc rằng có bệnh ấy mà như không thì phải khám đi lại đôi, ba lần. Muốn lấy huyết để xem vi-trùng bệnh ấy thì phải làm cách như sau này: lau một ngón tay người bệnh, lấy cái kim hơ rồi chích một tỷ đầu ngón cho vừa ra một giọt máu, lau miếng gương (5) cho sạch rồi để nhẹ-nhẹ vô giọt máu, giọt máu qua miếng gương, lấy một mảnh danh-thiếp hay là giấy gì hơi dày, dựa nghiêng-nghiêng cho ăn giọt máu, rồi kéo dài ra cho tới đường mút miếng gương; giọt máu khi để vô gương thì để hở đầu gương cợ một phân tây, còn khi kéo dài ra cũng đừng tới

---

(1) Laboratoire.

(2) Fièvre paludéenne, paludisme. Ở Bắc-kỳ gọi là bệnh sốt-rét ở Nam-kỳ kêu là nóng-lạnh.

(3) Chừng 38° trở lên.

(4) Hématozoaire de Laveran.

(5) Có thứ gương làm sẵn để dùng việc ấy.

tột mút gương, trên và dưới cùng chừa hở một tý, nghĩa là khi dem giọt máu từ dầu miếng gương cho đến mút gương thì phải làm sao đừng cho máu tràng ra ngoài mà cũng đừng cho trết cục lại trên gương ; khi trải giọt máu ra thì nên làm như cách dọn sóng và đừng cho máu dày quá, mà cũng đừng lợt quá; làm xong thì hoa-hoa cho khô miếng gương và lấy cái giẳng dán dầu gương, để phòng người bệnh nằm và sô giường cho khỏi lộn, rồi dem lên nhà xem vi-trùng. Khi dán giẳng ấy thì dán mặt có máu, chớ đừng dán trái bề không có máu. (coi hình số 21).

Fig 21
Cách lấy máu (Etalement du sang).

b) CÁCH LẤY ĐỜM : Trong bệnh ho-lao, (1) sưng-phổi (2) vân-vân . . . thường người ta lấy đờm nhuộm mà xem kính hiển-vi cho biết thử có vi-trùng những bệnh ấy không.

Các nhà-thương lớn thì có những chén nhỏ hay là ống nhỏ hấp sẵn, khi người bệnh ho nhổ vào thì người ta dem đến nhà xem vi-trùng liền. Có sở khám vi-trùng lại hấp sẵn ống nhỏ mà dưới nắp có hai lớp giấy, ngoài bao một lớp giấy nữa, khi nào cần khám đờm một người bệnh thì thầy y-sự lên lấy ống nhỏ đã hấp sẵn như vậy, dở bao giấy ngoài

(1) Tuberculose pulmonaire.
(2) Pneumonie, broncho-pneumonie.

và nắp, dở tờ trong nữa và tờ giấy thấm để kề đó, cho người bệnh nhổ vô, đậy lại rồi đem lên nhà coi vi-trùng để khám. Một lần khám vậy lấy đờm cợ bằng hột bắp là đủ, tuy bằng chừng ấy chớ khi nhuộm để xem kính hiển-vi thì cợ bằng hột lúa là đủ, như trong đờm ấy mà có lộn huyết thì cũng cứ đem mà khám, nghĩa là khi khám vi-trùng thì cốt là lấy đờm, mà như đờm có lộn một đôi tỷ máu cũng được, chơ lấy nước-miếng không, thì khó tìm cho ra được vi-trùng những bệnh đã nói trên.

c) CÁCH LẤY PHẦN : Những bệnh sán-địa, (1) sán-kim (2) bạch-thốn-trùng, (3) là người an-nam mình năng có lắm, mười người thì sáu, bảy người có, không có thứ nầy thì thứ khác, hay là một người có đôi ba thứ ; như muốn biết người bệnh có thứ sán (4) nào, thì lấy phần khám kính hiển-vi để tìm trứng, mỗi thứ sán thì có một thứ trứng hình-giáng khác nhau. Có nhiều bệnh nữa cũng cần phải khám phần nhất-là bệnh kiết-lỵ (5). . . khi lấy phần để khám như vậy thì bảo người bệnh đi đồng trong chậu rồi lấy cái que gắp một tỷ bằng nửa lóng-tay bỏ vào hộp giêm không hay là ống thủy-tinh đậy lại rồi đem cho người ta xem, có chỗ nào phần lộn với mũi máu thì lấy mà khám cũng hay. Khi lấy phần để khám vi-trùng bệnh-tả thì khác nhiều, vì phải ấy phải gởi đi tỉnh lớn có sở xem vi-trùng riêng mới khám được, vậy thì cũng ít gặp khi ấy, vả lại khi nào phải gởi phần đi xa mà khám vi-trùng bệnh-tả thì thường-thường thầy-thuốc phải làm việc ấy.

d) CÁCH LẤY NƯỚC-TIỂU : Lấy nước-tiểu thường có hai cách ; mỗi cách thì để khám những chất lạ thường

---

(1) (2) (3) xem trương mục XXXVIII

(4) Ở Trung-kỳ khi nào dùng tiếng sán là để nói chung, như là người Tây dùng tiếng vers intestinaux vậy.

(5) Xem mục XXXVIII

nước-tiểu không có, mà khi đau mới có, (1) và một cách thì để khám vi-trùng, mủ, vân-vân ở trong nước-tiểu,

Theo cách đầu thì nước-tiểu phải đựng trong chai sạch mà đem đến kho-thuốc, một lần khám như vậy thì đem cợ một chén trà lớn thì đủ dùng thong-thả không cần gì đem nhiều quá vô ích.

Còn cách thứ hai nghĩa là để khám vi-trùng thì nước-tiểu cần phải lấy một cách rất cẩn-thận; trước khi đi-tiểu phải rửa đầu ngọc-hành người bệnh cho sạch, rồi dơ cái ly to đã hấp sẵn có giấy đậy, dở giấy lên, cho người bệnh đi tiểu-tiện vào ly rồi đậy lại, và đem ngay lên nhà xem vi-trùng.

Còn như lấy nước-tiểu người đàn-bà thì khó hơn vì đi tiểu trong ly khó-lòng và có thể nước-tiểu chảy xuống cửa-mình và lỗ đít thì bẩn cả; vậy nên rửa sạch phía ngoài lỗ-đái, rồi rửa tay, lấy ống cao-su mềm và hấp rồi mà thông cho đi-tiểu, khi nước-tiểu chảy ra ngoài ống thì có thể hứng vô ly sạch để khám, như vậy thì người ta khám vi-trùng trong nước-tiểu mà thôi. Làm cách tinh-tấn như vậy thì khi lấy nước-tiểu chỉ lấy theo những vi-trùng mà nó có thể ở trong nước-tiểu người bệnh mà thôi, chớ không có lấy theo những vi-trùng ở ngoài cửa-mình hoặc là nơi lỗ-đít người đàn-bà, thì khám khỏi lầm-lỗi.

Bấy nhiêu lời nói qua cách lấy máu, đờm, phẩn và nước-tiểu để xem một, đôi thứ vi-trùng thường mà thôi, chớ còn nhiều cách lấy máu để khám việc khác mà cũng còn cách lấy đờm khám bệnh khác vân-vân, mà chúng tôi tránh không muốn nói ; vả lại còn cách lấy vảy, mủ, mũi ... mà chúng tôi cũng làm thinh, vì những việc ấy một là thầy-thuốc làm, hai là thầy y-sự đã chuyên nghề ấy làm mới tiện được.

---

(1) Như là : albumine, sucre, vân-vân. ... Việc khám nầy về phần Bào-chế làm, nên nước-tiểu phải đem lên kho-thuốc.

XXXV. — NHỮNG ĐỒ MỔ-XẺ THƯỜNG DÙNG. (1)

Hiện bây giờ đồ để mà mổ-xẻ thiệt nhiều quá sức, kể không thể nào xiết được, vì ông thầy-thuốc nầy bày ra một thức nầy, anh thợ kia bày ra kiểu kia, nên lắm mẫu lắm thức, cái dao cũng nhiều thứ mà cái cưa cũng nhiều kiểu, vả lại nhiều đồ khúc-mắt khó nói ra tiếng an-nam mà nói thì ít dùng rồi cũng quên, nên chi chúng tôi định vẽ sau nầy những thứ dao, kéo, kềm gì năng dùng thứ nhất mà thôi, trên thì vẽ, dưới để chữ lang-sa, lại nói qua cách dùng; coi chữ phía dưới, ngó quặt lên lại đã thấy hình, dễ hiểu mà cũng dễ nhớ nữa. (Coi hình số 22.)

2

3

4

5

Fig. 22 A

(1) Principaux instruments de chirurgie.
2. Bistouri. (dao để mổ).
3. Pince à pansement (nhíp thường dùng khi buộc băng).
4. Pince à dents de souris (nhíp răng-chuột để cặp cho kỹ).
5. Ciseaux (kéo).

Fig. 22 B

1. Sonde cannelée (lăm đồng có xối để luồn dưới da mà cắt)
2. Pince de Kocher (kềm kiểu ông Kocher bày ra để kẹp mạch máu
3. Pince hémostatique (kềm để cặp mạch máu)
4. Pince pour fixer les compresses (kềm để kẹp vải)
5. Écarteur de Farabeuf (cái để mở rộng thịt ra trong lúc mổ, kiểu ông Farabeuf)

Fig. 22 C

1. Aiguille de Reverdin (kim may kiểu ông Reverdin)
2. Aiguille d'Emmet (kim may kiểu ông Emmet).
3. Ecarteur de Gosset (cái để mở rộng bụng ra, trong lúc mổ ở ruột, theo kiểu ông Gosset)
4. Spéculum (mỏ vịt để mở cửa-mình).

Fig. 22 D

1. Pince longue (kềm dài để làm thuốc trong tử-cung)

2. Hystéromètre (cái để đo tử-cung)

3. Pince de Museux (kềm mâu kiểu ông Museux để cặp tử-cung)

4. Sonde métallique pour femmes (ống để thông cho đàn-bà đái)

Khi nào khám trong cửa-mình thì năng dùng

XXXVI. —CÁCH ĐỠ ĐẺ.

Những thầy nào hay là chị nào làm ở nhà-thương muốn học cho biết cách đỡ đẻ cho người ta thì nên xem cuốn sách đẻ của ông Le Roy des Barres hay là của ông Ung-Thông làm ra cũng được; hai cuốn sách ấy một bên chữ tây, một bên chữ quốc-ngữ xem dễ hiểu và hay lắm.

KHOẢN THỨ SÁU.

XXXVII. — THUỐC THƯỜNG DÙNG.

Thuốc thường dùng chúng tôi chia ra làm ba thứ cho dễ nhớ:

1°) Một thứ thuốc để uống trong.

2°) Một thứ thuốc để xứt ngoài da.

3°) Một thứ thuốc tẩy-uế để giết vi-trùng trong phân, đờm... của người bệnh.

1°. — Thuốc uống trong.

Những thứ thuốc thường dùng để uống trong, chúng tôi kê ra trong bảng sau này. Bảng ấy chia làm bốn khoản, một khoản để vị-thuốc, (1) một khoản để phân lượng nên uống một lần bao nhiêu, một khoản để phân lượng tột-bậc cho trong một ngày và một đêm, và một khoản sau hết nói về tính thuốc, thứ nầy uống làm gì, thứ kia uống ích gì.

Nên biết rằng thuốc uống ít cũng nhiều khi kiến-hiệu như uống nhiều, cho nên không được cho nhiều có khi hại lắm

Phân lượng để trong nầy để uống trong một ngày và một đêm là tột bậc, không bao giờ được cho đến đó. Ví-dụ như thuốc chloral sau nầy để rằng trong 24 giờ là có thể uống được 12 grammes; tuy vậy mà không nên dùng nhiều đến thế, chỉ cho cợ 8 grammes trong 24 giờ là đủ rồi; còn như thuốc santonine trong nầy để rằng trong 24 giờ có thể uống được 0gr30 tuy vậy mà uống 0gr25 là nhiều rồi, thường cho uống 0gr20 cũng đủ vân-vân....

---

(1) Thứ thuốc nào tiêm được cũng có ghi một bên.

Phân lượng thuốc để trong bảng nầy là để cho NGƯỜI LỚN MÀ THÔI ; chớ còn phần con-nít thì sẽ nói sau.

Thuốc nói trong bảng nầy và tính thuốc là cũng nói đại khái cách thường dùng mà thôi, chớ kể cho hết không thể xiết được, vì một thứ thuốc có thể dùng nhiều cách, chữa nhiều bệnh, và một vị thuốc cũng có nhiều tính-chất.

THUỐC	Phân lượng thường cho uống một lần được	Không được quá phân lượng nầy trong 24 giờ	DƯỢC TÍNH.
Acétate d'ammoniaque.	5 gr.	10 gr.	Uống cho mau mạnh ; trợ quả-tim trong lúc người say rượu quá.
Acide arsénieux,	cinq milligr.	Quinze milligr.	Thuốc bổ.
Acide lactique. . .	2 gr.	20 gr	Trị thinh bụng và đi rửa nhiều.
Aconit (teintured,)	vingt gouttes.	Quatre-vingts gouttes.	Trị ho.
Antipyrine.	0gr 50	4 gr.	Trị đau đầu, chóng mặt nhứt xương vận-vân. . .
Antimoine) oxyde blanc d')	1 gr.	4 gr.	Lợi đàm, khi ho mà khó khạc thì uống.
Apiol	0gr 20	0gr 50	Thuốc đều-kinh ; uống luôn tám ngày trước kỳ thường có kinh-nguyệt.
Arrhénal.	0gr 10	0gr .	uốc bổ.
Aspirine.	1 gr.	4 gr.	Trị đau đầu, đau các đầu xương, đau lưng, vân-vân. .

THUỐC	Phân lượng thường cho uống một lần được	Không được quá phân lượng nầy trong 24 giờ,	DƯỢC TÍNH
Badiane (teinture de).....	3 gr.	15 gr.	Uống cho dễ tiêu, khỏi thinh bụng.
Belladone (teinture de).....	Trente gouttes.	soixante gouttes	Trị ho, suyễn, tức ngực; làm cho bớt mồ-hôi ban đêm trong bệnh ho-lao.
Benzoate de soude.....	1 gr.	5 gr.	Chữa chứng ho hay là đau thận.
Benzonaphtol...	1 gr.	5 gr.	Để trừ vi-trùng trong ruột, cho nên năng cho trong bệnh thương-hàn-nhập-lý.
Bismuth (salicylate de).....	1 gr.	8 gr.	Trị chứng đi rửa nhiều.
Bismuth (sous nitrate de).....	5 gr.	20 gr.	Dùng để cho hút bớt nước chua trong gia-dây khi nước chua ra nhiều quá. Có khi dùng để cho lấp mụt nhỏ trong gia-dây, mụt ấy lấp có thể thành sẹo được.
Boldo (teinture de.....	1 gr	3 gr.	Thuốc tiêu. Người đau gang uống cũng hay.
Bromoforme....	Dix gouttes	Trente gouttes	Trừ ho thường hoặc là vì bệnh cúm mà ho, vân-vân..
Bromure de potassium.....	2 gr.	10gr.	Thuốc dưỡng não và gân chữa bệnh điên-cuồn, kinh-phong, những chứng dực chơn tay không ngủ được và lăng-lóc khó chịu.
Bromure de sodium	2 gr.	10gr.	Chứng đánh trống ngực hay là bệnh tráng dương thái quá ban đêm uống thuốc ấy cũng được. Chất tính cũng như thuốc trên.

Thuốc.	Phân lượng thường cho uống một lần được.	Không được quá phân lượng nầy trong 24 giờ.	Dược tính.
Cacodylate de soude (injection hypodermique) . . .	0gr10	0gr20	Thuốc bổ.
Caféine (injection hypodermique). .	0gr25	1gr50	Trợ tim, thông tiểu-tiện.
Calcium (chlorure de)	1 gr.	5 gr.	Ho ra máu, khạc ra máu hay là chảy máu cam, uống thuốc ấy vô thì cầm lại được
Calomel	0gr60	1 gr.	Uống để tẩy.
— do —	0gr02		Uống một lần 0gr02 mà một ngày uống mười lần cách nhau cỡ 15 phút để trừ chứng thình bụng trong bệnh ly, thương-hàn nhập-lý, vân-vân. . .
— do —	0gr30		Trừ sán-đũa, khi ấy phải trộn với santonine. khi nào uống thuốc calomel thì không nên ăn đồ mặn, và không nên dùng thuốc ấy cho người bệnh phù mặt, chơn, tay, vân vân.
Cannelle (teinture de).	2 gr.	6 gr.	Thuốc uống cho mau lại sức.
Chloral hydraté. .	4 gr.	12gr.	Thuốc ngủ. Bệnh phong, chứng co tay co chơn, uống thuốc nầy vô thì bớt vật-vả trong người. Người đau quả tim không nên dùng thuốc nầy.
Chloroforme. . . .	0gr50	3 gr.	Chữa chứng đau bụng.
(Eau Chloroformée)	20 gr.	100gr.	—do— Thuốc chloroforme thường năng dùng để cho người ngủ mê mà mổ-xẻ cho khỏi đau (xem mục XXIV).

THUỐC	Phân lượng thường cho uống một lần được.	Không được quá phân lượng này trong 24 giờ	DƯỢC TÍNH
Coca (teinture de).	5 gr.	10 gr.	Thuốc bổ.
Cocaïne (chlorhydrate de) . . . . . injection hypodermique solution à $\frac{1}{100}$.	0gr01	0gr10	Chữa chứng đau gạ-dày. Để tiêm cho tê mà mổ-xẻ những mụt nhỏ; dùng 1 à 6 centicubes.
Codéine.	0gr01	0gr05	Thuốc ho.
— do — (sirop de).	25gr.	30 gr.	--d'-- .
Colombo (teinture de).	5 gr.	15 gr.	Thuốc bổ, uống cho mau tiêu.
Copahu.	3 gr.	15 gr.	Thuốc trừ bệnh đau lậu. Thường thuốc nầy người ta năng bỏ sẵn vào capsules để cho dễ uống.
Créosote.	0gr 50	1gr50	Uống thuốc nầy thì bớt ho, bớt khạc đờm. Song uống vô năng đau gạ-dày, nên uống sau khi ăn cơm thì tiện hơn.
Cryogénine	0gr 50	1gr50	Trị chứng nóng, nhứt là trong bệnh ho-lao thường người bệnh năng nóng buổi chiều, cho thuốc ấy thì kiên-hiệu hơn thuốc khác.
Digitale (teinture à $\frac{1}{10}$).	1 gr.	3 gr.	Trợ tim và thông tiểu-tiện,
Émétine. (injection hypodermique). .	0gr04	0gr 06	Trị bệnh kiết-ly.
Ergotine Yvon. (injection hypodermique).	0gr50	2gr 50	Khi nào huyết ở tử-cung ra nhiều quá, tiêm thuốc nầy thì cầm lại được. Trong lúc đàn-bà đau đẻ mà băng huyết thì không nên cho thuốc nầy, chỉ thụt nước nóng cho cầm lại mà thôi. Lúc đẻ xong rồi, con và dau ra đã thiệt sạch hết rồi mà huyết còn ra nhiều thì có thể dùng thuốc nầy được, tuy vậy mà như thụt nước nóng mà cầm được thì thôi.

THUỐC.	Phân lượng thường cho uống một lần được.	Không được quá phân lượng nầy trong 24 giờ	DƯỢC TÍNH
Fer (oxalate de)..	0gr10	0gr40	Thuốc bổ.
Fer (lactate de) .	0gr10	0gr50	--d'--.
Fougère mâle(extrait éthéré de). .	2 à 8 gr.		Trị bạch-thôn-trùng. Thuốc nầy thường người ta năng bỏ sẵn vào capsules cho dễ uống.
Gaïacol	0gr50	1 gr	Năng cho trong bệnh hơ-lao để cho bớt ho và bớt mồ-hôi ban-đêm.
Glycérine. . . .	20 gr.	60gr.	Uống thuốc nầy thì dễ đi đại-tiện. Khi đau tức trong gang uống cũng được.
Glycéro-phosphate de chaux.	0gr50	1gr50	Thuốc bổ.
Glycéro-phosphate de soude. . . .	0gr25	1 gr.	--d'--.
Huile camphrée à $\frac{1}{10}$ (Injection hypodermique).	5 cc	15 cc.	Thuốc trợ tim và làm cho người bệnh mau lại sức khi đau nặng.
Iode (teinture d').	vingt gouttes.	cent gouttes	Để chị ho,
Iodure de potassium.	0gr50	1 gr.	Chữa bệnh hen.
— do —	2 gr.	15 gr.	Chữa bệnh giang-mai.
Laudanum	trente gouttes	cent gouttes	Chữa chứng đau bụng, đi rửa nhiều.
Laurier cerise (eau de).	2 gr.	10 gr.	Trị ho,
Lobélie (teinture de)	1gr	3 gr.	Lợi đàm, khi người bệnh hen mà khó khạc thì nên cho.

THUỐC.	Phân lượng thường cho uống một lần được.	Không được quá phân lượng nầy trong 24 giờ.	DƯỢC TÍNH.
Magnésie calcinée.	0gr50	2 gr.	Khi nào ợa hăn, chua lắm thì uống cho bớt nước chua trong giạ-dầy.
Magnésie calcinée	10 gr	15 gr	Thuốc tẩy; uống bụng đói
Mercure (protoïodure de)	0gr01	0g10	Trị bệnh giang-mai.
Mercure (biiodure de (injection intramusculaire) . .	0gr01	0gr03	Trị bệnh giang-mai và tim-lacóc.
Morphine (sirop de	20 gr	60 gr	Trị ho.
Morphine (chlorhydrate de) (injection hypodermique)	0gr01	0gr04	Tiêm cho ngủ hay là chữa những các chứng đau : đau bụng, đau phía bên gang, đau tức ngực, vân-vân. . Người nào thủng, phủ không nên dùng thuốc ấy.
Noix vomique (teinture de) . . .	Trente gouttes	Cent gouttes.	Thuốc bổ. Trong chứng gi-tinh, đái-ực dùng cũng được.
Opium (extrait d').	0gr05	0gr20	Chữa chứng đau bụng, đi sông.
Opium (teinture d')	1 gr.	3 gr	—do—
Phosphate monocalcique	0gr25	2 gr	Thuốc bổ năng dùng để cho người bệnh ho-lao và những người xương-hóc ốm yếu.
Phosphate bicalcique	0gr25	2 gr	Thuốc nầy cũng dùng như thuốc trên vậy.
Phosphate tricalcique	1 gr.	8 gr	Thuốc nầy cũng dùng như hai thứ thuốc trên vậy
Pyramidon. . . .	0gr50	1gr50	Thuốc trị chứng sốt và đau đầu.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F. IMPRIMÉS

THUỐC	Phân lượng thường cho uống một lần được.	Không được quá phân lượng này trong 24 giờ.	DƯỢC TÍNH
Quinine (injection intramusculaire).	0r50	3 gr.	Trị bệnh sốt rét rất kiên hiệu: Người bệnh nào sốt nặng hoặc là uống không chịu, buồn mửa, vủ tai thì nên tiêm. Đàn bà có thai mà đau bệnh sốt rét thì không nên uống như người thường, phải uống ít lại kẻo sợ sảy hoặc là đẻ non tháng, như đau thường thì nên uống cơ 0gr15 buổi sáng và 0gr15 buổi tối mà thôi.
Quinquina (poudre de).	4 gr.	10 gr.	Thuốc bổ để cho những người đau bệnh sốt rét mới dậy, hoặc là để cho tiếp với thuốc quinine kẻo uống quinine lâu lắm cũng bất tiện.
Quinquina (extrait de).	1 gr.	5 gr.	Chất tính cũng như thuốc trên.
Quinquina (teinture de)	5 gr.	15 gr.	Chất tính thuốc này cũng như hai thứ trên.
Ratanhia (extrait mou de).	1 gr.	5 gr.	Trị chứng đi sông nhiều hoặc là ho ra máu.
Ratanhia (sirop de).	20 gr.	100 gr.	Chất tính cũng như thuốc trên
Rhubarbe.	0gr05	0gr25	Tiêu và bổ, uống trước khi ăn cơm.
-- d· --	0gr30	0gr50	Uống cho nhuận trường, để đi đại tiện.
-- d· --	1 gr.	3 gr.	Uống để tẩy, vậy thì uống buổi sáng bụng đói và kiên ăn buổi sáng ấy.
Ricin (huile de). .	25 gr.	40 gr.	Thuốc tẩy uống buổi sáng bụng đói.

THUỐC	Phân lượng thường cho uống một lần được.	Không được quá phân lượng nầy trong 24 giờ	DƯỢC TÍNH
Salicylate de soude), ...	2 gr.	8 gr.	Chữa chứng đau và sưng những đầu-xương. Đàn-bà có thai không nên uống vì có thể sẩy hoặc đẻ non tháng và người đau thủng, phù cũng không nên dùng thuốc nầy.
Santal (essence de).	2 gr	6 gr.	Chữa bệnh lậu.
Santonine.	0gr10	0gr30.	Trị sán-đũa.
Semen-contra . . .	4 gr.	8 gr.	--d·--
Soude bicarbonate de).	4 gr.	15 gr.	Ích bụng, đau bụng, ăn lâu tiêu, ợa chua . . . đều uống thuốc nầy được cả. Vả lại uống thuốc nầy thì thông tiểu-tiện nên người đau lậu dùng cũng hay.
Soude (sulfate de).	1 gr.	4 gr	Lúc đau kiết-ly, uống liều ít-ít thì bớt đi sống.
-- d· --	25 gr.	40 gr	Uống để cho tẩy.
Spartéine, (injection hypodermique.).	0gr05	0gr15	Trợ tim và làm cho quả-tim đánh mạnh hơn.
Sulfonal	0gr50	2 gr	Thuốc ngủ. Người bệnh đau quả-tim không nên dùng thuốc nầy.
Tanin	0gr50	3 gr	Trị chứng đi sống nhiều.
Térébenthine (essence de)	0gr50	3 gr.	Chữa bệnh ho. Trông chứng đi-tiểu đục hay là có mủ trong nước-tiểu, uống thuốc nầy cũng được. Thường người ta năng bỏ sẵn thuốc nầy vào capsules.

THUỐC	Phân lượng thường cho uống một lần được.	Không được quá phân lượng nầy trong 24 giờ.	DƯỢC TÍNH.
Terpine.	0gr40	0gr50	Thuốc lợi đàm, uống vô thì dễ khạc ra đàm.
- id -	1 gr.	1gr50	Trừ đàm; khi nào ho mà nhiều đàm quá muốn bớt đi thì uống thuốc ấy thì có phân lượng để đó.
Théobromine. . .	1 gr.	3 gr.	Thuốc nầy uống vô thì lợi tiểu-tiện lắm, nên người ta năng dùng để cho những người đau chứng phù; vì thận suy hay là vì đau quả-tim mà phù đều uống được cả.
Thymol.	1gr00	4 gr.	Thuốc trị sán-kim và bạch-thôn-trùng. Uống thuốc nầy phải kiên dầu và rượu.
Trional.	0gr50	1gr50	Thuốc ngủ, uống vô buổi tối mới đỏ đèn, để cho những người không ngủ được.
Véronal	0gr50	1 gr.	Chất tính cũng như thuốc trên.

THUỐC UỐNG DỂ CHO TRẺ-CON — Những phân lượng để trên bảng ấy là để cho người lớn dùng, còn trẻ-con thì phải theo cách như sau nầy mà cho.

Trẻ-con một, hai tuổi : 25 phần uống một phần.
-id - từ hai tuổi đến bốn : 10 -id - .
-id - từ bốn tuổi đến bảy : 5 -id - .
-id - từ bảy tuổi đến mười : 4 -id - .
-id- từ mười tuổi đến mười ba : 2 -id - .
-id - từ mười ba tuổi đến mười sáu:4 phần uống ba.

Nghĩa là ví-dụ như thuốc quinine người lớn uống 1 gr. thì :

Đứa bé lên một, hai tuổi uống	0gr04.
- id - lên hai tuổi đến bốn uống	0gr10.
- id - bốn tuổi đến bảy uống	0gr20.
- id - bảy tuổi đến mười uống	0gr25.
- id - mười tuổi đến mười ba uống	0gr50.
- id - mười ba đến mười sáu uống	0gr75.

Ấy là ví-dụ một vị thuốc quinine để cứ chiếu chứng-chứng theo đó mà liệu để dùng thuốc khác cho trẻ con.

Có nhiều thứ thuốc mạnh quá không nên cho trẻ-con lên một hay là lên hai, ba tuổi uống như là : aconit, bromoforme, cocaïne, codéine, laudanum, morphine, opium sulfonal, trional, véronal . . .

2° THUỐC ĐỂ XỨC NGOÀI DA.

Khoản nầy chỉ nói những thứ thuốc thường dùng để xức mụt hay là chứng gì ở ngoài da hoặc là để rửa mũi, miệng, tai, mắt, vân-vân. . . Cũng có thứ thuốc dùng uống cũng được mà xức mụt ở ngoài da cũng hay ; ví-dụ như thuốc teinture d'iode uống dòi, ba chục giọt với nước thì trị ho, mà bôi ngoài cũng chữa được nhiều chứng. Tùy vậy mà những thứ thuốc kể sau nầy là thường năng dùng ngoài chớ ít dùng để uống.

a) TEINTURE D'IODE. — Vị thuốc nầy người ta năng dùng thứ nhứt. Bôi qua trên da một lớp thì vi-trùng chỗ ấy phải chết ; thuốc ấy có thể thấm tận dưới da, nên chi không cần phải bôi nhiều lớp mà cháy da, khi mới chế (1) nó xong mà dùng thì tốt lắm, vì để lâu bôi thì xót quá và có thể phỏng da. Thuốc ấy để bôi trên da trừ vi-trùng trước khi mổ, ở chỗ da mỏng như là ở đít, cửa-mình thì

(1) Iode một phân và alcool à 95° mười phân (teinture d'iode à $\frac{1}{10}$.

phải dùng thứ loãn hơn (1) kẻo phỏng. Khi có mụt mới sưng hơi, bôi một lớp ở trên thì mụt ấy có thể tản mất được ; lúc nào ho bôi một lớp ở ngực cũng đỡ ; khi đứt tay trầy da, bôi nó cũng mau lành ; bị con gì cắn xức thuốc ấy cũng hay ; chứng hắc-lào, lác đều dùng thuốc ấy được cả.

b) PERMANGANATE DE POTASSE. — Thứ thuốc nầy bằng bột lăm tăm, mùi tím, khi dùng phải chế với nước. (2)

Thuốc nầy thường người ta dùng ba cách, tùy khi chế loãn hay là đặc.

Solution à $\frac{1}{15}$: chỉ dùng để bôi trên mụt mà thôi, rồi lấy vải sưa và bông buộc lại, dùng cách ấy trừ vi-trùng kiến hiệu lắm, để khi bôi mụt, chó, mèo hoặc là rắn, rít cắn.

Solution à $\frac{1}{500}$: dùng để nhúng vải sưa mà buộc những mụt hôi thối. (3)

Solution à $\frac{1}{2000}$: dùng để thụt cửa-mình cho đàn-bà đau bạch-trọc (xem mục XVI) hoặc là thụt trong ống-đái cho đàn-ông để chữa bệnh lậu (xem mục XXX). Cũng có thể dùng thuốc ấy mà rửa tay để trừ vi-trùng, nhưng rửa xong thì tay in như nhuộm nâu, nên phải rửa lại với thuốc bisulfite de soude à $\frac{1}{10}$ mới trắng tay được.

---

(1). — Teinture d'iode dédoublée.

(2) Thuốc xức ngoài mà khi nào chế với nước gọi chung là solution. Như chế 1 phần thuốc với 15 phần nước thì gọi là solution à $\frac{1}{15}$, ví-dụ như : Solution permanganate de potasse à $\frac{1}{15}$

3) Plaie infectée.

c) NITRATE D'ARGENT. — Thứ thuốc nầy từng miếng một trắng trắng, xem qua như đường-phèn, độc lắm, nhưng cũng dùng được nhiều cách.

Solution à $\frac{1}{5}$: để chấm trên mấy mụt tim-la cóc, (1) mụt ghẻ-cóc, (2) vì nó có thể cháy mây mụt ấy và làm cho bằng da lại được ; khi dùng đặt như vậy thì chỉ bôi trên mụt mà thôi, chớ không được bôi ra chỗ không đau mà cháy da.

Solution à $\frac{1}{100}$: để nhỏ vô mắt người nào đỏ mà ghèn nhiều lắm. (3)

Solution à $\frac{1}{1000}$: dùng để mà rửa lòng-bóng hay là rửa ống-đái.

Solution à $\frac{1}{5000}$: để thụt vô đại-trường chữa bệnh kiết-lỵ phụ với thuốc uống trong.

d) SUBLIMÉ. — Thuốc nầy là một thứ thủy-ngân luyện thành như bột trắng, độc lắm. Chế với nước thì khó tan, nên thường khi chế thì người ta năng thêm một tỷ chlorure de sodium hay là acide tartrique cho thuốc ấy dễ tan.

Solution à $\frac{1}{1000}$: dùng để rửa mụt cho người bệnh hoặc là khi nào tay vấy đồ bẩn thì dùng nó mà rửa để trừ vi-trùng cũng tốt. Tuy thuốc ấy giết vi-trùng được, nhưng không nên dùng mà chùi, rửa dao, kéo những đồ mổ-xẻ mà mau hư đồ. Thuốc ấy cũng không có thể dùng để bỏ vào ống nhổ mà giết vi-trùng được, vì nó đông-cục đờm lại và không thấm đờm, nên vi-trùng ở trong đờm không chết.

(1) Plan.
(2) Verrue.
(3) Conjonctivite aiguë.

e) EAU OXYGÉNÉE. — Những mụt gì lỡ mà năng tươm máu ra thì người ta để nguyên thuốc ấy vậy mà buộc chớ không chế thêm với nước, buộc như vậy thì mau cầm máu lại. Còn khi mào muốn buộc những mụt lỡ thối có mủ nhiều,(1) thì chế thêm một phần nước nữa. Khi dùng mà rửa tai, rửa miệng thì phải chế thêm với ba bốn phần nước nữa.

f) ACIDE BORIQUE. — Có hai thứ: một thứ bằng miếng một như đường-phèn-vụn, còn một thứ mỏng và sáng-sáng như vảy cá, không được tốt bằng thứ trên. Thuốc nầy dễ dùng vì không xót mà cũng ít độc.

Solution à $\frac{40}{1000}$: dùng để rửa mắt, mũi, tai, miệng; chứng lở chơn, tay dùng mà buộc với vải-sưa cũng được.

g) ACIDE PICRIQUE. — Thuốc nầy như bột nhưng mà mùi vàng lắm, bỏ vô nước lạnh thì lâu tan mà chế với nước nóng thì dễ tan hơn.

Solution à $\frac{1}{100}$: dùng để buộc trị bỏng da; buộc thuốc ấy thì bớt đau mà chỗ da bị bỏng cũng mau liền.

Solution à $\frac{1}{200}$: dùng để bôi mà trị chứng chơn nức hay là vú lở.

Thuốc nầy vấy tay thì vàng tay, lâu phai lắm, nên trước khi làm thuốc thì phải rửa tay cho sạch, bôi mỡ (2) vô tay rồi hãy lấy vải-sưa nhúng thuốc ấy mà buộc, khi nhúng thuốc ấy xong, nên vắt cho khô rồi hãy buộc, đến khi buộc xong, lấy xà-bong rửa tay thì sạch vì có lớp mỡ bao ngoài tay, nên thuốc không ăn được. Chỗ nào thuốc ăn vàng thì lấy một tỷ borate de soude với nước mà rửa thì mau sạch.

---

(1) Plaie suppurée.
(2) Vaseline stérile.

b) ALCOOL À 90°— 95° Thứ rượu nầy năng dùng lắm để rửa tay trừ vi-trùng trước khi mổ hoặc là trước khi tiêm hay là làm gì mà phải rờ tay vô đồ đã hấp rồi. Sau khi mổ mấy ngày, người ta năng dùng rượu ấy xức trên đường mổ để trừ vi-trùng. Ở tay hay là chơn mà có chỗ nào sưng, nhúng rượu ấy mà buộc thì nhiều khi tan không làm mủ mà như có làm mủ thì cũng không lang to ra chỗ khác; cách dùng cũng dễ chỉ lấy vải-sưa nhúng rượu ấy, vắt cho hơi khô rồi buộc, nhưng phải buộc cho quá chỗ đau một tý và mỗi ngày thay một lần. Nhiều mụt nơi ngón tay, ngón chơn đáng làm mủ mà buộc như vậy cũng tan và lành.

3° THUỐC TẨY-UẾ. (1)

Ở đây có ý nói những thứ thuốc thường không dùng mà trị bệnh, chỉ để bỏ trong nhà-xỷ hoặc là bỏ vào ống-nhổ vân-vân... để giết vi-trùng, kẻo sợ truyền-nhiễm bệnh người nầy qua cho người khác. Thường-thường vi-trùng độc ở đờm, mũi, phẩn... nhiều lắm, nên sự lây bệnh người nầy sang kẻ kia là phần nhiều vì đó. Thuốc tẩy-uế tuy thường không dùng mà trị bệnh, song cũng có ích lắm, nên cần phải biết vài thứ thường để mà dùng.

a) CRÉSYL. — Thứ thuốc tẩy-uế nầy ở các nhà-thương năng dùng lắm, để trừ vi-trùng ở nhà-xỷ hoặc là để chùi buồng người bệnh nằm. Sắc thuốc ấy đen, mùi hôi-hôi, nhưng người nào đã dùng quen thì lại ưa mùi ấy. Khi dùng thì phải chế thêm với nước, chế khi nào thuốc ấy sắc đen đổi ra trắng như sữa-bò thì vừa dùng; cợ 60 grammes trộn với một lít nước thì vừa. Thường-thường người ta dùng thuốc ấy để bỏ vô thùng-xia hoặc là để rửa trong nhà-tiêu cho hết mùi hôi và để trừ vi-trùng. Khi

(1) Les désinfectants.

trong nhà đã rửa sạch rồi, lấy thuốc ấy mà dội trên nền-nhà, khi dội xong, chờ một chặp rồi lấy vải hay là bao-gai mà lau cho khô ; làm như vậy cũng trừ được những thứ vi-trùng độc ở trên nền-nhà. Thuốc ấy người ta cũng có thể dùng để bỏ vào ống-nhổ người bệnh, để giết vi-trùng trong đờm.

b) FORMOL. — Thuốc nước, trong, dễ chế với nước lạnh nhưng mùi cay lắm, để trước mặt thì xót mắt khó chịu. Năng dùng thứ nhất để trừ vi-trùng trong những buồng mà trước có người đau bệnh truyền-nhiễm nằm.

Khi muốn trừ vi-trùng trong một cái buồng như vậy thì phải để giường, chiếu, mền, nệm của người bệnh trước đã dùng trong buồng ấy, lấy một cái nồi đồng bỏ thuốc ấy vào rồi đặt cây-đèn dưới nồi mà đốt, hơi thuốc bay lên thì vi-trùng ở trong buồng đều chết cả.

Dùng thuốc ấy như vậy thì phải chế thêm nước cho loãn hơn ;

(Formol du commerce à $\frac{40}{100}$ . . . . . .10 parties.

(Eau . . . . . 3 — d° —

Cứ 12^{cmc} thuốc chế như vậy thì trừ vi-trùng được một khoản bằng 1^{mc}. Thuốc ấy có thể cháy được, nên nấu thế nào đừng cho ngọn đèn táp lên thuốc ; như vậy thì phải lấy nắp đậy nồi lại, nhưng phía trên nắp phải có một lỗ ở dữa cho hơi thuốc ra. Dùng nồi và nắp đồng thì tiện hơn vì như dùng nồi đất lỡ bể thì có thể cháy buồng. Như nền-nhà mà lót gỗ thì nên đổ một vạt cát dữa nhà rồi để nồi nấu lên trên, phòng như vậy khi rủi nồi cháy thì chẳng can gì đến nền-nhà. Nói cho biết vậy chớ thường-thường có ý một tý thì dễ làm lắm, chẳng bao giờ phải bị hỏa-tai vì việc đó.

Trước khi đốt thì phải lấy giấy mà gián mấy nghẹt-cửa cho kín, khi đốt đèn xong, đi ra, đóng cửa buồng lại cũng phải gián nghẹt cửa ấy lại nữa. Đốt bao giờ hơi thuốc ra hết thì thôi, khi đã xong, chờ vài giờ rồi phải mở cửa cho trống-trải. Đốt như vậy thì vi-trùng chết hết, nhưng mà thứ thuốc ấy không giết được những loài rận, rệp vân vân.... tuy vậy mà người ta nặng dùng là vì đồ để trong buồng xông đó như là mền, nệm đều được tốt như trước chớ không hư-hại gì.

c) SOUFRE.— Thứ thuốc nầy sắc vàng-vàng, mùi hôi khó chịu, thường người ta cũng năng dùng lắm vì trừ được cả vi-trùng và những loài vật thường năng ở trong nhà như là chuộc, muỗi, rệp, rận vân vân...

Khi nào muốn dùng thuốc ấy mà xông buồng thì bỏ thuốc trên một tấm sắt rồi để lên lò (1) đốt cho hơi thuốc bay lên để giết vi-trùng, đốt cợ 70 grammes thuốc (2) thì xông được một thước khối. Hơi thuốc ấy trừ vi-trùng chắc-chắng, nhưng cần phải có hơi nước nữa mới được, nên chi khi xông thuốc như vậy, phải nấu một nồi nước sôi một bên cho hơi nước lên; như đốt cợ 300 grammes thuốc, thì một bên phải nấu cợ 100 grammes nước cho hơi lên. Trước khi xông phải gián mấy nghẹt cửa buồng cho kỹ và khi đã đốt thuốc, đi ra ngoài, đóng cửa lại thì cũng phải gián nghẹt cửa ấy lại nữa. Chờ 24 giờ rồi mở cửa ra cho trống-trải. Cách xông ấy trừ vi-trùng và những loài rận, rệp chết cả, nhưng lại đồ nhiều là vì hơi thuốc làm trắng-bạt những liễng, trướng, màn vân-vân... còn đồ mền, nệm bằng tơ hoặc là lụa vải gì cũng bở và mau rách hơn.

---

(1) Dùng lò đất thường của ta cũng được.
(2) Đổ thêm một ít rượu trên thuốc mà đốt cho dễ cháy.

d) LAIT DE CHAUX. — Chính là vôi-nước, mà người mình vẫn năng dùng để bôi nhà cửa cho trắng và sạch-sẽ ; vôi ấy lại có sự ích-lợi khác là nó giết được vi-trùng mà lại rẻ tiền và ở đâu cũng có bán. Ở nhà-thương năng dùng vôi-nước mà bỏ vào thùng-xia để trừ vi-trùng trong phân người bệnh ; nhưng phân và nước-tiểu của người đau bệnh truyền-nhiễm (1) thì người ta dầm với vôi-nước cho lâu cho vi-trùng chết rồi mới đem chôn sâu ; khi nào phân chặc lắm thì dầm cợ 6 giờ mà còn phân lỏng thì 1 giờ cũng vừa.

Cách hòa thì dễ : lấy vôi-bột (2) bỏ vào thùng rồi đổ lần-lần nước vô, vôi sôi một hồi thì hết, khi đã hết sôi thì gọi là vôi-tắt; (3) chính người ta dùng vôi-tắt ấy mà sú với nước để làm vôi-nước. Như 1 kilo vôi-bột thì sú ra được cợ 10 lít vôi-nước.

KHOẢN THỨ BẢY.

Khoản nầy nói ít chứng bệnh thường ngày vẫn thấy ở xứ ta và cách chữa ; những bệnh ít có hoặc là cách chữa khó-khăn thì chúng tôi tránh không nói. PHÂN-LƯỢNG THUỐC CHO SAU NẦY LÀ ĐỂ CHO NGƯỜI LỚN, CHỚ NGƯỜI NHỎ THÌ XEM LẠI TRƯƠNG 98 MÀ CHO THÌ KHỎI LẦM. Muốn cho dễ coi và dễ nhớ nên chúng tôi chia ra sau nầy bốn chương nói về bốn thứ bệnh :

Bệnh đau trong. (4)
Bệnh đau ngoài. (5)
Bệnh dịch. (6)
Bị thuốc độc và chết trôi.

---

(1) Như là choléra, fièvre typhoïde, dysenterie vân-vân.
(2) Chaux vive.
(3) Chaux éteinte.
(4) Nội chứng : maladies internes.
(5) Ngoại chứng : maladies externes.
(6) Maladies épidémiques.

XXXVIII. -- BỆNH ĐAU TRONG.

1° BỆNH SÁN. -- (1) Ở trong ruột người có nhiều thứ sán lắm, song những thứ sán nầy là người an-nam mình năng có và hại lắm :

a) Sán dũa (2)

b) Sán nhỏ thường ở phía trên tiểu-trường (3).

c) Sán kim. (4)

d) Sán xơ-mít. (5) (xem hình số 23).

a) SÁN ĐŨA. -- Thứ sán nầy dài và tròn như chiếc dũa, nên người ta năng gọi là sán dũa ; một người có thể có một đôi trăm con sán ấy trong ruột, khi có đôi ba con trong ruột thì nó chẳng làm hại mình được, nhưng mà lúc nó đã sinh-sản ra nhiều thì nguy-hiểm lắm, vì nó cắn phía trong ruột sinh ra chứng đau bụng, đi rửa, khi lại buồn mửa, rệa nước-miếng khó chịu, nhưng nguy-hiểm nhất là khi nào vài ba mươi con ở một chỗ trong ruột, trám trít ruột lại, thành bí đại-tiện, đồ-ăn không tiêu-hóa được, và sinh ra nhiều chứng nặng có thể làm cho người bệnh phải chết. Còn trẻ-con thì năng sinh ra nóng dựt tay-chơn và mê-man trong người.

CÁCH CHỮA : Người lớn uống mỗi ngày một gói santonine 0gr20, uống luôn ba ngày, qua ngày thứ tư uống huile de ricin 30 gr, buổi sáng bụng đói, đến tối thì mới ăn cơm được.

Hoặc là uống mỗi ngày một gói :

(Santonine 0gr20
(Calomel 0gr40

---

(1) Helminthiase intestinale.
(2) Ascarides lombricoïdes.
(3) Ankylostomes duodénaux.
(4) Oxyures vermiculaires.
(5) Tœnia.

(Fig. 23)

1 G. tœnia (sán xơ mít hay là bạch thôn trùng)

1 D. œuf de tœnia (trứng sán xơ mít xem trong kính hiển vi thì thấy vậy).

2. G. ascaris (sán đũa hay là giun)

2. D. œuf d'ascaris (trứng sán đũa xem trong kính hiển vi)

3. G. ankylostomes (sán nhỏ thường ở phía trên tiểu trường)

3. D. œuf d'ankylostome (trứng nó xem trong kính hiển vi)

4. G. oxyures (sán kim)

4. D. œuf d'oxyure (trứng sán kim xem trong kính hiển-vi)

Uống luôn ba ngày, có thuốc calomel làm dễ đi-sông, nên ngày thứ tư không cần phải uống thuốc tẩy, nhưng uống thuốc nầy thì kiêng đồ mặn, trong ba ngày uống thì ăn cháo với đường hay là sữa mà thôi.

b) SÁN NHỎ THƯỜNG Ở PHÍA TRÊN TIỂU- TRƯỜNG.

Thứ sán nầy nhỏ lắm và dài cợ một phân tây, ở nơi miệng có bốn cái mấu và hai cái răng để bấu trong ruột. Sán nầy làm hại mình thứ nhất vì chẳng những là nó cắn và làm cho đau bụng mà thôi, mà lại thường-thường nó trúm ra một thứ nước độc làm huyết chóng suy và người mau xanh lắm.

Những người có sán ấy mới mấy tháng đầu thì không biết, vì nó nhỏ quá khi ra lộn với phẩn không có ý thì không thấy được, vả lại mới đầu thì chỉ thỉnh-thoảng đau bụng râm-rỉ vừa-vừa vậy thôi, nên cũng chẳng ngờ có sán mà cũng chẳng muốn uống thuốc-men gì, vì đau một đôi giờ thì vừa hết. Song-le, lần-lần giống sán ấy sinh-sản ra nhiều, làm người bệnh xanh-xao, dày da bụng, khi ấy mới biết rằng đau ; nên khi người bệnh đến nhà-thương thì ngó qua cũng có thể biết được : mặt xanh, da bụng dày, hai chơn hơi thủng, kêu-van đau râm-rỉ trong bụng mà không có chỗ nào thiệt đau ; như lấy phẩn mà khám kính hiển-vi thì thấy trứng giống sán ấy ngay. Người bệnh như vậy mà nếu không chữa thì cợ ít lâu nữa thì thủng đến hai tay và mặt, còn bụng thì có nước, khi ấy thì chịu chết không thể lành được.

CÁCH CHỮA : Uống thymol 3 grammes en 3 cachets một ngày, uống buổi sáng bụng đói, mỗi cachet cách nhau nửa giờ, chiều ăn cháo loãn hay là uống sữa ; uống luôn ba ngày như vậy, qua sáng ngày thứ tư

thì uống sulfate de soude 30 grammes để xổ. Cử dầu, mỡ và rượu.

Hoặc là uống một ngày 6 viên thuốc sau nầy, cũng uống buổi sáng bụng đói, nửa giờ uống 2 viên ; uống luôn hai ngày tiếp, thành cả thảy 12 viên :

Naphtol B 0gr 33
Phénolphtaléine.... 0gr 07
Amidon..... 0gr 08
en 1 comprimé N° 6.

Uống như vậy nhưng mà vài ba tuần phải uống lại, vì uống một lần không đủ giết giống sán ấy hết được.

c) SÁN-KIM. — Giống sán nầy dài cợ 7 ly tây, nhỏ nhất, nên vì vậy mà người ta kêu là sán kim. Trẻ-con năng có giống sán nầy, thường ở khúc dưới đại-trường hay là trong lỗ-đít. Vì nó nhỏ nên có khi nó rúc ra tột cửa-mình hay là gần đái và ngọc-hành. Người nào có sán ấy thì ngứa đít khó chịu hết sức, nhất là khi gần đi ngủ.

CÁCH CHỮA : Phải thụt nước muối mới trừ nó được :

Lavement : Sel ..... 40 grammes.
Eau ..... 200 grammes.

Nhiều khi cho thuốc santonine và calomel cũng tống nó ra được.

d) SÁN XƠ-MÍT. — Ở Trung-kỳ năng dùng tiếng ấy vì khi sán ấy dứt ra thì mỗi khúc giống cái xơ-mít ; nhiều tỉnh lại dùng tiếng chữ là bạch-thốn-trùng.

Con bạch-thốn-trùng lép và dài đến cợ 5 thước tây phía to là đuôi nó, còn phía nhỏ có một cục hơi tròn tròn ấy là đầu nó ; ở nơi đầu, có 4 cái bầu nhỏ lắm để bám vào phía trong ruột người.

Người có bạch-thốn-trùng thường năng rịu nước miếng, buồn mửa, chóng mặt và ngứa lỗ-mũi.

CÁCH CHỮA :

Extrait éthéré de fougère mâle. . .	0gr50
Calomel	0gr05

en une capsule.

Uống 16 capsules như vậy, mười phút uống hai viên uống buổi sáng bụng đói ; khi đi sông phải để đít trong bờ có nước hầm-hầm, để cho con sán khỏi dứt và ra cho trọn.

CÁCH PHÒNG CHO KHỎI MẮT NHỮNG CHỨNG SÁN : Ở xứ ta phần nhiều người có sán, không giống nầy thì giống khác, hoặc là một người mà có đôi ba thứ sán.

Trong số 100 người thì cợ 65 người có sán dũa.

Trong số 100 người thì cợ 60 người có sán nhỏ ở phía trên tiểu-trường.

Trong số 100 người thì cợ 7 người có sán xơ-mít.

Trong số 100 người thì cợ 5 người có sán kim.

Xem như vậy thì người An-nam mình phần nhiều phải bệnh sán, nên muốn tránh cho khỏi những bệnh ấy thì phải ăn thịt và rau cho thiệt chín, khi nào muốn ăn rau sống thì phải rửa cho sạch hết sức.

Những người có sán đi đại-tiện một bên vường rau mưa xuống, phần chảy vô rau, trong phần ấy có trứng sán, nếu người nào ăn phải rau ấy mà không luộc chín hoặc là không rửa cho thiệt kỹ thì ăn luôn cả trứng sán vô trong ruột thì nó nở ra. Thứ nhất là sán dũa ở người nầy qua người kia cách như thế.

Còn sán xơ-mít thì bởi ăn thịt heo hay là thịt bò sống mà sinh ra, bởi vì trong thịt heo, bò nhiều khi có những con sán mới tựa, (1) nhỏ lắm, nếu thịt chưa chín mà mình ăn phải giống ấy thì khi vô trong ruột sinh ra sán xơ-mít.

Còn thứ sán nhỏ, thường ở phía trên tiểu-trường, độc lắm như đã nói ở trên, thì vì ăn rau sống mà lây và cũng nhiều khi vì dầm chơn vào chỗ đất bùn, bởi vì loài sán ấy năng ở chỗ đất bùn bẩn, khi đi chơn không, vào mấy chỗ ấy, nó đeo trên chơn rồi nút lần-lần qua khỏi da và sau vô mạch-máu rồi mới vô ruột; vì hình nó nhỏ nên không thấy rõ, khi đã vô khỏi thì chỗ trước nó cắn đó sưng lên và lỡ hơi một tý mà thôi.

Nói tóm lại, nên uống nước lọc hay là nước đã nấu sôi rồi ăn rau và thịt chín và khi đi chỗ nào đất bùn bẩn thì phải rửa chơn lại cho thiệt sạch, thì tránh được những mấy giống sán đã nói đó.

2° BỆNH SỐT RÉT. — (2) Từ Bắc-kỳ, Trung-kỳ cho đến Nam-kỳ, bệnh nầy rất nhiều và làm hại dân an-nam ta lắm, vì nhiều người phải bệnh ấy mà chết.

Ở Nam kêu là bệnh nóng-lạnh, ở Bắc gọi là sốt-rét, còn Trung-kỳ thì mỗi tỉnh dùng một tiếng riêng như là thương-hàn, bệnh cơn, kẻ-trộm vân-vân . . . có chỗ người ta sợ bệnh ấy cho đến nỗi không dám kêu đến tên, chỉ nói: « bệnh ấy » mà thôi.

Mỗi xứ một tên nhưng cũng là một bệnh mà thôi, một thứ vi-trùng riêng (3) ở trong huyết sinh ra bệnh ấy. Người nầy lây cho người kia là vì muỗi, con muỗi cắn người đau, hút vi-trùng trong huyết người ấy, đến khi cắn người khác thì chuyền vi-trùng ấy qua luôn.

---

(1) Larves de tœnia ou cysticerques.
(2) Xem mục XXXIV.
(3) Xem mục XXXIV.

Có hai thứ muỗi : một thứ không truyền bệnh ấy được, còn một thứ truyền bệnh được. Hai thứ ấy khác nhau lắm, người biết xem thì thấy lông hay là cái vòi nó cũng phân-biệt được ; nhưng người không rành lắm, mà có ý coi khi nó đậu thì cũng phân-biệt được, là vì con muỗi hiền, khi đậu thì thân-mình nằm ngang, còn con độc, khi đậu thì chổng đuôi trên cao. (Xem vẽ số 24 thì rõ).

Fig 24.
A. Culex (thứ muỗi không truyền bệnh sốt rét)
B. Anophèle (thứ muỗi truyền bệnh sốt rét)

Khi nào mắc phải bệnh sốt-rét thì lên cơn như cách sau nầy : người bệnh bồng-chốc nghe trong mình ớn lạnh, hai hàm-xai đánh khớp, run cả người cho đến dồi rụng giường nằm, ngoài da thì nổi lên như da gà, tay chơn đều lạnh cả, đắp hai ba cái mền cũng như không, nhưng khi ấy cặp hàng-thử-biểu thì lên cao 40° hay là 40°5. Rét như vậy

cợ một giờ rưỡi thì qua nóng, dầu nóng vừa-vừa, sau nóng quá khó chịu lắm, tung cả mền-chăng, lất áo lên mà cũng cứ nóng và đau đầu cho đến đỗi có khi nói sảng, khi ấy mạch chạy chóng, thở mau và mệt, cợ một hai giờ thì hết nóng, khi hết nóng thì người bệnh nghe khỏe trong mình, mồ-hôi ra nhiều, cợ ba giờ thì người bệnh lần-lần lại như trước, ngồi dậy và đi đứng được. Nói tóm lại, mỗi khi cơn lên thì trước rét, sau nóng, sau lại ra mồ-hôi. Nhưng đó là nói cách cơn lên thường như vậy, chớ có khi buồn mửa, đau bên hông trái, rét ít sốt nhiều, hay rét nhiều sốt ít không có chừng. Có người bệnh mỗi ngày lên một cơn như cách nói ở trên, (1) có người lại hai ngày mới lên cơn một lần, (2) kẻ lại ba ngày mới có một cơn. (3) Tuy vậy mà có khi cơn lên không chừng, khi thì ngày một, khi lại năm, sáu ngày mới có một cơn.

CÁCH CHỮA : Ngày đầu uống: huile de ricin 30 grs, cho tẩy, uống buổi sáng bụng đói, tối lại mới được ăn cháo. Ngày thứ hai uống : quinine 1 gr en 2 cachets, uống một gói cách xa giờ lên cơn chừng nào thì tốt chừng nấy, còn một gói thì uống năm giờ trước cơn để ngừa cho hết cơn hoặc là cho cơn lên nhẹ. Uống luôn năm ngày thuốc quinine như vậy, rồi nghỉ năm ngày, lại uống lại, sau thì uống poudre de quinquina và tiêm cacodylate de soude cho bổ và máu lành mạnh.

Khi người bệnh uống quinine mà vù tai và đầy bụng thì nên tiêm. (4) Khi cơn nặng thì cũng phải tiêm quinine cho mau thấm thuốc, tiêm một ngày 1 gr; luôn bốn ngày

---

(1) Fièvre quotidienne.
(2) Fièvre tierce.
(3) Fièvre quarte,
(4) Injection intra-musculaire: xem mục XXIII

sau lại cho một ngày 1 gr. thêm nữa mà uống ra hai lần, uống luôn bốn ngày, kể từ ngày thứ chín thì tiêm cacodylate de soude tiếp mười ngày, và uống poudre de quinquina hai mươi ngày nữa. Như vậy mà sau thỉnh-thoảng còn cơn sốt-rét thì phải dùng thuốc novarsenobenzol (1) mới trị được, tiêm thuốc nầy thì phải khỉ sự 0gr 15, rồi 0gr 30, sau lại lần-lần mà lên 0gr 45, 0gr 60.

Người có mang thì không nên dùng thuốc quinine nhiều, vì thuốc ấy bóp tử-cung mạnh lắm, nên khi uống nó thì phải đẻ non tháng hoặc là sẩy; người có mang được chín tháng hay là hơn chín tháng thì uống như người thường được, vì lỡ có đẻ thì khi ấy đứa con cũng nuôi được, chớ như còn non tháng thì nên uống ít hết sức, cợ 0gr 15 buổi sáng và 0gr 15 buổi tối mà thôi.

Ở tỉnh nào bệnh sốt-rét nhiều lắm, cũng có thể phòng trước được, đều thứ nhất thì tránh đừng cho muỗi đốt như tối lại thì phải mang tất kẻo ngồi chơi hay là ăn cơm thòng chơn xuống muỗi đốt, còn ngủ thì phải cho có mùng, đều thứ hai thì uống quinine 0gr25 một ngày, uống tiếp năm ngày, nghỉ năm ngày, rồi uống lại mãi-mãi cho đến khi nào có chứng gì trắt-ngại xẩy ra thì phải nghỉ, như là vù tai, chóng mặt, đầy bụng hay là vì thuốc mà mệt trong mình vân-vân...

3° TRÚNG THỰC. — (2) Khi nào phải chứng ấy là vì ăn món gì lạ thường không ăn đến hay là ăn dập dồn nhiều món quá trong bữa cơm, làm cho bao-tử yếu-sức, lại gặp ăn phải hôm trở trời hoặc là mới thức đêm đương mệt. Khi

---

(1) 914. Thuốc nầy bằng bột khi tiêm phải trộn với eau distillée hay là sérum artificiel cợ 5 à 15cc rồi mới tiêm vô mạch-máu Xem mục XXIII.

(2) Embarras gastrique.

đau như vậy thì trong mình khó chịu, miệng đắng không muốn ăn gì cả, lưỡi trắng, buồn mửa, tích không đi đồng được, có khi lại nóng và đau đầu nữa.

CÁCH CHỮA : Sulfate de soude 30 gr. Uống buổi sáng bụng đói, cả ngày chỉ uống nước trà, đến ngày mai và ngày mốt cũng chưa nên ăn vội, chỉ uống sữa hoặc là ăn cháo mà thôi.

4° BỆNH ĐI RỬA. — (1) Khi nào ăn rau hay là trái gì còn sống, hoặc là đồ hộp, đồ nguội mà không tiêu thì sinh ra đau bụng, đi rửa nhiều lần; trước đi có phẩn đến sau toàn cả nước, đi luôn sinh mệt trong mình, và sắc mặt xanh, còn mắt thì trỏm.

CÁCH CHỮA : Có khi không nên cầm lại liền, cứ để cho đi sông, vì ăn phải giống gì không tiêu đi ra hết thì thôi, khi ấy chỉ uống nước trà mà thôi, chớ không nên ăn gì hết. Nhưng quá 24 giờ mà không thôi thì cho phái thuốc sau nầy thì cầm lại được :

Salicylate de bismuth . . .	4 grs.
Laudanum	XXX gouttes.
Eau sucrée	100 grs.

Mỗi giờ uống một muỗng to đến hết thuốc thì thôi. Trong lúc có dịch-tả (2) thì người nào đi rửa cũng nên chữa ngay, đừng cho đi sông nhiều lần, yếu sức tiểu-trường và làm cho người bệnh mệt thì dễ mắc bệnh tả lắm.

5° BỆNH KIẾT-LỴ. — (3) Có hai thứ kiết-lỵ :

a) THỨ Ở XỨ TA NẶNG CÓ : (4) người nào phải bệnh nầy thì trước hết đi rửa một ngày thiệt nhiều, qua ngày thứ

(1) Diarrhée.
(2) Epidémie de choléra.
(3) Dysenterie.
(4) Dysenterie amibienne.

hai thì sắc phẩn khác lần và hôi, ngày sau thì phẩn không có mà đi ra cả máu với mũi đi một ngày mười lần, mười lăm lần có khi nhiều hơn, nhiều lúc muốn đi mà rặng không ra gì, chỉ đau đít khó chịu lắm thôi, cả ngày thì đau bụng râm-rỉ ngang lỗ rún.

CÁCH CHỮA :

Ngày đầu :	sulfate de soude	20	grs
Ngày thứ hai :	-do-	15	grs.
Ngày thứ ba :	-do-	10	grs.
Ngày thứ tư :	-do-	5	grs.

Sau lại cứ uống 5 grs. luôn năm sáu ngày, trong lúc đau bệnh ấy chỉ uống nước trà, sữa và nước cháo mà thôi. Thường uống thuốc cách ấy mau bớt lắm, mà như không bớt thì phải tiêm émétine 0gr04 à 0gr06 trong một ngày, tiêm dưới da, khi nào nặng thì tiêm trong mạch máu cho mau thấm; lúc nào dùng thuốc émétine thì không nên dùng lâu, cợ bảy tám ngày mà thôi.

b) THỨ KIẾT-LỴ THƯỜNG BÊN TÂY NĂNG CÓ : (1) Thứ nầy nặng hơn thứ mới nói trên, người bệnh đi sông một ngày 40,50 lần, có khi nhiều hơn, chỉ đi ra máu và mũi chớ còn phẩn thì thiệt rất ít, cũng đau bụng, đau lỗ-đít, vả lại nhiều khi sốt và mệt trong mình lắm.

CÁCH CHỮA : cũng nên cho sulfate de soude như cách nói trên, nhưng cốt là phải tiêm thuốc sérum antidysentérique. Tiêm ngày đầu 20cc, qua ngày sau cũng tiêm lại được; khi nặng thì tiêm 40cc một ngày và tiêm luôn ba, bốn ngày cũng được. Trong mấy ngày đau thì uống nước trà, sữa và nước cháo mà thôi.

---

(1) Dysenterie bacillaire.

Những phẩn của người đau bệnh kiết-ly thì phải bỏ nước tẩy-uế vô và chôn cho sâu, vì trong phẩn có vi-trùng, ruồi đến đậu rồi đậu lên đồ-ăn của người khác có thể lây bệnh cho người ấy.

6o HO-GIÓ. — (1) Người mình năng kêu là ho-gió cũng phải vì thường-thường tại gió lạnh mà sinh ra ho như vậy. Bệnh ho-lao và sưng phổi thì nặng chớ còn ho-gió thì dễ lành lắm. Người bệnh trước ho khan, sau mới có đờm, lại hơi đau đầu, nghẹt mũi và nóng trong người.

CÁCH CHỮA: Ho-gió thường đến năm, sáu hôm thì lành, nhưng vì sợ mệt và trở nên ho-giai (2) nên cũng phải chữa.

Mỗi giờ uống một muỗng to thuốc sau nầy, trừ khi ngủ thì thôi:

Teinture de belladone	XXX gouttes
Sirop de tolu	â â 30 grs.
Sirop de morphine	
Eau	100 grs.

Trước ngực thì bôi một lớp teinture d'iode hoặc là đặt ít cái bầu cũng hay. Thỉnh-thoảng nên uống nước trà nóng cho dễ ra mồ-hôi và bớt rát cổ.

7o HO-LAO. — Ho-lao là một bệnh rất nặng, ở xứ nào cũng có, người nầy lây cho người kia; những người đói-khổ, thiếu áo-quần lạnh-lẽo, công-việc nặng-nề là dễ bị bệnh ấy lắm, những người cờ-bạc đêm nầy thức qua đêm nọ, khi thua-kém phải nghỉ lượng mệt trí, cũng dễ mắc bệnh lao.

---

(1) Bronchite aiguë.
(2) Bronchite chronique.

Người bị bệnh ấy đầu tiên chỉ ho khẹt-khẹt vài tiếng buổi mai-sớm hay là buổi tối mới ăn cơm xong, hoặc là khi đi ngủ, ho không ra đờm, thỉnh-thoảng có hơi nóng đầu, ăn không biết ngon, có khi lại khạc ra máu, tuy vậy mà người bệnh cứ làm việc được và cũng chơi-nhởi được như thường, cho nên mới đầu như vậy là dễ lành lắm mà ít kẻ lo mà chữa, nên ít lâu chi thành ra thiệt bệnh lao.

Khi đã thành bệnh lao thiệt thì người bệnh mỗi ngày mệt thêm, và gầy thêm, ho nhiều hơn, có đờm và nhiều khi tức ngực khó thở; chiều lại thì sốt, đêm thì chảy mồ-hôi, mùa đông như mùa hạ; lúc ấy như lấy một tý đờm mà khám kính hiển-vi thì đã có vi-trùng bệnh lao; bấy giờ thì bệnh khó lành lắm.

Ấy đó là bậc thứ hai, qua đến bậc thứ ba là cuối-cùng thì người bệnh ho nhiều thêm cho đến đỗi ăn không được, ngủ cũng chẳng yên, thở thì khó lắm và tức ngực, đờm khạc ra từng bọn đặc, người lần-lần ốm-tom mà chết hoặc là ho ra máu lại nhiều quá mà mất.

CÁCH CHỮA: Bệnh lao mới đầu thì dễ lành lắm. Cốt nhất là ăn cho nhiều đồ bổ như là trứng, sữa, thịt bò vân-vân. . .
thịt bò ăn cho hơi sống để cho bổ hơn. Phải ở nhà cho trống trải sáng-sủa để cho nhiều sinh-khí, chớ ở chỗ thấp-hẩm tối-tăm lắm; đến mùa đông phải mặt áo quần cho ấm kẻo lạnh ngực, mùa nắng thì nên mở ra một cửa-sổ mà ngủ. .

Khi ho thì dùng thuốc gaïacol hay là créosote mà uống thì dỡ, như có đau ngực thì bầu; thường nhật phải uống thuốc bổ như là: arrhénal, glycéro-phosphates hay là quin-quina vân-vân. . , (xem cách dùng mấy thứ thuốc ấy mục XXXVII.)

Đến khi dã tiệt bệnh lao thì nên ở nhà riêng kẻo lây cho người nhà, phải nhổ trong ống-nhổ, (1) dừng nhổ dữa nhà, gió bảy vi-trùng lên, người khác hít vào thì dễ lây lắm; ăn uống thì phải dùng chén dĩa riêng. Khi dã thiệt bệnh di lao, thì nên ở nhà thương nào có buồng riêng mà nằm, trước nữa sẵn thuốc-thang sau khỏi lây cho bà-con.

XXXIX. — BỆNH ĐAU NGOÀI.

1e NGƯỜI BỊ THƯƠNG. (2) — Như ở dữa đường gặp một người bị xe dẫn ngang dứt bàn chơn, máu ra nhiều lắm, trước khi đem đến nhà-thương thì nên làm gì? Lúc gặp một người bị sự hoạn-nạn như vậy, không cần phải làm thầy-thuốc hay là gì cả, bổn-phận mọi người đi ngang thấy vậy phải dừng lại mà giúp-dỡ cho người khốn-nạn ấy. Sự hệ-trọng nhất là phải tìm cách cầm huyết lại, kẻo huyết chảy ra nhiều quá thì người bệnh có thể chết; bởi vậy nên phải lấy giây buộc ngang phía trên chỗ bị thương thì huyết không chảy xuống chơn nữa.

Khi gấp-gáp như vậy, lanh một phút có thể cứu được một mạng, trễ một phút có thể hại người, song đồ-đoàn chẳng có, vậy sẵn có giây-lưng thì rút ra mà buộc hay là có khăn-bịt thì đem ra mà thắt cũng được, như buộc không chặt thì lấy cái đũi xỏ vô dữa, quay tréo lại thì tức cái khăn phải thắt chặt hơn. Cầm huyết xong lấy khăn-vuông tủ chỗ bị thương cho khỏi đất thấm vô, rồi đem đến nhà-thương liền.

2o GẢY CHƠN. — (3) Bây giờ ví-dụ như người bị xe dẫn mới nói ở trên đó không dứt chơn, không lòi thịt, chảy máu, nhưng mà cái xương-ống bị gảy. Cái xương-ống gảy

---

(1) Trong ống-nhổ phải bỏ thuốc tẩy-uế như là crésyl.
(2) Le blessé.
(3) Fracture de la jambe.

thì dễ biết quá, người bệnh cũng tự hay được: ngó quá thì thấy chỗ gảy sưng to, lấy một ngón tay ấn chỗ ấy thì người bị-thương kêu đau lắm, đụng một tý nhẹ-nhẹ ở bàn-chơn thì động đến chỗ gảy cũng đau, người bệnh muốn đứng dậy cũng không được; còn nhiều cách biết chơn gảy hay là không, nhưng theo cách nói sơ-lược trên là cũng đủ, mà lại chẳng phải tìm kiếm động đến chỗ gảy đau đớn cho người bị-thương mà cũng có khi trật hai khúc xương gảy, toét mạch-máu, đứt gân, thành nặng thêm. Vậy sau khi đã biết rằng xương-ống gảy cốt nhất dừng cho hai khúc xương trật qua trật lại, phải nằm cho êm một chỗ, vậy phải lấy hai nẹp tre to chần hai bên chân, từ bàn cho đến bắp-bắ, lấy giây-lưng hay là khăn-bịt buộc quanh ngoài lại (xem hình số 25); xong rồi cũng có thể buộc thêm

fig. — 25

Appareil de fortune pour fracture de jambe. (cách bó đỡ chơn gảy)

một lớp ngoài, chơn gảy kẹp với chơn lành, khi ấy chơn lành cũng cho như là một cái nẹp tự-nhiên vậy. Trong lúc buộc như thế thì sai người đi kiếm một cái giường nhỏ, một tấm ván to, một cánh cửa hoặc là một cái thang cũng được, để sau khi buộc xòng mà gánh người bệnh đến nhà-thương, ở nhà-thương thì sẵn có đồ-đoàn tử-tế để bó buộc một cách rất tiện và mau lành. Chơn gảy như vậy buộc cho ngay-ngắn không cho động-

đậy hai khúc xương gảy, cợ ba tuần thì liền lại được. Sau khi liền mà như còn sưng hoặc là hơi đau một tý lấy dầu mà thoa thì đỡ ngay (xem cách thoa mục xxxii,)

3°. ĐỨT DA (1). — Ở trên đã có nói chuyện người bị-thương nặng và người bị-gảy xương để cho biết nên làm gì trước khi đem những người ấy đến nhà-thương, mục nầy chỉ nói những người bị thương-tích nhẹ, như là đứt da tay, da chơn không lâm đến xương thịt.

Khi đứt da như vậy, vì có nhiều lẽ:

a) Vì dao hay là mẽ gương cắt phải (2)...
b) Vì kim chích (3)...
c) Vì bị ai lấy đùi-lẽ mà đánh, (4) vân-vân....

CÁCH CHỮA: Lấy nước đã nấu sôi rồi mà rửa cho sạch bụi hay là đất ở chỗ ấy, rồi lấy teinture d'iode bôi và buộc lại, buộc hơi chặt để cho mau cầm máu lại.

Như chỗ đứt da, bẩn lắm, vì có đất bụi bám ở đó nhiều, thì sau khi buộc xong nên tiêm một liều thuốc sérum antitétanique 10cc, vì trong đất-đai nhớp-bẩn thường năng có vi-trùng bệnh tê-phong,(5) khi đứt da vi-trùng có thể vô theo với đất bụi rồi vô thân-thể người bệnh, nên tiêm thuốc ấy để phòng cho khỏi mắc phải bệnh phong.

Còn chỗ buộc, như hôm sau có dính máu hoặc là người bệnh kêu đau phía trong hay là nóng trong người, thì nên mở ra mà chấm thuốc buộc lại.

4° BỊ CHÓ MÈO CẮN. — (6) Chó và mèo cắn thì thường-thường chỉ chợt hay là phủng ngoài da mà thôi, bôi một tý thuốc teinture d'iode buộc lại, thì vài hôm cũng khỏi

(1) Plaies accidentelles intéressant seulement la peau.
(2) Plaie par coupûre.
(3) Plaie par piqûre.
(4) Plaie contuse.
(5) Xem trương 134
(6) Plaies par morsure de chien et de chat.

được, tuy vậy mà loài chó mèo có con bị bệnh-giại, cho nên khi bị chúng nó cắn thì phải đem cho thầy-thuốc xem ngay, để thử có nên tiêm thuốc phòng bệnh chó-giại không, vì bệnh chó-giại thì dễ ngừa trước được, chớ đến khi đã lây rồi, bệnh phát ra thì không có thể chữa lành được. Chó cắn ở mặt, và cổ thì nguy-hiểm hơn mọi chỗ khác, vì gần quả-tim cái nọc độc chạy mau đến và hai chỗ ấy trống chẳng có gì che-đậy, vì rằng chỗ nào mà có áo quần che thì khi nó cắn nước-miếng vô da mình ít hơn.

Nói tóm lại, khi nào bị chó mèo cắn thì phải đến nhà-thương liền, để thầy-thuốc xem thử có nên tiêm thuốc phòng bệnh chó-giại không, như nên thì người ta cho đi tiêm ở các nhà-thương lớn như là Hà-nội và Sai-gon hay là Huế.

Còn con chó thì phải nhốt vào cụi rồi đem đến nhà-thương hoặc là sở chữa bệnh cho loài-vật để người ta xem thử có bệnh-giại không; như không bắt sống nó được thì phải giết chết đi rồi đem đến cũng được.

5° BỆNH CHÓ-GIẠI CẮN. — (1) Mới nói mục trên đó rằng khi chó cắn thì phải đến nhà-thương để xin tiêm thuốc phòng bệnh chó-giại, như con chó không giại thì cũng chẳng hại gì, mà như nó quả giại thì cũng khỏi lây bệnh nó. Nếu không phòng như vậy mà vài hôm sau con chó vì bệnh-giại chết ở đâu không biết, còn người bị cắn trong cợ một tháng (2) thì phát bệnh, khi ấy thiệt là rất nguy-hiểm.

Khi đã lây bệnh chó-giại thì người bệnh đầu tiên kêu đau đầu, không ngủ được, quá 24 giờ thì nặng thêm nhiều, tức ngực, khó thở, sợ gió, sợ nước nên người bệnh không dám ăn uống gì cả, sau lại phát điên-cuồng thấy ai cắn nấy.

---

(1) La rage.

(2) Bệnh chó giại lây cho người cợ một tháng sau khi bị chó giại cắn, nhưng có khi mau hơn, cũng nhiều khi lâu hơn.

Từ khi bệnh phát mà biết được đến lúc chết, thì chỉ hai hay là ba ngày mà thôi.

CÁCH CHỮA : Bệnh chó-giại cắn mà khi đã phát ra rồi, thì chẳng có thuốc gì chữa lành được. Phải cột chơn tay người bệnh lại hoặc là để trong buồng riêng kẻo cắn người khác ; tiêm morphine để cho bớt vùng-vẫy và nằm yên một chỗ.

6° RẮN CẮN. — Những loài rít, bò-cạp và ong thường-thường không độc chi, khi bị cắn thì sưng lên và nhứt đau lắm trong vài hôm thì lành ; nên bôi một tý teinture d'io de nơi chỗ cắn là đủ.

Chớ còn rắn thì ở xứ ta nhiều giống độc lắm.

Những thứ rắn độc nhất là :

a) rắn mai, (1)
b) rắn hổ-đất, (2)
c) rắn đen, (3)
d) rắn lục-xanh. (4)

Khi bị những thứ rắn ấy cắn là nguy-hiểm lắm. Chỗ cắn thì ít đau nhưng mà sưng và tím đen. Người bệnh thì thở khó lắm, mạch chạy không đều và yếu, chóng mặt, mửa, đau thắc ở dưới bụng, mồ-hôi ra nhiều, buồn ngủ mơ-màng, mê rồi chết luôn. Có người bị rắn cắn trong năm phút thì chết, nhưng thường-thường thì cũng đến vài ngày.

CÁCH CHỮA : Khi rắn cắn thì nọc độc vô tại chỗ cắn ấy, nên sự chữa cốt nhất là đừng cho nọc độc chạy vô huyết. Vậy thì lập-tức lấy giây buộc thắc phía trên chỗ

---

(1) Le bongare.
(2) Le cobra.
(3) L'hamadryade.
(4) Le trimécure.

cắn, (1) như cắn ở bàn-chơn thì buộc nơi cổ-chơn mà như cắn ngón-tay thì buộc nơi cổ tay vân-vân... Khi buộc xong thì nút chỗ cắn cho nọc độc ra, nút rồi nhổ ra chớ chẳng hại gì đến người nút cả, nhưng người nào có chợt hay là mụt trong miệng thì đừng nút mà lây bệnh. Nút xong rồi thì lấy dao sạch mà rạch vài đường cạng-cạng ở chỗ rắn cắn đó để cho máu tươm ra, chảy bớt nọc đi. Lấy thuốc permanganate de K à $\frac{1}{100}$ mà tiêm xung-quanh chỗ cắn.

Tiêm liền thêm một phát, sérum antivenimeux 30cc để trừ nọc độc, tiêm ở dưới da bụng hay là dưới da cổ-bả cũng được.

7° GHẺ-HỜM HAY LÀ SÂU QUẢNG. — (2) Người An-nam năng có thứ ghẻ-hờm trên bàn-chơn hoặc là ở nơi chơn, mới đầu chợt một tý mà không biết cách chữa hoặc là vì trong mình đã yếu da thịt lâu liền, thành sau ở chỗ chợt ấy cứ lở lần-lần sau ra to bằng đồng-bạc hay là to hơn, nhưng thường-thường bằng chừng nấy thì không phá thêm nữa, mà mủ thì vẫn có, hôi thối và cứ tro-tro vậy chớ không lip miệng lại, như để lâu ngày thì ăn sâu, chảy máu, có khi đến tột xương.

Những người mạnh-bạo, da thịt và huyết tốt thì trị mau lành hơn người ốm-gầy.

CÁCH CHỮA : Lấy bông và permanganate de potasse à $\frac{1}{1000}$ mà chùi rửa cho sạch mủ, lấy nước đã nấu sôi rồi mà buộc hoặc là dùng eau boriquée cũng tốt, buộc như vậy để cho sạch mủ máu và đất bụi khỏi vô; đôi ba ngày thì chấm teinture d'iode một lần để giết vi-trùng trong mụt.

---

(1) Giây ấy buộc, cợ một giờ thì được, chớ lâu quá, huyết không chạy thì thối cả cái tay hay là cái chơn bị buộc đó.

(2) Ulcère phagédénique.

Người bệnh thì phải uống thuốc bổ để cho da thịt và huyết mau tốt thì mụt chóng líp miệng. Thường thường chữa như cách nói đó thì cũng đủ lành. Chỉ khi nào mụt thối lắm và mau ăn lang ra ngoài thì phải lấy nạo (1) nhỏ nhỏ mà nạo cho sạch mủ và mau lành, nhưng cũng ít khi phải làm như vậy.

8° PHỎNG. (2) Có nhiều thứ phỏng: phỏng lửa, nước sôi, dầu sôi vân-vân. . . khi bị nhúng phải mau thì phỏng nhẹ, mà lâu thì phỏng nặng. Cho nên có khi chỉ đau, đỏ và sưng hơi chỗ bị phỏng đó mà thôi, hoặc là phồng da lên, lúc nào nặng lắm thì cháy cả da đến thịt và xương.

Khi nào phỏng nặng thì trước hết mồ-hôi ra nhiều, mặt xanh, mạch chạy mau mà yếu lắm, thở cũng không đều, nước-tiểu thì ít. Đến hai ngày sau thì nổi sốt lên, mửa và đi sông nhiều. Sau lại đến lúc làm mủ nơi mấy chỗ phỏng đó thì người bệnh yếu lần-lần rồi có thể chết.

Cách chữa: Khi phỏng nặng thì phải đem người bệnh đến nhà-thương ngay. Còn như phỏng nhẹ ngoài da hay là phồng da lên, thì lấy acide picrique à $\frac{1}{100}$ mà buộc thì mau liền da lắm; nếu không hôi thối gì, buộc một lần vậy có thể để đôi ba ngày cũng được, để cho dễ dâm da non. Người bị phỏng mấy ngày đầu thì phải uống sữa hay là ăn cháo chớ không được ăn cơm như thường; còn như có bón khó đi-sông thì thụt cho dễ đi, chớ dùng cho thuốc tẩy mà sau đi rửa mãi khó trị. (Cách buộc thuốc trị phỏng thì xem trương 104).

9° ĐỎ-MẮT. — (3) Chứng đỏ-mắt có nhiều thứ, nhưng chỉ nói ba thứ thường năng thấy nhất là:

---

(1) Curette.
(2) Les brulûres.
(3) Les conjonctivites.

a) đỏ-mắt thường, (1)
b) đỏ-mắt mà có mủ, (2)
c) đỏ-mắt-trắng. (3)

a) ĐỎ-MẮT THƯỜNG: Một tý bụi vô mắt hoặc là ra nắng lâu cũng có thể làm cho đỏ-mắt được. Đầu hết chỉ hơi chói và xốn mà thôi, sau mới đỏ và sưng mý lên nặng nặng ở mý mắt khó chịu, ngó thì không được rõ, ghèn ra nhiều, buổi sáng thì hai mý trít lại, phải rửa mới mở ra được.

CÁCH CHỮA: Khi có bụi vô mắt thì đừng chụi, nhắm nháy mắt một lát thì nước-mắt ra trôi tý bụi ấy ngay. Khi đã phải đỏ mắt thì lấy eau boriquée à $\frac{40}{1000}$ mà rửa một ngày hai lần và sau khi rửa xong, nhỏ mỗi lần một giọt nitrate d'argent à $\frac{1}{100}$. Cỡ bốn, năm ngày thì lành.

b) ĐỎ-MẮT MÀ CÓ MỦ: Người đỏ-mắt mà có mủ là vì lây mủ bệnh-lậu vô mắt, sự lây ấy một là vì người đã lớn đau bệnh-lậu sẵn mà vấy mủ vô mắt, hai là vì con nít mới đẻ mắt xuông nhầm mủ của người mẹ đau lậu.

Khi mới bị đau mắt như vậy thì con mắt đỏ, sưng lên và nhức, ghèn chảy ra nhiều, xốn khó chịu; sau lại mủ chảy ra, hai mý mắt sưng to, mý trên trụp mý dưới, trong mắt thì cả mủ, nên khi dở mý trên mà xem thì cho có ý, không thì mủ của người bệnh văng vô mắt mình thì lây.

(1) La conjonctivite aiguë simple.
(2) La conjonctivite purulente.
(3) La conjonctivite granuleuse.

Như không chữa kịp thì vài ngày mủ ăn tột phía trong, nhức lắm, nhiều khi chọt tròng, (1) ra rồi thành vảy-cá, (2) có khi lại phủng tròng thì dui mắt luôn.

CÁCH CHỮA : Đỏ-mắt như vậy là nặng lắm, , nên phải chữa ngay.

Hai giờ rửa mắt một lần, dùng permanganate de K à $\frac{1}{5000}$ dồ trong ống-thụt thường mà rửa. Một ngày nhỏ nitra te d'argent à $\frac{1}{50}$ hai lần,khi nào nhỏ thuốc ấy xong thì phải lấy eau salée mà rửa lại cho bớt xốn và bớt rát.

Lúc nào tròng mắt chọt thì phải mời thầy-thuốc xem.

Bệnh đỏ mắt vì lây mủ lậu là trọng lắm, nhất là con nít mới đẻ mà lây mủ lậu của người mẹ. Con nít mới đẻ mà xuông nhầm mủ lậu người mẹ thì hai ba ngày sau mới đỏ mắt, rồi có khi nội trong bốn năm ngày thì mắt dui. Cho nên khi mới đẻ phải rửa mắt con nít cho sạch rồi nhỏ một giọt nitrate d'argent à $\frac{1}{200}$ hoặc là lấy một mủi chanh vắc vô mắt cũng phòng được bệnh đỏ-mắt.

Còn như người lớn vừa đỏ mắt vừa đau lậu thì chữa cả bệnh lậu luôn thể (xem mục xxx), và bảo người bệnh không được mó tay vào mắt.

c) ĐỎ-MẮT-TRẮNG. — Chứng đau mắt nầy người An-nam năng có lắm, nhất là ở tỉnh Nghệ-an, Thanh-hóa và ngoài Bắc-kỳ, trong mười người thì đã có năm sáu người bị bệnh ấy, nhưng vì con mắt đau mà không đỏ và không nhức-nhối chi, cho nên không lo mà chữa, có khi lại không biết rằng mình có bệnh, bởi vì mới mắc chứng ấy thì thường-thường buổi mai ngủ dậy có một tỷ ghèn mà thôi, còn tối thì có hơi chói đèn, chớ chẳng đau-đớn như những chứng đỏ-mắt đã nói về mục trên. Cho nên nhiều khi đau đã lâu mà không biết, đến khi tới nhà-thương hoặc là mời

(1) Ulcère cornéen.
(2) Tale.

thầy-thuốc xem, lật mý trên lên thì dã thấy những hột nhỏ-nhỏ như cát ; hột ấy cọ tròng lâu ngày thì có thể chọt ra. Những hột ấy có khi tự-nhiên lành thành sẹo và nhì mý trên ra sau, khi ấy lòng-nheo lại cặm vô mắt, (1) xốn lắm và lâu-lâu con mắt bị màng che (2) không thấy được rõ.

CÁCH CHỮA : Tuy nói đau mắt chớ chỗ đau chính là phía trong mý trên. Mới đầu thì dùng sulfate de cuivre à $\frac{1}{30}, \frac{1}{50}$ mà nhỏ mỗi ngày một giọt trước khi đi ngủ ; nhỏ thuốc như vậy ba bốn tháng mới lành được.

Đến sau dã có hột ở trong mý nhiều, thì phải lấy sulfate de cuivre nguyên chất vậy mà vót nhọn như cây bút-chì, để rà phía trong mý cho hết những hột ấy đi ; phải rà nhẹ-nhẹ và cho đều chớ đừng rà mạnh lắm. Mỗi tuần rà một lần, còn thường ngày thì nhỏ thuốc như cách nói trên, làm như vậy bốn năm tháng thì lành.

Những bệnh đỏ-mắt là lây người nầy sang người kia được cả, cho nên trong nhà có người đỏ mắt thì nên cho ngủ riêng một giường, vả lại không nên dùng khăn-lau và thau rửa mặt của người bệnh. Khi rửa mắt và làm thuốc cho người bệnh xong, thì phải rửa tay lại cho sạch, kẻo vô ý mó tay vô mắt thì lây bệnh.

10° GHẺ. — (3) Bệnh ghẻ sinh ra vì con sâu-ghẻ, con ấy nhỏ lắm, nhưng cũng tròng thấy được, tối lại thì nó bò trên da người có ghẻ, cho nên ngủ chung với người thì dễ lây lắm. Những người sạch-sẽ thì thường không có ghẻ, người nhớp ngồi chỗ nầy chỗ nọ, bạ dâu nằm đó hay là mặc áo quần của kẻ có ghẻ, thì năng lây bệnh ấy.

---

(1) Entropion.
(2) Opacité de la cornée.
(3) La gale.

Người nào mới có ghẻ thì trước hết ngứa mấy nghệt-tay hay là ở bàn-tay,sau thấy mấy chỗ ngứa đó nổi lên từng đường nhỏ,khải chợt ra, rồi ở đó mụt ghẻ trức lên. Bệnh ghẻ thì chẳng có gì quan-hệ, nhưng ban đêm ngứa lắm ngủ không yên và nhiều khi cũng đau, nhất là ghẻ phỏng.

CÁCH CHỮA : Có nhiều thứ ghẻ : ghẻ-phỏng, ghẻ-ruồi, vân vân, . . nhưng cách chữa thì cũng giống nhau, nghĩa là tắm rửa cho sạch vảy để bày con sâu-ghẻ ra, rồi lấy thuốc bôi cho chết đi.

Tắm nước lạnh hay là nước hầm-hầm cũng được, tắm cợ nửagiờ, lấy xà-bong mà thoa và bàn-chải hay là khăn mà xát cho sạch vảy và mủ. Khi tắm xong, lấy khăn sạch mà lau cho khô, rồi bôi thuốc pommade d'Helmérich. (1) Sau khi bôi thuốc rồi, thì phải mặc áo quần sạch, còn áo quần củ thì trụng nước sôi cho chết sâu-ghẻ đã rồi hãy dặt và phơi. Biết cách tắm rửa và bôi thuốc thì cợ trong ba bốn ngày đã lành.

11° TIM-LA CÓC. — (2) Tim-la có khác mấy thứ ghẻ mới nói trên đó nhiều, vì khó lành và mụt to hơn. Trong mụt tim-la cóc có vi-trùng,nên nằm chung với người có chứng ấy thì dễ lây lắm, cho nên thường năng thấy con lây cha mẹ hay là vợ chồng lây nhau là vậy.

Chỗ nào lây đó thì mọc lên một mụt, mụt ấy ướt và có mủ nhưng mà trên thì có cái vảy vàng-vàng trùm lại; trong cợ một tháng thì mụt khô thành sẹo, song ít tháng nữa thì mọc lên nhiều mụt khác một lần, cùng thân mình, nhất là ở đít, miệng, cùi-tay, háng, vân-vân...

---

(1) Axonge. . . . . .120 grammes
(Fleur de soufre. . . . .20 . .
(Carbonate de potasse. . .10 . .

(2) Le pian.

CÁCH CHỮA:
- Iodure de k. . . . . 4 grs.
- Sirop d'écorces d'oranges amères. . 40 grs.
- Eau. . . . . 100 grs.

Uống chừng ấy một ngày mà uống ra ba lần, trước khi ăn cơm. Mới đầu cho iodure de potassium 2 grammes đã rồi sau thêm lần thì hơn, vì có người uống thuốc ấy không hạp, sưng mắt, chảy mũi-nước khó chịu lắm. Uống cách như vậy vài tháng cũng bớt nhiều. Tiêm bi-iodure de Hg 0gr01 một ngày, tiêm luôn mười ngày nghỉ mười ngày, rồi tiêm lại, cũng bớt, nhưng có người không hạp thuốc ấy thì sưng nếu-răng.

Thuốc kiến-hiệu nhất là novarsenobenzol, tiêm trong mạch-máu mỗi tuần một lần, khỉ sự 0gr30, rồi 0gr45, 0gr60, 0gr75. Mới tiêm ba phát đầu thì những mụt tim-la rụng hết, nhưng mà như người bệnh mạnh thì nên tiêm thêm một phát nữa sau lại phải uống thêm iodure de potassium cho thiệt lành, uống một tháng hay là hơn tùy khi.

12° MỤT-DỌT HAY LÀ DỌT-UNG. — (1) Trong mụt ấy có mủ, lúc mới đầu đau và sưng da lên thì còn khó biết là chứng gì, chờ đến khi chỗ da ấy nóng, đỏ và mềm thì dễ biết lắm. Khi đã có mủ mà để mãi vậy thì da mỗi ngày mỗi mỏng lần, rồi toét thì mủ chảy ra.

CÁCH CHỮA: Khi chưa có mủ, dầm nước nóng hoặc là một ngày buộc nước nóng đôi ba lần cũng có thể tản được; nhưng khi đã có mủ thì phải chích và nặn mủ ra hết cho mau lành, như mủ nhiều quá, để ống cao-su nhỏ mà thông thời mau sạch.

---

(1) L'abcès chaud.

13° BỆNH TỀ-PHONG. — (1) Bệnh tề-p'hong là một bệnh nặng hết sức; con vi-trùng bệnh ấy thường ở dưới dất, khi đau lỡ chơn hay là khi bị thương-tích ở chơn, vi-trùng ấy vô mấy chỗ đó rồi theo mạch-máu mà vô thân-thể thì sinh ra bệnh phong. Trẻ con người annam mới đẻ năng mắc bệnh phong, là vì khi mới lọt lòng thì người mình năng dùng mẻ chai hay là dao bần dính cả dất mà cắt rún.

Người mắc bệnh phong trước hết chỉ đau dầu, đau lưng và hơi sốt một ít mà thôi, sau lại thịt trong người lần-lần cứng hết, cho nên muốn nhai và hả miệng cũng không được, hai hàm xai cứng ngắc, mặt nhăn-nhó, có khi nằm cong lên cả người dầu và chơn dựng giường, lưng thì cong, đau đớn lắm nhưng mà không than-vang được vì mở miệng không ra. Mạch chạy mau, lần lần sốt thêm hơn, nhưng mà người bệnh vẫn tỉnh như thường cho dến khi gần chết.

CÁCH CHỮA: Lúc nào có người bệnh bị thương-tích nặng dính dất nhớp-nhúa thì nên tiêm một liều thuốc sérum antitétanique 10cc dề phòng bệnh phong.

Khi người bệnh dã mắc chứng phong rồi thì khó lành lắm, dề người bệnh trong buồng riêng tối và lặng-lẽ ; thụt chloral cho dỡ đau và bớt cứng tay chơn. Khi bệnh dã phát thì sérum antitétanique không kiến-hiệu lắm, nhưng cũng nên tiêm 20cc. Vả lại nên tiêm acide phénique à $\frac{2}{100}$, dưới da, một lần 5cc, trong một ngày tiêm ba lần.

---

(1) Le tétanos.

14° BỆNH LẬU. — (1) Đàn-ông đau lậu thì đau ở ống-đái còn đàn-bà thì đau ở trong cửa-mình chớ ít khi đau ở trong ống-đái. Người đàn-ông hành-phòng người đàn-bà đau lậu cũng lây, mà đàn-bà nằm với người đàn-ông có bệnh cũng lây.

Khi nằm chung với người có bệnh thì ba bốn ngày sau mới phát. Ngày thứ ba mới khỉ sự đầu thì nghe nhột và hơi nóng nóng trong ống-đái, sáng ngủ dậy thấy lỗ đái trít lại, khi ấy bét ra thì thấy hơi đỏ, qua ngày thứ tư thì có mủ và đi tiểu-tiện đau lắm, cho nên bên Tây thường người ta năng nói: đái ra dao-cạo, đái ra lửa vân vân... Ban đêm ngủ không yên vì tự-nhiên không nghiệm mà hứng, thành ra đau-đớn lắm. Có khi lại sưng đầu ngọc-hành và miếng da trùm ngoài, thành khó đái hết sức.

Còn đàn-bà bị bệnh lậu mới đầu (2) thì năng đi tiểu lắm, một ngày đi mười lần có khi nhiều hơn, mỗi lần đi thì buốt và rát lắm. Qua ngày thứ tư thì trong cửa-mình chảy mủ ra, hai bên cửa-mình sưng lên, thành đi cáng-náng, không được tự-nhiên.

Cách chữa: Bệnh lậu đàn-ông có khi tự-nhiên mà lành được, vì đau ở ống-đái khi đi tiểu lống mủ ra luôn, nhưng thiệt rất ít, vì thường-thường không chữa thì sinh đau giai và sinh ra chứng khác nữa.

Mới đầu thì nên ngâm nước nóng, ngồi vào trong thùng to mà ngâm thì tiện hơn hết, ngâm một ngày vài lần cho bớt đau bớt sưng ngọc-hành và cho dễ đi tiểu. Uống thuốc thông tiểu-tiện như là santal, copahu... Đến khi bớt mủ mới thụt ống-đái được (xem cách thụt mục XXX); còn đàn-bà thì thụt cửa-mình (xem cách thụt ấy mục XVI).

---

(1) La blennorrhagie.

(2) Nghĩa là ba ngày sau khi nằm chung với người đàn-ông có bệnh lậu.

Người đau lậu phải dưởng trong mình, đừng thức đêm hành phòng, làm việc nhọc, cỡi ngựa vân-vân . . . Còn về sự ăn thì tiêu, ớt không nên dùng nhiều, rượu cũng không được uống. Khi nào rờ đến ngọc-hành thì phải rửa tay lại cho thiệt sạch, kẻo vày mủ vô mắt thì đỏ mắt ngay.

Đến lúc lành rồi, cũng phải kiên-cử như cách nói đó, cợ ba tuần sau mới ăn làm như cũ được.

14° SƯNG HÒN GIÁI — (1) Những người đau lậu năng bị hòn giái sưng lên, có khi cả hai, nhưng thường thường một hòn sưng mà thôi. Khi bị chứng ấy thì tức và đau nơi hòn giái, khó đi lắm, xem qua thì biết hòn giái đau to hơn hòn lành và đỏ hơn. Đau như vậy cợ hai tuần thì lành, nhưng có khi lành rồi thì hòn giái nhỏ quá, không sinh ra tinh-khí, như trước được, nếu cả hai hòn đau như vậy thì sau liệt không muốn hành phòng nữa và người bệnh thành yếu điệu như đàn-bà, chớ không mạnh bạo được như trước.

CÁCH CHỮA: Thường-thường vì lậu mà sinh ra, nên phải chữa bệnh lậu luôn. Người bệnh phải nằm, không được đi mà sưng thêm, để trên chỗ đau một bao nước đá thì mau tản và mau hết sưng lắm. Như không có nước đá thì bôi pommade mercurielle belladonée cũng mau bớt.

16° TIM-LÀ.—(2) Sau khi nằm chung với một người đàn-bà đầu ngọc-hành có thể chợt và lỡ ra. Có hai thứ lỡ:

a) một thứ thường, (3)

b) một thứ chính là tim-la. (4)

---

(1) L'orchite.
(2) La syphilis.
(3) Le chancre simple ou chancre mou.
(4) Le chancre syphilitique ou chancre induré.

a) MỤN LỞ THƯỜNG : Khi lở thường thì cợ năm sau ngày sau bữa nằm chung với người đàn-bà thì đã biết. Vì ở cửa-mình của người đàn-bà có bệnh lở ấy, nên khi hành-phòng vi-trùng qua ngọc-hành, rồi như có chợt chỗ nào ở trên ngọc-hành thì vi-trùng đục vô, thời người đàn-ông mắc phải bệnh. Lở thường ngó dễ biết : Vì mụn lở không đều, mủ ra nhiều, rờ dưới mụn thì mềm, vả lại dôi ba mụn chớ không độc chiếc như mụn tim-la. Những mụn ấy ăn lăng ra xung-quanh chống lắm, nhưng cợ một tháng thì bớt mủ, đám da non và thành sẹo.

b) MỤN TIM-LA : Cợ 25 ngày sau bữa nằm với đàn-bà có bệnh, mụn ấy mới tỏ ra, khi ấy mới biết được. (1) Thường-thường mụn tim-la thì độc chiếc chớ không có nhiều, mụn ấy bằng-thẳng, và xung-quanh đều, không xo-xám như cách mụn thường; mủ thì không, chỉ có nước trắng-trắng ra mà thôi, lấy hai ngón-tay mà bớp hai bên thì nghe cứng-cứng, chớ không đau. Trong cợ ba tuần thì đám da non thành sẹo, ấy là lành ở chỗ ngọc-hành đó mà thôi còn vi-trùng thì vô huyết và có thể đi khắp cùng thân-thể, nhưng mà người bệnh tưởng lành rồi ; đến cợ một tháng rưởi nữa mới trức nhiều mụn khác trên da hay là ở lỗ-đít, trong miệng vân-vân... Những mụn nầy khác nhau lắm, trước thì mọc cùng mình những mụn hồng-hồng không mủ máu chi cả, sau lại mọc thứ có mủ, chỗ lớ chỗ nhỏ, mụn thì có vảy mụn thì không, chỗ nào cũng có được, trên đầu, nơi ngực, cùi-tay, cùi-chơn... Mấy ngón-tay cũng đau, nhất là ở đầu móng; tóc thời năng rụng, đau đầu, đau xương; ban đêm thì đau nhiều hơn ban ngày; đàn-bà có mang thì năng sẩy. Những mụn và chứng đau mới nói vừa rồi đó là vì vi-trùng tim-la sinh ra thế, khi ấy người ta nói rằng bệnh tim-la đã qua bực thứ hai. (2)

---

(1) La période primaire.

(2) La période secondaire.

Mấy năm sau nữa mới qua bực cuối cùng, (1) khi ấy thì là nặng hơn nhiều : trong mình nổi lên những mụt tròn-tròn như quả phụng-quân, quả ổi vậy, phía trong thì có mủ, lâu-lâu những mụt ấy nức, mủ chảy ra, nhưng miệng lâu lấp lắm và có thể to lần thêm. Nhiều khi xương cũng bị ăn mục, nhất là xương-ống và xương-mũi, cho nên có người phủng mất cả mũi ; có lúc bệnh lại ăn đến gân cốt, đến não, thành phát điên.

CÁCH CHỮA : Đây là nói cách chữa bệnh tim-la mà thôi chớ còn mụt thường ở ngọc-hành thì dễ chữa lắm, chỉ rửa cho sạch, chấm tý thuốc trừ vi-trùng cũng lành được,

Bệnh tim-la cần phải chữa dòi ba năm mới thiệt lành được, tuy chữa lâu ngày thì cũng phiền và mất thì-giờ lắm, nhưng ai mắc phải bệnh ấy, cũng phải trị cho thiệt lành không thì sau truyền bệnh cho con cháu thì hại lắm.

Mỗi tuần tiêm trong mạch-máu một lần novarsenobenzol, dầu 0gr15, sau lại lên lần-lần 0gr30, 0gr45, 0gr60, 0gr75. Xong mấy phát ấy thì tiếp mười phát bi-iodure de Hg 0gr01 một ngày, tiêm ở bàn-đít, nghỉ mười ngày lại tiêm lại, tiêm cho được ba bốn trào như vậy, trong lúc tiêm thuốc nầy thì phải chùi miệng và súc miệng với chlorate de potasse à $\frac{4}{200}$ cho khỏi đau nếu-răng; như có đau răng thì nghỉ tiêm thuốc ấy, mà cho uống iodure de potassium 4gr một ngày, uống luôn 20 ngày nghỉ mười ngày rồi uống lại ba bốn trào như vậy cũng được. Uống thuốc iodure ấy có người không hạp, thì đau mắt và chảy mũi-nước, nên cho uống ít đã rồi sau lên lần-lần. Sau lại phải uống thuốc bổ cho khỏe trong mình, qua năm sau phải tiêm và uống thuốc lại như cách nói trên. Làm như vậy cợ ba năm thì lành lẳng bệnh tim-la được ; nhưng trước khi dinh trị thì phải hỏi thầy-thuốc hoặc là thử huyết coi còn dinh độc hết

(1) La période tertiaire.

XL- BỆNH DỊCH.

1° DỊCH TẢ.—(1) Bệnh tả thường ngày thì không có, nhưng đến khi một người bị thì lây cho nhiều người khác chóng lắm cho nên nhiều khi trong một tỉnh đôi ba nghìn người đau một lần.

Người mắc bệnh ấy mới đầu đi rửa có phần sau lại đi ra nước và có hột như cháo gạo, mươi phút thì đi một lần, đau bụng khó chịu, lại thêm mửa, hai bắp chơn đau lắm mạch yếu, mắt sâu, tiếng nói khan và khát nước lắm. Sau lại, người bệnh lạnh lắm, cặp hàng thử-biểu vô nách thì chỉ lên đến 34· 35· mà thôi, nhưng mà cặp trong đít thì thường hoặc là lên đến 38°, 39°. Người bệnh khi ấy không đi tiểu nữa còn mạch thì chạy yếu, nội trong một hai ngày thì mê và chết.

Như người bệnh mà bớt được, thì thôi đi rửa và hết mửa, trong mình bớt mệt, đi-tiểu được và mạch chạy mỗi ngày mỗi mạnh thêm cho đến khi lành.

CÁCH CHỮA: Potion de Chastang:

Chloroforme	1 gramme.
Rhum ou cognac	8 grammes.
Acétate d'ammoniaque. .	10 grammes.
Sirop de morphine	40 grammes.
Eau.	100 grammes.

Nửa giờ cho uống một muỗng to. Phải cho năng thoa cùng mình kẻo người bệnh lạnh, dùng alcool camphré mà thoa. Tiêm sérum artificiel 1 à 2 litres, mà tiêm ra ba bốn lần, chớ dừng tiêm một lần nhiều quá. Mạch chạy yếu thì phải tiêm huile camphrée 5 à 10^{cc} để trợ tim.

Thường thường phải uống nước lọc hay là nước đã nấu sôi, đồ ăn thì phải nấu cho chín; đến khi có dịch tả, sự ấy lại phải càng cẩn thận lắm nữa, hoa quả hay là rau sống không nên ăn.

(1) Le choléra.

Bệnh tả là hay lây lắm, bởi khi nào có người đau bệnh ấy thì nên nói cho quan trên biết ngay, đừng dấu mà lây cho kẻ khác.

Người săn-sóc kẻ đau dịch tả phải cho có ý hết sức mới được : để người bệnh nằm nhà riêng, đừng cho người nhà vô ra mà lây, không được ăn uống trong buồng người bệnh nằm và trước khi ăn phải rửa tay, rửa miệng cho sạch.

Phân của người bệnh tả là rất độc, vì trong ấy có vi-trùng, không bao giờ được để cho ruồi đậu lên, nếu đậu ở đó rồi đi đậu lên đồ-ăn, thì đem vi-trùng vô đồ-ăn, người nào ăn phải đồ ấy thì lây bệnh. Khi người bệnh đi sòng xong thì phải lấy thuốc tẩy-uế (1) mà ngâm để trừ vi-trùng, rồi đem chôn cho sâu. Áo quần của người bệnh thì nấu hay là bỏ vô nồi riêng mà hấp.; chén đĩa của người dùng thì phải để riêng, đến khi người bệnh lành rồi thì buồng nằm phải xông (2) để trừ vi-trùng. Còn như người bệnh chết, thì phải lấy vôi bỏ vào trong quan-tài rồi chôn cho sâu, người đau tả mà chết, thì phải chôn ngay chớ không nên để lâu mà lây cho kẻ khác.

2° DỊCH HẠCH.— (3) Ở bên Đông- Pháp ta, những tỉnh Phan-thiết, Phan-rí, Hải-phòng, Sài-gòn thường năng bị bệnh dịch hạch mà chết nhiều, ở các tỉnh khác thì ít khi có bệnh ấy

Bệnh dịch hạch lây thứ nhất, có khi trong một nhà người cha phát bệnh nằm buổi sáng, thì ngày mai hoặc là chiều hôm ấy mẹ con bị lây theo. Bệnh ấy thường mấy con chuột phát trước, những con bò-chết, con rệp cắn chuột rồi qua cắn người thì đem vi-trùng ở trong

(1) Xem trương 105
(2) Xem trương 106.
(3) La peste.

huyết chuột qua cho người, thì người bị cắn lây bệnh dịch của chuột. Đến khi người phát bệnh thì chóng lây cho người khác lắm.

Bệnh dịch hạch thường phát thình lình rồi nặng ngay; bỗng-chốc người mắc bệnh nổi sốt (1) lên, đau đầu và mệt lắm, mặt có hơi phù, con mắt thì đỏ, mấy chỗ thường có hạch như là ở háng, nách, cổ, vân-vân.., thì rờ đến đau và sưng to, (2) trong trí lo sợ lắm; cợ ít giờ đồng-hồ thì người bệnh mê, nói sản rồi chết.

Đến khi lành được thì bớt sốt, bớt mê và mấy mụt hạch đó ra mủ, nhưng không thước-thẳng mà tự-nhiên lành được là một sự ít có lắm. Như mười người bị bệnh dịch hạch mà biết cách chữa thì cũng được vài người sống mà thôi, vì bệnh ấy nặng lắm, có người đau chỉ trong vài giờ mà chết.

Có người mắc bệnh ấy mà sinh ho, khó thở, khạc ra như máu cá, (3) như vậy là nguy-hiểm lắm, người bệnh đã khó lành mà lại dễ lây cho kẻ khác, vì khi ho, vi-trùng ra theo thì ai đứng trước mặt có thể mắc bệnh được.

CÁCH CHỮA: sérum antipestéux 40cc một ngày, tiêm dưới da bụng, qua ngày thứ hai, thứ ba cũng tiêm lại cho đến khi nào hết sốt thì thôi.

Bệnh dịch hạch là hay lây lắm, nên có người nào phải bệnh ấy thì đem đến nhà-thương lập-tức, để cho ở buồng riêng. Nhà người bệnh ở trước mà như bằng tranh thì khuyên người ta đốt đi hoặc là xin phép quan trên đốt, như bằng ngói thì phải xông.

---

(1) 39° 5 à 41° 5.
(2) La peste bubonique.
(3) La peste pneumonique.

(1) để trừ vi-trùng và chuột bò-chết, vân-vân. . . Những loài chuột bò-chết, rệp, thì nên tìm cách mà giết chết hết. Áo quần người bệnh thì phải hấp. Người nào săn-sóc cho người bệnh thì phải tiêm sérum antipesteux 10cc để phòng bệnh ấy, tiêm một lần như vậy thì khỏi mắc bệnh cợ một tuần, người nào ở với bệnh lâu hơn thì phải tiêm lại. (2)

3° ĐẬU MÙA. — Người an-nam ta cách ba bốn mươi năm trước vì đậu-mùa mà chết thiệt nhiều lắm, nói không xiết; mấy năm sau nầy nhờ sự trồng đậu nên bệnh đậu-mùa ít hại dân, thỉnh-thoảng có vài người đau bệnh ấy mà thôi, sông những người ấy là vì ở xa-xuôi không đến chỗ người ta trồng đậu được, hoặc là khinh suất không muốn đi trồng.

Bệnh đậu-mùa mới phát lên thì sốt và đau lưng lắm có khi lại buồn mửa, khó chịu trong mình không ngủ được; cợ vài ngày như vậy thì sau thấy trên da nổi đỏ và mọc những mụn nhỏ-nhỏ mà có hơi nùng ở dữa, mọc ở mặt trước rồi đến ngực, tay, chơn. . . Nội trong bốn năm ngày thì mọc cùng mình và thành mủ. Cợ qua ngày thứ chín, mấy mụn ấy toét, thì mủ chảy ra, hôi thối lắm, chảy cợ trong năm hôm mới thôi, trong lúc ấy thường người bệnh năng chết lắm, như không chết thì mấy mụn khô và đóng vảy lần; tự ngày phát bệnh cho đến khi vảy rụng hết thì cũng cợ một tháng.

CÁCH CHỮA:

Ether. . . . . 1 gramme.
Sirop d'opium. 30 grammes.
Eau . . . . . 150 grammes.

(1) Xông bằng soufre, Xem trương 107
(2) Người nào ở xứ bị dịch-hạch thì nên tiêm vaccin antipesteux thì phòng bị được đến sáu tháng.

Mỗi giờ uống một muỗng to. Như có sốt thì cho quinine 0gr50 một ngày, trong mình yếu thì cho thuốc bổ. Phải năng rửa miệng và rửa mắt với cau boriquée.

Trong lúc đau thì ăn cháo hay là sữa chớ không nên ăn cơm.

Người đau bệnh đậu mùa thì phải đem đến nhà thương để người ta cho ở buồng riêng, kẻo lây ra người khác. Áo quần của người bệnh thì phải nấu sôi để trừ vi-trùng. Vì vậy đậu mà người nầy lây qua người khác nên chi những đồ gì của người bệnh mà có thể dính vảy đậu thì người khác không được dùng, như là; mền, chiếu khăn áo, quần vân-vân. .. Trong nhà có một người lên đậu-mùa thì cả nhà phải trồng đậu lại. Người nào trồng đậu mà mọc thì khỏi mắc bệnh đậu-mùa đến bảy năm. (Xem mục XXXIII).

4° BỆNH GHÍP. — (1) Có người lại gọi là bệnh cúm, ai đau bệnh ấy thì trước hết đau các đầu-xương, đau đầu và mệt mỏi trong mình khó chịu, sau lại nghẹt mũi, rát cổ, ho. Bệnh ấy thường thường nhẹ, năm bảy hôm thì lành nhưng mà có khi lại nặng lắm: sốt, khang tiếng và ho nhiều, tức ngực khó thở vì phổi sưng, mê-mang rồi chết. Năm 1918 thiên hạ chết nhiều vì bệnh ấy.

CÁCH CHỮA : Khi mới đau thì cho uống :

Huile de ricin . . . 30 grammes

để cho thông đại-tiện, uống về buổi sáng bụng đói. Mai lại uống quinine 1 gramme en 2 cachets và cho uống thuốc ho bầu nơi ngực vân-vân . . . Trong lúc đau thì uống sữa nước trà, café cho nóng, không được ăn cơm và lại cả ngày phải năng súc miệng.

(1) La grippe.

Bệnh ghíp hay lây lắm, người đau phải để nhà riêng; còn người nào coi sóc người bệnh, thì phải cho nằng súc miệng và lấy huile goménolée mà bôi trong lỗ mũi để phòng, kẻo vi-trùng bệnh ghíp thường vô mũi và miệng trước.

IXL-BỊ THUỐC ĐỘC.

1° ĂN PHẢI NHA PHIỆN. — (1) Người ăn phải nha-phiện nhiều quá là vì bị người khác thuốc hoặc là vì muốn tự tử. Ăn phải thuốc ấy nội trong nửa giờ thì trong mình nghe khó chịu, mửa và đau đầu, mạch chạy yếu, không đều; toát mồ-hôi ra nhiều còn thở thì không đều, và chậm, hai con người thì nhỏ lắm. Như ăn phải nhiều quá, nội trong một vài giờ thì bất tỉnh và chết, khi gần chết hai con người lại mở tò ra hơn thường.

CÁCH CHỮA: Như mới ăn phải thuốc phiện thì phải chọc cổ cho mửa và rửa bao-tử lập tức, rửa với nước đã nấu sôi nổi hay là với permanganate de K à. $\frac{0.25}{1000.}$

Như ăn thuốc đã lâu, quá một giờ rưỡi, thì rửa bao-tử cũng vô ích, vì thuốc đã ngấm rồi, khi ấy thì phải cho uống : { Permanganate de K 0gr20
Eau. . . . . 200 grammes.

Vả lại cho nằng uống thêm café đậm và nóng, như người bệnh mê-mang thì phải thức dậy, đi đa, bẻo, cho chuyển-động đừng cho nằm im.

2° ĂN PHẢI NẤM ĐỘC. — (2) Có nhiều thứ nấm độc, lúc nào ăn phải thứ độc lắm, hai giờ sau khi ăn thì buồn mửa, chóng mặt, người bệnh hoảng-hốt, nói sản và có khi chết.

CÁCH CHỮA: Chọc cổ cho mửa và rửa bao-tử liền, lấy nước trà hầm-hầm mà rửa. Rồi cho thuốc lấy sulfate de soude 40 grammes. Cả ngày phải nằng uống café và

(1) Hay là thuốc phiện : opium.
(2) Les champignons vénéneux.

thoa chơn tay cho chuyển động, như mạch yếu thì tiêm caféine, huile camphrée. . . .

3e ĂN PHẢI CÁ VÀ HÀU HẾN ĐỘC. — (1) Những con cá hay là hàu hến ăn phải giống gì độc hoặc là ương thối, người ta ăn vô cũng sinh bệnh.

Người ăn phải giống cá và hàu hến ấy, thì sinh mửa, đi rửa, chóng mặt, mệt, khó thở, có khi đến chết.

CÁCH CHỮA: Rửa bao-tử cho sạch và thụt thuốc tẩy (2) để cho đi đại-tiện nhiều. Cả ngày, cho uống nước trà, sữa và champagne.

Cũng nên lấy nước-hoa mà thoa chơn tay. . . , như mạch yếu thì tiêm huile camphrée.

IXL bis. — CHẾT TRÔI.

Người không biết lội xuống nước thì chìm và thở chừng nào thì nước vô mũi, miệng chừng nấy, chớ không có không-khí.

Người chết trôi khi kéo dưới nước lên thì lạnh lắm và không thở nữa; vậy thì khi ấy cốt nhất là phải cho thở lại và cho huyết chạy lại cho đều, để bớt lạnh trong mình.

Khi mới vớt người chết trôi lên, thì cởi áo quần ra, để nằm ngửa trên giường, đắp một cái mền, lấy khăn lau bọt và bùn ở trong miệng cho sạch, dùng cái thìa hay là miếng gỗ mà nạy hai hàm-xai ra, để vậy, rồi lấy lông gà xoi trong họng cho mửa nước ra ; lấy nước nóng đổ vô chai để hai bên người cho ấm, và lấy rượu với một miếng nỉ mà thoa chơn và bắp-bả. Trong lúc một người làm mấy việc ấy, thì người khác phải cho người bệnh thở lại, sự cho người chết-trôi thở lại là trọng lắm, nên phải làm ngay chớ đừng trễ (xem trương 59 thì rõ).

CHUNG

(1) Poissons, coquillages etc. avariés.
(2) Xem mục XIV

MỤC LỤC.

KHOẢN THỨ NHẤT

Trương.

I. Vì sao mà làm ra quyển sách nầy ? 7
II. — Bổn-phận mấy thầy và mấy chị làm ở nhà-thương đối với người bệnh. 8
III. —Bổn-phận thầy y-sự đối với quan thầy-thuốc. . 10
IV. — Bổn-phận thầy y-sự đối với bà-con người bệnh. 10
V. — Khi làm việc cho đến khi về nhà. 11
VI. — Buồng người bệnh nằm. 12
VII. Khi người bệnh vô nhà-thương. 13
VIII. — Sự ăn uống của người bệnh. 15
IX. Cách cho thuốc vào thân-thể người bệnh. . 16
1° Cách cho uống thuốc 17
2° Cách cho thuốc vào lỗ-đít. 19
3° Phết thuốc ngoài da. 19
4° Tiêm thuốc vào thịt hay là mạch-máu . 19
5° Cách cho thuốc vào phổi 20
X. — Bắt mạch. 21
XI. — Hàn-thử-biểu. 22
XII. Cách rửa miệng. 24
XIII. — Cách rửa bao-tử. 26
XIV. — Thụt vào đít. 28
1° thụt cho đi đại-tiện. 29
2° thụt thuốc tẩy. 29
3° thụt đồ-ăn. 30
4° thụt thuốc. 30
5° thụt cho bớt nóng trong người. . . . 31
XV. — Thụt thuốc sérum vô đại-trường. . . . 31
XVI. — Thụt cửa-mình. 32
XVII. — Cách dùng sự lạnh. 33

1° bao nước-đá. 33
2° đặt khăn ướt. 34
3° đắp vải ướt. 34

XVII. — Cách dùng sự nóng. 35
háp cơm. 35
XVIII. Tắm. 36

1° tắm nước lạnh. 36
2° tắm nước hầm-hầm. 37
3° tắm nước nóng. 37

KHOẢN THỨ HAI

XIX. — Cách làm cho hết vi-trùng và cách dùng thuốc giết vi-trùng. 38

XX. — Cách hấp đồ. 39
1° Nồi hấp. 40
2° Lò hấp 41
a) Hấp đồ mổ-xẻ 42
b) Hấp bông và vải-sưa 43
c) Hấp chỉ 43

XXI. — Cách rửa tay 43
XXII. — Cách buộc thuốc 44

a) buộc trên đầu. 46
b) buộc lỗ-tai, ... 47
c) buộc cổ tay hay là ống-chơn . . . 47
d) buộc cằm. 48
e) buộc háng 49
f) buộc chơn hoặc tay đã cắt cụt . . . 49

XXIII. — Tiêm. 49

1° tiêm dưới da 50
2° tiêm trong thịt 51
3° tiêm trong mạch-máu. 52

XXIV. — Sự cho thuốc mê. 54
1° cách cho thuốc mê chloroforme. . . 55
2° mấy đều phải biết lúc cho thuốc mê . 57
3° cách chữa người bệnh chết giả trong lúc cho thuốc mê. 59
(a) kéo vô ra cái lưỡi cho đều. 60
(b) cách làm cho người bệnh thở. . . . 60

KHOẢN THỨ BA :

XXV.— Cách bầu. 62
1° bầu khô. 62
2° bầu rạch để lấy huyết. 62
XXVI. — Cách cho đỉa hút. 63
XXVII. — Cứu và bàn-đốt gọi là thermocautère. 64

KHOẢN THỨ TƯ.

XXVIII. — Rửa mắt và cho thuốc 66
(xông mắt). 67
A) thuốc trị bệnh đỏ mắt 69
(1° cách cho thuốc nước vô mắt. 69
(2° cách cho thuốc mỡ vô mắt. 70
(3° cách cho thuốc khô vô mắt. 70
B) cách buộc mắt. 71
C) cách lật mý mắt. 72
XXIX. — Rửa lỗ-tai. 73

KHOẢN THỨ NĂM.

XXX. — Cách rửa ống-đái. 74
XXXI. — Thông lòng-bóng. 75
a) thông lòng-bóng cho đàn-bà. 76
b) cách buộc ống-thông cho khỏi sút. 76
XXXII. — thoa. 77
1° thoa nhẹ-nhẹ. 77
2° thoa mạnh hơn. 77

3° bóp 78
4° dấm 78

XXXIII. — Trồng đậu. 78
những chứng có thể xảy ra sau khi trồng đậu . 81
XXXIV. — Cách lấy máu, đờm, phẩn vân-vân... để xem kính hiển-vi. 82
a) cách lấy máu. 83
b) cách lấy đờm. 84
c) cách lấy phẩn 85
d) cách lấy nước-tiểu. 85
XXXV. — Những đồ mổ-xẻ thường dùng. . . 87
XXXVI. — Cách đỡ đẻ. 91

KHOẢN THỨ SÁU

XXXVII — Thuốc thường dùng. 91
1° thuốc uống trong 91
(thuốc uống để cho trẻ con) 100
2. thuốc để xức ngoài da . . . . 101 à 105
3° thuốc tẩy-uế . . . . . 105 à 108

KHOẢN THỨ BẢY

XXXVIII — Bệnh đau trong. 109
1° bệnh sán 109
(sán dũa 109
(sán nhỏ thường ở phía trên tiểu-trường. 111
(sán kim. 112
(sán xơ-mít. 112
2° bệnh sốt rét. 114
3° trúng thực. 117
4° bệnh đi rửa 118
5° bệnh kiết-lỵ 118
6° ho gió 120
7° ho lao 120

XXXIX. - Bệnh dau ngoài. 122

1. người bị thương. 122
2. gẫy chơn, ... 122
3. dứt da. 124
4. bị chó mèo cắn. 124
5. bệnh chó giại cắn 125
6. rắn cắn 126
7. ghẻ-hờm hay là sàu quảng. . . . 127
8. phỏng. 128

9° đỏ mắt. 128
(đỏ mắt thường. 129
(đỏ mắt mà có mủ 129
(đỏ mắt trắng. 130

10° ghẻ 131
11° tim-la-cóc. 132
12° mụt-dọt hay là dọt-ung 133
13. bệnh tê-phong 134
14. bệnh-lậu. 135
15. sưng hòn- giái. 136
16. tim-la. 136

XL.—Bệnh dịch. 139

1° dịch tả. 139
2. dịch hạch. 140
3. đậu mùa 142
4. bệnh ghíp hay là bệnh cúm. 143

IXL.—Bị thuốc độc. 144

1. ăn phải nha-phiến. 141
2. ăn phải nấm độc. 141
3. ăn phải cá và hầu hiến độc. 145
IXL bis.—chết trôi 145

DESACIDIFIE
à SABLE : 1994

Còn nhiều sách xua trong Quán Ven Đường kính mời vào lấy về đọc.